

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



**DỰ THẢO BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH DIỄN VIÊN KỊCH-ĐIỆN ẢNH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 01 - 2022

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**

**DỰ THẢO BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH DIỄN VIÊN KỊCH-ĐIỆN ẢNH**

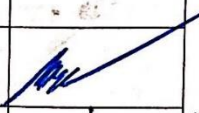
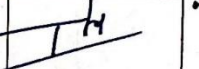
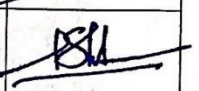
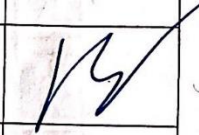
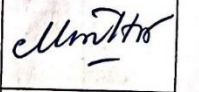


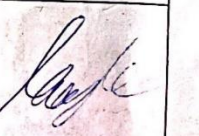
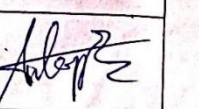
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 01 - 2022

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH DIỄN VIÊN KỊCH - ĐIỆN ẢNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo quyết định số 705/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1.	Ông Nguyễn Đình Thi	PGS.TS NGND, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Ông Phạm Đắc Thi	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3.	Ông Bùi Như Lai	NSUT, P. Trưởng khoa Sân khấu. Giảng dạy môn Kỹ thuật biểu diễn.	Phó Chủ tịch	
4.	Bà Trịnh Thúy Hương	TS, Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thư ký	
5.	Bà Trần Thị Minh Hòa	NSND. Nguyên PGĐ Nhà hát Kịch VN	Thành viên	
6.	Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS, Trưởng phòng Đào tạo, QLKH& HTQT	Thành viên	
7.	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS, Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
8.	Ông Lê Mạnh Hùng	TS, Nguyên trưởng khoa Sân khấu. Giảng dạy môn Kỹ thuật biểu diễn và môn Tiếng nói	Thành viên	
9.	Bà Hà Phương Anh	SV lớp Diễn viên Kịch - ĐA K38B	Thành viên	

(Danh sách gồm có 09 người).

PHỤ LỤC

Nội dung	Trang
MỤC LỤC	4
PHẦN I. KHÁI QUÁT	9
1. Đặt vấn đề	9
2. Tổng quan chung	11
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	15
<i>Mở đầu</i>	15
Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học	15
Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo	17
Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	20
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	21
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	21
<i>Mở đầu</i>	21
Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật	22
Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	23
Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	24
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	25
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	26
<i>Mở đầu</i>	26
Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	26
Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng	27
Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp	29
<i>Kết luận Tiêu chuẩn 3</i>	30
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	31
<i>Mở đầu</i>	31
Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	31
Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	33
Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	38
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	38
<i>Mở đầu</i>	38
Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	38

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	40
Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	41
Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập	46
Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	47
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	47
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	48
Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng	50
Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	53
Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá	57
Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	58
Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	60
Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	61
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	63
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	64
Mở đầu	64
Tiêu chí: 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	64
Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	66
Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	67
Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	68
Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	69
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	71
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	71

Mở đầu	71
Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật	72
Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá	74
Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học	75
Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học	78
Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học	80
Kết luận về tiêu chuẩn 8	82
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	83
Mở đầu	83
Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	83
Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	85
Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	87
Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	90
Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	92
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	94
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	95
Mở đầu	95
Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình	95
Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến	96
Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra	98
Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học	100
Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến	103
Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến	105
Kết luận về tiêu chuẩn 10	106
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	107
Mở đầu	107
Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	108

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	110
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	112
Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng	114
Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	115
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 11</i>	117
PHẦN III. KẾT LUẬN	118
PHẦN IV. PHỤ LỤC	129

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

ĐHSKĐAHN	Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội
CTĐT	Chương trình đào tạo
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
KT&ĐBCLGD	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
ĐT,QLKH&HTQT	Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế
QLHSSV	Phòng Quản lý Học sinh, sinh viên
TT TTTV	Trung tâm Thông tin Thư viện
GV	Giảng viên
SV	Sinh viên
CDR	Chuẩn đầu ra
NSUT	Nghệ sỹ ưu tú
NSND	Nghệ sỹ nhân dân
CTDH	Chương trình dạy học
SK-ĐA	Sân khấu-Điện ảnh
KQHT	Kết quả học tập
HCTH (TCCB)	Phòng Hành chính, Tổng hợp (bộ phận Tổ chức cán bộ)
NCKH	Nghiên cứu khoa học
CSGD	Cơ sở giáo dục
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội trong suốt chặng đường 40 năm xây dựng và phát triển. Để có một bức tranh cụ thể về một Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đa ngành phát triển toàn diện, đạt chuẩn chất lượng kiểm định trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo và trước xã hội, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội tiến hành thực hiện quy trình đánh giá CTĐT một số ngành đào tạo trong đó có CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo cũng như xây dựng văn hóa chất lượng tại Khoa Sân khấu trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh. Trong quá trình triển khai công việc này, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh căn cứ vào các tiêu chuẩn và các mốc chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh để phát huy những điểm mạnh cũng như nhìn nhận lại những mặt tồn tại của CTĐT giai đoạn 2015 – 2020, trên cơ sở đó, Khoa và Trường có những phương hướng, hành động cụ thể nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm tiếp theo.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được thành lập theo Quyết định số 705/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội bao gồm 09 thành viên và Ban thư kí giúp việc Hội đồng gồm 07 thành viên. Trong đó, Ông Nguyễn Đình Thi, Hiệu Trưởng của Trường là Chủ tịch hội đồng; bà Nguyễn Thị Thanh Quế, Phó Hiệu trưởng là Phó chủ tịch hội đồng; Thạc sĩ, Nghệ sĩ Ưu tú Bùi Như Lai – Phó Trưởng Khoa Sân khấu là đồng Phó chủ tịch hội đồng; bà Trịnh Thúy Hương, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD) là Thư kí. Các thành viên còn lại trong Hội đồng và Ban thư kí đến từ tất cả các phòng ban liên quan (Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Hành chính tổng hợp; Công tác Học sinh sinh viên; KT&ĐBCLGD) và Khoa Sân khấu.

Mục đích tự đánh giá chương trình đào tạo là nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh, Khoa Sân khấu - Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Nâng cao chất lượng CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo ở thời điểm tự đánh giá; là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội.

Công cụ đánh giá là 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và Kế hoạch số 118/KH- BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm năm 2017. Mỗi tiêu chí được tiến hành tự đánh giá theo trình tự sau: Mô tả, làm rõ thực trạng của chương trình đào tạo; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục; lên kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo.

Quy trình đánh giá được tiến hành từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 8 năm 2020. Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá; lập kế hoạch tự đánh giá; phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; viết báo cáo tự đánh giá; lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá; triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường từ năm 2015 đến năm 2020, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu, sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng chức năng, Khoa, Viện, và các đối tượng liên quan.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Hx.ab.cd. ef

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự minh chứng theo từng tiêu chí.

Bản “Báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh - Khoa Sân khấu theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT). Bản báo cáo gồm bốn phần chính: Khái quát, đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, kết luận và phụ lục. Phần đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí là phần trọng tâm của báo cáo, trong đó các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày lần lượt theo thứ tự: Mở đầu, mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động, đánh giá các tiêu chí và kết luận mỗi tiêu chuẩn. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về các tiêu chuẩn. Các tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn được mô tả chi tiết nhằm nêu ra những điểm mạnh và những tồn tại, thông qua đó lên kế hoạch hành động và các giải

pháp cải tiến. Các tiêu chí sau khi phân tích được tự đánh giá một cách khách quan theo 7 mức quy định. Những điểm nổi bật, những tồn tại cơ bản ở mỗi một tiêu chuẩn được trình bày tóm tắt ở phần kết luận. Tuy còn một số hạn chế về CTĐT nhưng theo đánh giá, các tiêu chuẩn đều đạt mức từ 4/7 đến 6/7.

2. Tổng quan chung

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (sau đây viết tắt là Trường hoặc Nhà trường) trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo Dục và Đào tạo. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động theo các quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường đại học. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Mục đích hoạt động của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu hoạt động trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực sáng tạo tốt, đáp ứng nhu cầu giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một trung tâm đào tạo trọng điểm hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình; có khả năng hội nhập và giao lưu quốc tế, đi đầu trong việc tiếp thu kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực sân khấu - điện ảnh của các nước vận dụng vào thực tế Việt Nam.

Sứ mạng của Trường được công bố như sau: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”. Tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN” (*Ban hành kèm theo Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội*). Tầm nhìn này sẽ giúp nhà Trường vạch ra cho mình hướng đi đúng và nâng cao vị thế của Nhà trường trong nước cũng như vươn tầm quốc tế.

Vào năm 2017, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đã được công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia (Do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận). Thành quả đạt được đó chính là nhờ vào những chiến lược đúng đắn và những mục tiêu rõ ràng của nhà Trường. Những mục tiêu đó được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Trong đề án “Phát triển Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014-2020” đã ghi rõ mục tiêu là: "Xây dựng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành

trung tâm đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia và đạt trình độ các trường tiên tiến trong khu vực về các lĩnh vực nghệ thuật và kỹ thuật của các ngành sân khấu, điện ảnh, truyền hình, múa, nhiếp ảnh và thiết kế mỹ thuật; góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. "Mục tiêu này đã được thay đổi để phù hợp với sứ mạng của Trường trong giai đoạn mới - giai đoạn xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Mục tiêu của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và gắn với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức: Tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Trường; "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV"; đại hội Đảng và các đoàn thể; trên mạng lưới website của Trường; sổ tay sinh viên; các hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường, của các đoàn thể, các đơn vị hàng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học.

Để những mục tiêu đã đề ra đạt được hiệu quả cao, Nhà trường đã có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao và đảm bảo chất lượng về mặt giáo dục cũng như các hoạt động khác trong Nhà trường.

Trước hết, Nhà trường ban hành hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Những văn bản này đều được công bố minh bạch trên phần mềm văn phòng điện tử Office, thông báo trong các cuộc họp, hội nghị, gửi thông báo công khai đến từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cũng như quy chế hoạt động, tổ chức hoạt động của khoa đào tạo. Các quy định, quy chế này phù hợp với Điều lệ trường đại học, các quy định của pháp luật và thường được bổ sung, cập nhật phù hợp với từng giai đoạn phát triển như sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan. Những văn bản có tính pháp lý này đã và đang phát huy hiệu quả việc quản lý các hoạt động chung của nhà trường, tạo nên một khối thống nhất, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị trong quá trình triển khai các hoạt động. Từ đó nâng cao chất lượng toàn diện trong toàn trường.

Ngoài các văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của khoa, phòng; Trường còn ban hành các văn bản để phân định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Sự phân công này được công bố công khai trên subweb của các đơn vị, nhờ đó việc liên hệ công tác của các đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi. Việc phân công, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các đơn vị khá hợp lý, được cán bộ, nhân viên đồng tình, ủng hộ, phát huy được vai trò, tính tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành các mặt hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường luôn được nhấn mạnh về vai trò dẫn đầu trong việc duy trì cũng như phát huy hiệu quả làm việc của toàn trường. Dưới sự lãnh đạo sâu sát, toàn diện của Đảng ủy, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên tham gia. Tổ chức Công đoàn đã đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức. Công đoàn Trường đã tích cực, chủ động phối hợp với lãnh đạo các đơn vị, tham mưu cho cấp ủy Đảng tổ chức triển khai, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết đến cán bộ, viên chức trong toàn Trường; tham gia tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương và việc điều phối quỹ phúc lợi đảm bảo công bằng, minh bạch, góp phần ổn định Nhà trường.

Đoàn Thanh niên Trường đã tổ chức được các phong trào cho thanh niên sinh viên rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các phong trào như: Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn Thanh niên Bộ VHTTDL tổ chức; kỷ niệm các ngày lễ lớn với những hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, tinh thần phục vụ cho việc học tập cũng như tăng tình đoàn kết, gắn bó giữa sinh viên các khoa; chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để thực hiện như hoàn thành kiểm định chất lượng trường đại học trước tháng 4 năm 2017, đẩy mạnh việc xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Song song với việc xây dựng kế hoạch dài hạn, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn cũng được Nhà trường xúc tiến hàng năm. Nhà trường đã đề ra được các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường bao gồm: Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong chương trình công tác hàng năm của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban Thanh tra nhân dân... BGH trực tiếp duyệt kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị trực thuộc Trường.

Đơn vị thực hiện CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh là Khoa Sân khấu. Đồng hành với trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (SKĐAHN) từ buổi sơ khai, quá trình phát triển của Khoa Sân khấu trải dài 61 năm lịch sử (Từ 1959- tiền thân là Khoa Đạo diễn-Điễn viên). Từ năm 1962, khi phân hiệu Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được thành lập. Sau đó năm 1980 để phù hợp với xu thế mới và đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, Bộ VHTT (tên lúc đó) đã có quyết định thành lập trường ĐHSKĐA với Hiệu trưởng là GSTS, Đạo diễn SK, NSND Đình Quang. Quy tụ được đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm nhất trong quản lý giáo dục và các giảng viên, nghệ sỹ ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh của cả nước.

Trải qua 40 năm đào tạo liên tục, ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh đã đào tạo khoảng gần 2000 cử nhân diễn viên Kịch-Điện ảnh. Rất nhiều diễn viên nổi tiếng trong nước đã học tập tại Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh-Truyền hình như NSND Trung Hiếu – Giám đốc Nhà hát kịch Hà Nội; NSND Minh Hòa – Nguyên Phó Giám đốc Nhà hát kịch Hà Nội; NSƯT Xuân Bắc – Giám đốc Nhà hát kịch Việt Nam; NSUT Kiều Minh Hiếu – Phó giám đốc Nhà

hát kịch Việt Nam; NSND Tự Long – Phó giám đốc Nhà hát Chèo Quân đội; NSND Trọng Khôi – Nguyên chủ tịch Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, NSND Đoàn Dũng - nguyên Hiệu trưởng Trường CĐ Sân khấu điện ảnh TP Hồ Chí Minh.v.v....

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 11 cán bộ, trong đó có 01 nhà giáo ưu tú, 01 phó giáo sư; 01 tiến sĩ và 9 thạc sĩ. Khoa hiện có 4 mã ngành đào tạo bậc đại học: Đạo diễn Sân khấu; Diễn viên Sân khấu, Điện ảnh và Truyền hình; Lý luận phê bình Sân khấu; Biên kịch Sân khấu. Hình thức đào tạo của khoa bao gồm: Chính quy, Vừa làm vừa học và Liên kết đào tạo.

Sinh viên khoa Khoa Sân khấu năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia các hội diễn chuyên nghiệp, tham gia các bộ phim điện ảnh và truyền hình nổi tiếng, nhận được sự quan tâm của đông đảo khán giả. Các sự kiện được tổ chức thường xuyên của khoa bao gồm: Liên hoan Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc, Liên hoan sân khấu về hình tượng người chiến sỹ công an nhân dân, Liên hoan sân khấu thủ đô... Đây là những sân chơi bổ ích cho sinh viên để họ có cơ hội giao lưu và học hỏi lẫn nhau, giúp sinh viên có các trải nghiệm thực tế với nghề nghiệp mà mình sẽ theo đuổi sau này.

Cán bộ và sinh viên Khoa Sân khấu có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các cựu sinh viên, giảng viên của khoa có quỹ học bổng hỗ trợ các sinh viên có điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các sinh viên có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện.

Sứ mạng chính của Khoa cũng là Sứ mạng của Trường ĐH SKĐA là đào tạo đào tạo cử nhân chính quy ngành Diễn viên Sân khấu-Điện ảnh; Đạo diễn Sân khấu; Đạo diễn Âm thanh-Ánh sáng; Đạo diễn Sự kiện Lễ hội. Đào tạo cử nhân hệ vừa làm vừa học và văn bằng 2 ngành Đạo diễn Sân khấu; Diễn viên Sân khấu-Điện ảnh.

Khoa Sân khấu đã và đang thực hiện những chính sách và hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo chất lượng toàn diện. Chính sách đầu tiên liên quan tới công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy trường Đại học SKĐAHN, Chi bộ Sân khấu, cán bộ viên chức, sinh viên của đơn vị luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức, người học, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ khoa đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Trường và Khoa ngày càng vững mạnh.

Thứ hai, công tác sinh viên; công tác đoàn thể cũng được chú trọng. Khoa đã chỉ đạo liên chi đoàn và liên chi hội sinh viên tổ chức nhiều hoạt động bổ ích, thiết thực. Tổ chức tốt tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, đầu các năm học. Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành Giáo dục và Đào tạo cho người học thông qua các buổi sinh hoạt cán bộ lớp, cán bộ đoàn và các hoạt động chung của khoa. Tham gia Hội nghị

đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Nhà trường, Khoa nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của sinh viên và học viên, không có hiện tượng khiếu nại vượt cấp.

Thứ ba, công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ được coi là nòng cốt để tạo nền móng bền vững cho chất lượng đào tạo. Đội ngũ giảng viên được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Hầu hết cán bộ giảng dạy được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước.

Thứ tư, công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng và thanh tra giáo dục cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục.

Chương trình đào tạo của Khoa thường xuyên được cập nhật với xu thế của thế giới, nội dung giảng dạy ngày càng phong phú, linh hoạt và theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thứ năm, Khoa rất chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, Thư viện tác phẩm kịch, điện ảnh, truyền hình của Khoa luôn cập nhật để các GV cùng phân tích, thảo luận để sử dụng trong các bài giảng. Đặc biệt, các chuyên đề mới luôn được tổ chức, mời các Nhà SX, diễn viên chia sẻ những kinh nghiệm từ thành công cũng như thất bại trong nghề nghiệp để các GV và SV có được những giao lưu thực sự cần thiết.

Cuối cùng, công tác cơ sở vật chất, thiết bị, kế hoạch - tài chính, đời sống cũng được coi là nhiệm vụ thiết yếu trong tổng thể đảm bảo chất lượng của Trường và Khoa. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của Khoa do Nhà trường phân bổ. Cán bộ phụ trách thiết bị có tinh thần trách nhiệm cao, bảo quản tốt các thiết bị máy móc tại phòng thực hành và các thiết bị tại văn phòng. Quỹ hoạt động của Khoa luôn được chi đúng mục đích và minh bạch, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Quỹ phúc lợi được chia công bằng cho cán bộ nhân dịp các ngày lễ lớn như 20-11, Tết âm lịch. Ngoài ra đơn vị còn tổ chức đi du lịch trong và ngoài nước cho toàn thể cán bộ trong các dịp hè, thăm hỏi động viên cán bộ và thân nhân khi có việc trọng đại. Công tác thăm hỏi cựu giáo chức luôn được quan tâm chu đáo, duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa các thế hệ cán bộ. Đời sống cán bộ Khoa ngày càng được nâng lên, cán bộ yên tâm làm việc và gắn bó với nghề.

Với những chính sách bao quát và toàn diện trong việc đảm bảo và phát huy chất lượng giáo dục của Trường từ khi thành lập đến nay, Khoa Sân khấu luôn là địa chỉ tin cậy cho sinh viên chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh tốt nhất khu vực miền Bắc, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho các SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định trong Luật GDĐH. Trên cơ sở mục tiêu này, chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT trình độ cử nhân diễn viên Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của luật Giáo dục Đại học; Thông tư số 14 năm 2010; Thông tư số 07 năm 2015; Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016 [H1.01.01.01]; mục tiêu của CTĐT hướng tới việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà Trường [H1.01.01.02]. Cụ thể, SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến nghệ thuật sân khấu, kịch - Điện ảnh - Truyền hình nói riêng và văn hoá nghệ thuật nói chung trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế [H1.01.01.03].

CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh, để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.04]. Đặc biệt từ năm 2018, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường Đại học SKĐAHN, khoa Sân khấu đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh. CTĐT sau khi được thông qua đã công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường để các bên liên quan có thể dễ dàng tra cứu, sử dụng [H1.01.01.05]. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Theo đó, một điểm đổi mới quan trọng là sự thay đổi về số đơn vị học trình (ĐVHT) và số đầu môn. Từ năm 2015 đến 2020, điểm đổi mới quan trọng là sự bổ sung số đơn vị học trình của các môn học chuyên ngành như Kỹ thuật biểu diễn, Kỹ thuật biểu diễn trước ống kính... Khoa liên tục trau dồi, tiếp biến các phương pháp giảng dạy, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật cho sinh viên của nước ngoài như phương pháp Body Language của Na Uy, phương pháp Suzuki của Nhật Bản... và áp dụng ngay vào các môn học

chuyên ngành như Kỹ thuật biểu diễn, Tiếng nói, Hình thể..., nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội. Giai đoạn 2015-2020, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, trưởng bộ môn, SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng [H1.01.01.06]. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CDR, các học phần trong khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự tích hợp, được cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh chưa được tiến hành thường xuyên, kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2021 trở đi, định kỳ 2 năm 1 lần, Hội đồng KHĐT của Khoa Sân khấu sẽ tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, với Luật giáo dục đại học sửa đổi và đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu sẽ tăng cường và đa dạng hoá các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT trình độ cử nhân ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xác định rõ ràng và bắt đầu xây dựng từ năm 2017 theo một quy trình thống nhất, được bổ sung vào các năm 2018; 2020 [H1.01.02.01]. CDR thể hiện tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐH SKĐAHN; phù hợp với mục tiêu của CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Theo đó, CDR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho SV và GV dễ dàng xác định mục tiêu cần đạt được trong quá trình giảng dạy

và học tập về các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy [H1.01.01.02] [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành Điện ảnh bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là: (1) Về mặt kiến thức: Về kiến thức và lập luận ngành, CTĐT ngành Điện ảnh truyền hình hướng đến trang bị cho SV những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu, các kiến thức cơ bản, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp. Những kiến thức cơ sở ngành liên quan đến các kiến thức và kỹ năng về kịch, điện ảnh, truyền hình, hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành. Những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của ngành Điện ảnh và của từng chuyên ngành chuyên sâu như Kỹ thuật biểu diễn, Tiếng nói, Hình thể Sân khấu, Kỹ thuật biểu diễn trước ống kính; giúp người học vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức Kịch, điện ảnh và truyền hình vào nghiên cứu và ứng dụng như đảm nhận các vai diễn trong các dự án sân khấu, điện ảnh, truyền hình; kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp. (2) Về mặt kỹ năng: Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động thực tập nghề nghiệp. CĐR ngành Điện ảnh xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được như sau: Sau khi tốt nghiệp, SV có kỹ năng đạo diễn trong hoạt động nghề nghiệp, bao gồm kỹ năng chỉ tổ chức và chỉ đạo đoàn làm phim. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình cũng được chú trọng trong CĐR ngành Điện ảnh. Cụ thể, SV phải có kỹ năng thể hiện khả năng cập nhật các kỹ năng mới, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CĐR ngành Điện ảnh cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như liêm chính và trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp, trung thực trong nghề nghiệp, nhiệt tình và say mê công việc, tính kỷ luật nghề nghiệp Điện ảnh. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp được nhấn mạnh trong CĐR ngành Điện ảnh. Theo đó, SV phải có kỹ năng làm việc nhóm bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, tổ chức sản xuất. (3) Về mức tự chủ và trách nhiệm: Nhóm CĐR cuối cùng mà SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến bối cảnh xã hội, SV phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành Điện ảnh, xác định được tác động giữa người làm nghệ thuật với xã hội, hiểu biết được các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế. Bối cảnh tổ chức yêu cầu SV có hiểu biết về sự đa dạng văn hóa của tổ chức, hiểu biết sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của tổ chức; hiểu biết bối cảnh kinh doanh, hoạt động của tổ chức. CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt

động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp. CĐR còn chú trọng đến năng lực thực hiện triển khai hoạt động nghề nghiệp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. (4) Về triển vọng việc làm trong tương lai: Sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Đạo diễn điện ảnh SV có thể đảm nhận công việc của trợ lý đạo diễn, đạo diễn quay phim điện ảnh truyền hình tại các hãng phim, đoàn làm phim; tổ chức dự án liên quan đến điện ảnh - truyền hình, làm phim, sản xuất chương trình truyền hình; nghiên cứu lĩnh vực điện ảnh. Tuy nhiên, CĐR cho từng môn học mới chỉ được phản ánh dưới dạng mục tiêu của từng môn học [H1.01.01.03] [H1.01.01.05].

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt. Thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy SV đạt được CĐR ở mức độ khá cao theo yêu cầu [H1.01.02.03]. Bên cạnh đó, Khoa Sân khấu còn thực hiện việc khảo sát nhà tuyển dụng, các giảng viên là các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV về CĐR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT [H1.01.02.04]. Kết quả cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CĐR đáp ứng được yêu cầu người học cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng [H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh

Khoa Sân khấu đã xây dựng và ban hành CĐR cho CTĐT ngành Diễn viên kịch điện ảnh đầy đủ; đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Khung trình độ quốc gia. CĐR được xác định khá rõ ràng, có khả năng đo lường và đánh giá. Các CĐR đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều phương pháp và công cụ để đánh giá và đo lường CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT tiếp tục thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho SV theo CĐR đã xây dựng, rà soát CĐR để điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu định kỳ tổ chức 2 năm một lần để lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR, đồng thời phối hợp với Phòng ĐT, QLKH&HTQT; phòng KT & ĐBCLGD nghiên cứu về phương pháp và công cụ đo lường mức độ đạt được của CĐR để ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá, đo lường CĐR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. CĐR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xây dựng từ năm 2017. Năm 2020, Nhà trường đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa và ban hành theo quy định [H1.01.03.01.DC]. Do CĐR được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến của các bên liên quan nên CĐR của CTĐT cử nhân chuyên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình [H1.01.01.05.DC].

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được định kỳ rà soát điều chỉnh 2 năm 1 lần. Theo đó, sau khi ban hành CĐR vào năm 2017, đến năm 2019, Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT phối hợp với khoa Sân khấu đã tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT nói chung và CĐR nói riêng của CTĐT các chuyên ngành khoa Sân khấu. Hoạt động rà soát, điều chỉnh CĐR được Trường ra thông báo, hướng dẫn và có kế hoạch cụ thể. CTĐT được lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng) [H1.01.01.06.DC], [H1.01.01.07.DC]; kết quả khảo sát được khoa Sân khấu tổng hợp, họp thống nhất về nội dung cần chỉnh sửa CĐR và đề xuất Nhà trường ban hành [H1.01.03.02], [H1.01.01.06.DC], [H1.01.01.07.DC]. Đặc biệt, phiên bản CTĐT năm 2020, CĐR đã được thực hiện bằng việc tổng hợp thực trạng nhu cầu nhân lực trên thị trường [H1.01.03.03] và đối sánh với CTĐT của 02 trường quốc tế: Đại học Howon - Hàn Quốc và đại học Gloucestershie (Nước Anh) [H1.01.03.04]. Sau khi CTĐT phiên bản 2020 được ban hành, khoa tiến hành chỉnh sửa bài giảng của giảng viên thực hiện ngay trong năm học 2021-2022 [H1.01.01.05.DC].

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được công bố công khai, rộng rãi thông qua website của trường, khoa Sân khấu và sổ tay SV, giúp GV người học; các bên liên quan dễ dàng tiếp cận được CĐR của CTĐT trình độ cử nhân ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh [H1.01.03.05].

2. Điểm mạnh

CĐR được định kỳ rà soát và điều chỉnh, đối sánh với trường đại học nước ngoài giúp cho CĐR của CTĐT được cập nhật, phù hợp với nhu cầu thực tế và được công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng và số lượng tham gia đóng góp của các bên liên quan chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ký kết các thỏa thuận hợp tác với những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh, tiếp tục duy trì hoạt động trao đổi với các bên liên quan để thực hiện định kỳ việc rà soát chuẩn đầu ra. Khoa sẽ tiếp tục trao đổi để xây dựng được kênh truyền thông riêng cho khoa vào cuối năm 2022 nhằm phục vụ công tác đào

tạo của khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với phòng CTHSSV xây dựng chiến lược mở rộng mối quan hệ với các bên liên quan, đặc biệt là các chuyên gia trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh và truyền hình để gia tăng quy mô, chất lượng của các đợt khảo sát. Định kỳ 2 năm/lần tổ chức hội nghị cựu sinh viên và nhà tuyển dụng để lấy ý kiến về CDR/CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường. CDR của CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xây dựng theo một quy trình rõ ràng, được điều chỉnh và bổ sung kịp thời trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan. CDR được công bố rộng rãi trên các website của trường, của khoa Sân khấu.

Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu CTĐT và CDR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có đối sánh với trường đại học nước ngoài.

Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng nhà tuyển dụng, nhà khoa học tham gia vào công tác xây dựng và rà soát CDR cũng như nội dung CTĐT chưa nhiều và chưa thường xuyên.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 1.1				x				4.33	3	100
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3					x					

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT có ý nghĩa như một văn bản bản mô tả, giới thiệu chi tiết về CTĐT và hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học cho giảng viên, sinh viên, đồng thời là tài liệu để giới thiệu, truyền thông về CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xây dựng theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD &ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức

năng, nhiệm vụ của Trường ĐHSKĐAHN và khoa Sân khấu. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho các bên liên quan các thông tin về CTĐT, dự kiến kết quả đầu ra, cấu trúc khoá học, CĐR của CTĐT và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/ đánh giá học phần. DCHP được chuẩn hoá, đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả và DCHP của CTĐT được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin của Nhà trường và Khoa giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ cử nhân ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xây dựng theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Năm 2014, được chỉnh sửa, rà soát. Năm 2018, sau hoạt động đánh giá ngoài cơ sở giáo dục của Trường, CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được cập nhật, điều chỉnh và đến cuối năm 2020 Khoa Sân khấu đã tiến hành hoàn thiện bản mô tả CTĐT qua 2 lần cập nhật **[H2.02.01.01]**.

Bản mô tả CTĐT cung cấp cho các bên liên quan các thông tin đầy đủ và cập nhật về CTĐT, bao gồm các thông tin chung như tên cơ sở giáo dục; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu; CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đến đề cương các môn học/ học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT **[H2.02.01.02]**.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật và điều chỉnh những nội dung mới nhất có liên quan của CTĐT. Bên cạnh kiến thức, chương trình còn thể hiện các kỹ năng mà người học đạt được khi tốt nghiệp **[H2.02.01.03]**. Đồng thời, chương trình được cập nhật, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của GV, của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, nhà quản lý nhằm đảm bảo chương trình mang tính thực tiễn, phản ánh nhu cầu xã hội **[H2.02.01.04]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định và được rà soát, cập nhật phù hợp thực tế phát sinh theo nhu cầu thị trường và trên cơ sở ý kiến khảo sát của các bên liên quan. Ma trận CĐR thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần trong chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết của từng học phần.

3. Điểm tồn tại: Việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các bên liên quan chưa rộng. Việc cập nhật các thông tin cho bản mô tả CTĐT chưa được văn bản hoá.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu chủ động rà soát bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu thực hiện định kỳ 2 năm một lần thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, đồng thời phối hợp với

phòng Đào tạo, QLKH&HTQT; Khảo thí & ĐBCLGD xây dựng văn bản để chuẩn hoá việc thiết kế bản mô tả CTĐT.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần của CTĐT được Khoa Sân khấu xây dựng theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội [H2.02.01.01.DC]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần [H2.02.02.01]. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số đơn vị học trình (số tín chỉ tương đương); mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo [H2.02.02.02]. [H2.02.01.02. DC]

Tất cả đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu. Tất cả những sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên ý kiến khảo sát từ GV, SV năm cuối, cựu SV, các nhà quản lý và các nhà tuyển dụng lao động nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát nhất với nhu cầu xã hội và đáp ứng được nhu cầu xã hội [H2.02.01.04.DC].

Năm học 2020-2021 và 2021-2022 do tình hình dịch bệnh Covid -19 diễn biến căng thẳng ảnh hưởng lớn đến kế hoạch giảng dạy, học tập và hoạt động nghệ thuật của giảng viên, sinh viên. Tuy nhiên, Khoa Sân khấu vẫn có một số hoạt động nổi trội như: Chủ trì dàn dựng vở “EDIP làm vua” tham gia Liên hoan sân khấu các trường nghệ thuật Châu Á (ATEC); giảng viên Khoa tham gia chương trình lễ hội “Hội An Show”, tháng 3/2021 với vai trò Đạo diễn; Đạo diễn vở “Chén thuốc độc” chương trình khai mạc Lễ Kỷ niệm 100 năm Sân khấu Kịch nói Việt Nam ... [H2.02.01.03]. Những thành tích đạt được của giảng viên và người học khoa Sân khấu trong bối cảnh học tập trực tuyến cũng cần phải cập nhật vào đề cương môn học nhằm làm phong phú nội dung phương pháp giảng dạy của chuyên ngành.

2. Điểm mạnh

Đề cương học phần có đầy đủ thông tin và được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

3. Điểm tồn tại

Tài liệu tham khảo trong đề cương môn học chưa thực sự phong phú, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, tham khảo, học tập và cập nhật các phong cách biểu diễn đang ngày một đa dạng trên thế giới. Thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá sinh viên còn đơn giản, chưa cập nhật các nội dung liên quan đến dạy, học trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu phối hợp với phòng DT,QLKH&HTQT xây dựng chuẩn hóa mẫu ĐCCT học phần; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu phối hợp với phòng DT,QLKH&HTQT xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung thông tin để diễn tả chi tiết hơn về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá người học trong các đề cương học phần, đặc biệt đối với hình thức học trực tuyến do dịch bệnh.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học/ học phần ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh sau khi được chỉnh sửa, bổ sung vào các năm 2017; 2020 [H2.02.01.02.DC] đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Để tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan có quan tâm dễ tiếp cận CTĐT và đề cương học phần, Khoa Sân khấu đã đăng tải CTĐT và đề cương các khóa lên website của Trường, sổ tay sinh viên, [H1.01.03.05.DC].

Bên cạnh đó, những điều chỉnh trong Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được Nhà trường thông báo cho cán bộ GV và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại bảng tin của Khoa. Những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Nhà trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện [H2.02.03.01].

Bên cạnh đó, Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT (bộ phận tuyển sinh); khoa Sân khấu còn có thể hỗ trợ tư vấn trực tuyến qua điện thoại và fan page về các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, tuyển sinh [H2.02.03.02.DC]. Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học [H2.02.03.03.DC].

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo tính công khai, dễ hiểu và dễ tiếp cận không chỉ đối với cán bộ, giảng viên của Trường mà các bên liên quan như nhà tuyển dụng đều dễ dàng tiếp cận và tham khảo [H2.02.03.04] [H2.02.03.05.DC], [H2.02.03.06.DC].

2. Điểm mạnh:

Thông tin trong bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được công bố rộng rãi và công khai qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại: Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P. ĐT,QLKH&HTQT; P. CTHSSV tiếp tục công bố rộng rãi và công khai bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần lên website của trường, của Khoa hoặc triển khai cách thức công khai khác nhau để tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng cách truy cập trang Web của Trường hoặc tham gia thực hiện các khảo sát, đánh giá CTĐT và các đề cương học phần.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu phối hợp với P. Khảo thí & ĐBCLGD, P. CTHSSV, Phòng Đào tạo, QLKH& HTQT xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các bên liên quan. Sau đó tổ chức đánh giá hằng năm về mức độ tiếp cận của các bên liên quan đối với CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh của khoa Sân khấu có bản mô tả CTĐT và các ĐCHP được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật theo định kỳ và theo xu hướng mới về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực sân khấu, kịch, điện ảnh, truyền hình. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT được công bố công khai, đầy đủ, rộng rãi và kịp thời. Quá trình xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật CTĐT đều căn cứ theo quy định chung của BGDĐT. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng khoa học khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Tuy nhiên Khoa Sân khấu chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan đối với CTĐT, do đó số lượng các bên liên quan để lấy ý kiến phản hồi về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần chưa được chuyên sâu.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 2:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 2.1				x				4.0	3	100
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xây dựng trên cơ sở tuân thủ theo các quy định về CTĐT của Bộ GD &ĐT với các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học. CTDH được cấu trúc hợp lý và có hệ thống. Nội dung CTDH được thiết kế căn cứ vào mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi học phần có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR. Các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau để đảm bảo đạt được CĐR. Các học phần trong CTĐT được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ, đảm bảo tính hợp lý và logic đồng thời đảm bảo mỗi học phần đều đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí trong CĐR. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua các lần chỉnh sửa, rà soát CTĐT nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Bắt đầu từ năm 2018, chương trình dạy học đại học ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.01.DC]. Đồng thời, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong chương trình dạy học là phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, cụ thể như sau:

Chương trình dạy học của ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, cụ thể: Chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa, kết quả phản hồi của các bên liên quan [H3.03.01.02.DC], [H3.03.01.03.DC] [H2.02.01.01.DC] để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR. CTDH đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra của ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần, ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng [H3.03.01.04.DC] và mô tả chuẩn đầu ra của CTĐT gồm: mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra của ngành và chuẩn đầu ra của mỗi học phần; nội dung đào tạo; phương pháp kiểm tra đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần. [H2.02.01.02. DC].

Chương trình dạy học phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn

luyện các kỹ năng. Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CĐR một cách tối ưu. Cụ thể, chương trình của ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh hiện nay được thiết kế gồm 26 đầu môn học trên tổng số 216 đơn vị học trình (tương đương 164 tín chỉ), tập trung vào các khối kiến thức chung đại cương, khối kiến thức ngành bao gồm kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành (gồm các môn học bắt buộc và tự chọn); đồ án tốt nghiệp. Bên cạnh đó là các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Chủ đề của CĐR CTĐT bám sát 4 trụ cột chính là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTĐT ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTĐT và bản mô tả học phần **[H2.02.01.02. DC]**. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học **[H3.03.01.05.DC]**.

2. Điểm mạnh

Cấu trúc của chương trình dạy học trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CĐR. Các đề cương chi tiết trong từng học phần đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy-học và đánh giá để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

CTĐT chưa được xây dựng theo phương thức đào tạo tín chỉ; chưa thực hiện việc đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi. Việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình dạy học chưa được rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng ĐT, QLKH & HTQT định kỳ 2 năm 1 lần rà soát cấu trúc chương trình dạy học hợp lý hơn nữa để phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy – học nhằm đạt được CĐR ngày một cao hơn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng ĐT, QLKH & HTQT định kỳ 2 năm 1 lần tổ chức lấy ý kiến đóng góp và phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, GV, SV, người học đã tốt nghiệp, ...) về CTDH để điều chỉnh, xây dựng chương trình dạy học ngày càng hoàn thiện hơn. Đồng thời, từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu tăng cường công tác dự giờ, tổ chức hoạt động xêmina cấp khoa và bộ môn để góp ý xây dựng nâng cao hiệu quả việc triển khai nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá ở tất cả các học phần; thực hiện đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR. Cụ thể, mỗi học phần được phân nhiệm theo ma trận CĐR của CTĐT, trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và và CĐR chi tiết của từng học phần nhằm đáp ứng CĐR được phân nhiệm. Các học phần xác định rõ nội dung, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CĐR của học phần. Các học phần theo các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) được phân chia theo nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó học phần để phân nhiệm mục tiêu học phần cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT. **[H3.03.02.01]**.

Mặt khác, 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR, cụ thể như sau: Tất cả các học phần trong CTĐT đều có đề cương chi tiết, do GV của các bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Mỗi đề cương đều có đầy đủ thông tin về đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo **[H3.03.02.02]**. **[H2.02.02.02. DC]**.

Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc học phần và điểm bài tốt nghiệp của các SV để đo lường mức độ đạt được chuẩn kiến thức của mỗi môn học cơ bản đã đạt yêu cầu, chứng tỏ mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của chương trình **[H3.03.02.03.DC]**.

Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là ý kiến của các nhà sử dụng lao động về chuẩn đầu ra và chương trình dạy học đạt CĐR chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, phương pháp đánh giá và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học và có nội dung bao trùm các CĐR của chương trình dạy học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt ý kiến của các nhà tuyển dụng thực hiện chưa thường xuyên.

CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh chưa thực hiện định kỳ tự đánh giá, điều này ảnh hưởng đến việc rà soát, bổ sung kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2022, Khoa Sân khấu xây dựng kế hoạch cải tiến chương trình dạy học thể hiện rõ hơn mục tiêu, yêu cầu của học phần, hoàn thiện hơn nữa phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo quá trình dạy - học đạt được mục tiêu đề ra.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa Sân khấu phối hợp với P. CTHSSV, P. ĐTQLKH&HTQT tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan trong việc hoàn thiện chương trình dạy học. Từ năm 2022, mỗi năm 1 lần, Khoa Sân khấu phối hợp với Viện nghiên cứu SK- ĐA tổ chức ít nhất 01 đề tài KH&CN hoặc hội thảo cấp Khoa/ Trường về đổi mới nội dung, PPGD và KTĐG đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh. Từ năm 2022, bám sát yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH để tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong chương trình dạy học trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình thành một khối thống nhất, cụ thể:

Từ năm học 2018, chương trình dạy học (CTDH) ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh có 216 đơn vị học trình (tương đương 164 tín chỉ) trên tổng số 216 đơn vị học trình, với cấu trúc và trình tự logic hơn những năm trước đó. Cụ thể, khối kiến thức đại cương gồm 12 học phần tương đương 36 tín chỉ, chiếm 22% tổng số học trình tương đương tín chỉ của CTĐT; khối kiến thức cơ sở ngành gồm 8 học phần tương đương 18 tín chỉ, chiếm 11%; kiến thức chuyên ngành gồm 6 học phần tương đương 98 tín chỉ, chiếm 59%; các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VII; khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được tiến hành từ học kỳ I. đến học kỳ VIII đảm bảo tính hợp lý và logic; thực tập chuyên ngành được tiến hành vào kỳ VII. **[H3.03.02.01.DC]. [H3.03.03.01.DC].**

100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/ học kỳ thực hiện) **[H3.03.03.02.DC].**

Chương trình dạy học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào năm 2014, năm 2018 tiếp tục được rà soát và điều chỉnh **[H3.03.03.03].**

Chương trình dạy học khi được điều chỉnh có tham khảo với phương pháp huấn luyện diễn viên của Tadashi Suzuki (môn tiếng nói, hình thể) [H1.01.03.04] đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong CĐR của CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh.

3. Điểm tồn tại

CTDH chưa được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ theo quy định (tối thiểu 2 năm một lần); chưa lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả của CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2021, Khoa Sân khấu xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến CTDH, đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, Ban chủ nhiệm khoa sẽ tập trung chỉ đạo GV thực hiện CTDH phải thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần phải điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố của CĐR CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần tổ chức rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 3:

Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt CĐR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần cũng được xác định rõ. Cấu trúc, trình tự của các học phần theo các nhóm kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ có tính logic cao. Các học phần và nội dung học phần có hệ thống tích hợp liên quan chặt chẽ với nhau được thiết kế và mô tả trong chương trình. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua việc đối sánh với một số CTĐT của nước ngoài; đội ngũ GV được bồi dưỡng và tập huấn ở nước ngoài có sự rà soát và kiểm tra chặt chẽ của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 3:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 3		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 3.1				x				4.0	3	100
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng CTĐT. Ngành Điện viên Kịch-Điện ảnh cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Giai đoạn 2015-2020, phương pháp tiếp cận trong dạy và học được GV, SV ngành Điện viên Kịch-Điện ảnh cập nhật, áp dụng và triển khai tương đối hiệu quả và được rà soát điều chỉnh hàng năm. Năm 2017, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội tuyên bố triết lý giáo dục của Nhà trường là: **“Sáng tạo, chuyên nghiệp; bảo tồn, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại”**, từ đó trong hoạt động đào tạo của Trường nói chung, ngành Điện viên Kịch-Điện ảnh nói riêng có sự điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đào tạo những con người có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh để tự duy độc lập, chuyên nghiệp; biết sáng tạo để làm giàu những giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; có đủ năng lực hội nhập; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại và quảng bá giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam ra thế giới. Giảng viên của Trường/Khoa luôn nỗ lực hết mình triển khai các phương pháp dạy học tích cực, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo chất lượng đầu ra, được nhà tuyển dụng đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2018-2019, CTĐT của ngành Điện viên Kịch-Điện ảnh được rà soát, các nội dung cơ bản của triết lý giáo dục Nhà trường được đưa vào mục tiêu của CTĐT ngành Điện viên Kịch-Điện ảnh [H4.04.01.01.DC] [H1.01.01.04.DC] [H2.02.01.01.DC] [H1.01.01.05.DC]; hoạt động rà soát tập trung chủ yếu vào công tác điều chỉnh khung

CTĐT, điều chỉnh phân kỳ của học phần và điều chỉnh bổ sung nội dung giảng dạy [H4.04.01.02] [H3.03.03.02. DC].

Từ năm 2019, ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh có thêm đối tượng sinh viên tài năng, Nhà trường chỉ đạo Khoa Sân khấu nghiên cứu xây dựng CTĐT tài năng đảm bảo những yêu cầu cơ bản của Bộ VHTTDL và Bộ GD&ĐT [H4.04.01.03], theo đó Khoa Sân khấu tiến hành nghiên cứu xây dựng CTĐT tài năng trên cơ sở phân tích đối sánh giữa CTĐT hiện hành với các mục tiêu đào tạo tiếp cận những yêu cầu mới nhất của ngành và đất nước, xây dựng CDR và khung CTĐT và thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan nhằm xây dựng CTĐT phù hợp yêu cầu của Nhà trường về đổi mới giáo dục trong giai đoạn mới [H4.04.01.04]. Khoa Sân khấu đã xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức; kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Triết lý giáo dục được tuyên bố trong CDR của CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh, được cụ thể hóa trong từng đề cương chi tiết học phần và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội [H4.04.01.05]. [H1.01.01.05.DC]

Đối với giảng viên, triết lý giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo và CDR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng bản mô tả CTĐT đảm bảo tính logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần [H4.04.01.06].

Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo; mục tiêu đào tạo ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh cho SV của Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên CSHCM cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của SV trong quá trình học tập [H4.04.01.07].

Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên [H4.04.01.08.DC].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như đăng tải trên website Trường, sổ tay sinh viên, hội thảo xây dựng CTĐT v.v.. Đội ngũ cán bộ, giảng viên hiểu rõ mục tiêu giáo dục và thống nhất hành động để hiện thực hóa mục tiêu này.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù triết lý giáo dục/ mục tiêu của CTĐT được công bố đến các bên liên quan, nhưng mới chỉ giới hạn ở một số đơn vị (nhà tuyển dụng chỉ được giới thiệu mục tiêu giáo dục khi tham gia giảng dạy, xây dựng CTĐT hoặc tham dự các buổi hội thảo, hội nghị hoặc

các cuộc họp rà soát CTĐT). Nhà trường chưa nhận được nhiều phản hồi của các nhà tuyển dụng trong cả nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu phối hợp với P. Đào tạo, QLKH&HTQT tiếp tục thực hiện các kế hoạch truyền thông về CTĐT của Khoa để thường xuyên chuyển tải triết lý/ mục tiêu giáo dục của Trường/ Khoa đến các bên liên quan; tổ chức nghiên cứu mức độ tiếp nhận triết lý và mục tiêu giáo dục từ các bên liên quan để cải tiến và đa dạng hơn các phương thức truyền thông cho nội dung này.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021- 2022, định kỳ 02 năm một lần, Khoa Sân khấu sẽ tổ chức ít nhất một buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT và xin ý kiến góp ý về mục tiêu, chương trình, CĐR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4 /7.

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR đã được công bố, các hoạt động đào tạo của Khoa Sân khấu áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phương pháp giảng dạy được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. **[H2.02.02.01.DC] [H2.02.02.02.DC] [H1.01.02.02.DC] [H1.01.02.03.DC] [H4.04.02.01].**

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, CTĐT được Hội đồng KHĐT của khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ 2 năm 1 lần, cùng với sự điều chỉnh của toàn Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. [H4.04.02.02]. Từ năm học 2018-2019, việc rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy được tiến hành bài bản, có tính cập nhật, đổi mới **[H4.04.01.06.DC].**

Từ năm 2020, Bản mô tả CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xây dựng, ban hành, CTĐT được rà soát và phát triển theo hướng tăng cường phát triển năng lực của người học **[H2.02.01.02. DC].** Theo đó, CĐR CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực nghiệm, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp **[H2.02.01.03.DC].**

Các phương pháp dạy - học phổ biến gồm thuyết trình, làm việc nhóm, thực tế xem biểu diễn, áp dụng hệ thống phương pháp đào tạo của một số chuyên gia nước ngoài...; hình

thức thi hết môn thường là thực hành biểu diễn sân khấu. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các đề cương môn học. Những giờ tự học và thực hành được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. Bên cạnh đó, các môn học cơ sở ngành được bố trí song song với các môn kiến thức cơ bản ngay từ những kỳ học đầu tiên (những môn học này sinh viên các ngành được học chung với nhau), điều này giúp cho các sinh viên (tuổi đời còn rất trẻ) cân bằng được cảm xúc, thiết lập sự tương tác giữa các sinh viên khác chuyên ngành; giữa việc tiếp cận những kiến thức mang tính lý luận chính trị với những kiến thức đặc thù nghề nghiệp. Việc bố trí các môn học như vậy vừa tạo cho các em có kiến thức mang tính nền tảng lý luận, phương pháp học tập khoa học, vừa giúp các em có hứng thú để tiếp cận với môn học chuyên ngành.

Đề hoạt động dạy học đạt hiệu quả cao nhất, mang lại lợi ích lớn nhất cho sinh viên, Khoa Sân khấu đã triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm thuyết trình, làm việc nhóm, thực tế xem biểu diễn, áp dụng hệ thống phương pháp đào tạo của một số chuyên gia nước ngoài...; hình thức thi hết môn thường là thực hành biểu diễn sân khấu. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các đề cương môn học. Những giờ tự học và thực hành được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học.

Bên cạnh đó, các môn học cơ sở ngành được bố trí song song với các môn kiến thức cơ bản ngay từ những kỳ học đầu tiên (những môn học này sinh viên các ngành được học chung với nhau), điều này giúp cho các sinh viên (tuổi đời còn rất trẻ) cân bằng được cảm xúc, thiết lập sự tương tác giữa các sinh viên khác chuyên ngành; giữa việc tiếp cận những kiến thức mang tính lý luận chính trị với những kiến thức đặc thù nghề nghiệp. Việc bố trí các môn học như vậy vừa tạo cho các em có kiến thức mang tính nền tảng lý luận, phương pháp học tập khoa học, vừa giúp các em có hứng thú để tiếp cận với môn học chuyên ngành **[H4.04.02.03]**.

Cách thức giảng viên hướng dẫn người học được đặc biệt chú ý và thay đổi theo mỗi nhóm sinh viên hoặc mỗi sinh viên. Chẳng hạn, trong giảng dạy các môn chuyên ngành, giảng viên phải phát hiện các nhược điểm khác nhau của từng sinh viên hoặc nhóm sinh viên để đưa ra những bài tập phù hợp giúp sinh viên cải thiện các nhược điểm đó đồng thời phát huy các thế mạnh khác của bản thân. Người học được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học tập đa dạng như: Lý thuyết và thực hành được đan xen lẫn nhau, các bài tập cơ bản và nâng cao được áp dụng triệt để, giúp đạt được CDR về kỹ năng và thái độ như: Nắm vững phương pháp, quy trình thực hiện và các kỹ năng, kiến thức chuyên ngành diễn viên, thực hành sáng tạo vai diễn trên sân khấu, cũng như trước ống kính máy quay điện ảnh và truyền hình. Có năng lực độc lập sáng tạo, thể hiện vai diễn trong các tác phẩm sân khấu – điện ảnh thuộc nhiều thể loại. Có năng lực tham gia diễn xuất, hoặc cattinh diễn viên, trợ lý đạo diễn cho các bộ phim, làm MC cho các chương trình truyền hình. Nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp; có khả năng chịu được áp lực công việc cao. Có khả năng tư duy, tìm kiếm,

tổng hợp các sự kiện trong xã hội, các thông tin liên quan đến ngành; phân tích và xử lý thông tin để thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành. **[H4.04.02.04]**. Với tỷ lệ 90-97% sinh viên hài lòng về phương pháp giảng dạy của GV cho thấy không có trở ngại nào đối với GV và SV trong việc triển khai các phương pháp dạy để đạt CĐR **[H4.04.02.05]**. Trong quá trình giảng dạy GV đã đa dạng các phương pháp kiểm tra/ đánh giá để đo lường hiệu quả tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong từng môn học, nhằm đạt được CĐR **[H2.02.02.02. DC]**.

Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Người học được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học tập đa dạng giúp đạt được CĐR **[H4.04.02.06]**. SV tự liên hệ với các cơ sở thực tập để thực hành, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, hằng năm, Khoa Sân khấu tổ chức Hội thi tài năng sinh viên nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV Diễn viên Kịch-Điện ảnh đáp ứng CĐR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV làm quen với công việc trong tương lai, một số sinh viên đã tham gia các hoạt động nghề nghiệp và được xã hội công nhận (giải thưởng về phim, sân khấu) **[H4.04.02.07.DC]**.

Tuy nhiên, tỷ lệ giờ thực hành tại các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, do đặc thù của cơ chế quản lý. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học chưa được triển khai định kỳ, việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn chưa rõ nét.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học của CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh kết hợp nhiều phương pháp đa dạng và hiệu quả để đạt được CĐR. Hoạt động dạy và học giúp người học lĩnh hội kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất từ các học phần. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của người học với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học do đó việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn hạn chế; tỷ lệ thời gian cho sinh viên thực hành tại các đơn vị tuyển dụng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; Viện nghiên cứu SK-ĐA tiếp tục đánh giá, cải tiến các phương pháp giảng dạy thông qua các hội thảo, tọa đàm thường niên với các bên liên quan; chú trọng đến phương thức thực tập nhằm tạo cho SV nhiều cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp thực tế và tập huấn cho GV; có nhiều chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH, bồi dưỡng nghề nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, định kỳ hằng năm, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng Khảo thí & ĐBCLGD, phòng CTHSSV khảo sát mức độ hài lòng của người học với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học. Khoa phối hợp với Phòng CTHSSV xây dựng cụ thể hoá Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học. Cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí: 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. *Mô tả hiện trạng*

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học. Đề cương chi tiết của từng học phần có mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của sinh viên. Trên các đề cương đều thể hiện các kỹ năng đạt được đối với từng học phần trong CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh. Chẳng hạn, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng đặc thù của chuyên ngành như: Lấy hơi, nhả chữ, thể hiện đài từ, các kỹ năng về hình thể, sự tập trung chú ý, tưởng tượng, thích ứng, hành động... Các kỹ năng mềm là hành vi ứng xử của mỗi người, là cách tương tác với bạn bè, đồng nghiệp, cách làm việc nhóm... như: kỹ năng truyền đạt, thuyết phục, kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, dẫn chương trình. Các kỹ năng hướng tới việc khai thác được tài năng, sự sáng tạo ở mức tối đa của diễn viên, khích lệ họ bộc lộ hết mình, trấn trở, suy ngẫm với vai diễn của mình [H2.02.01.02.DC] [H2.02.02.02. DC], [H4.04.03.01].

Các hoạt động dạy và học nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Tất cả đề cương chi tiết môn học đều cơ cấu rõ tỷ lệ giờ học trên lớp và giờ tự học, qua đó cho thấy tất cả các đề cương của các môn học đã tập trung nhấn mạnh hoạt động tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Bên cạnh đó, khi bắt đầu một môn học, giảng viên giới thiệu và cung cấp cho sinh viên đề cương của môn học đó. Đặc biệt, đề cương giới thiệu chi tiết các tài liệu học tập trong đó chỉ rõ giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ cho môn học. Điều đó tạo cho sinh viên sắp xếp thời gian, nội dung học tập của mình, sinh viên chủ động lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để thực hiện các mục tiêu của môn học.... [H2.02.02.02. DC].

Đặc biệt, năm 2020 và 2021, sinh viên của ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh đã được tham gia các hoạt động ngoại khoá cùng các giảng viên của Khoa và đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Sinh viên của Khoa đã được tham gia các Liên hoan Sân khấu trong nước và quốc tế: Liên hoan sân khấu Hình tượng người chiến sỹ Công an nhân dân năm 2020 với vở diễn “Tái sinh” - Vở diễn đã đoạt Huy chương Vàng (Đạo diễn: NSƯT Bùi Như Lai), Liên hoan Sân khấu Thủ đô lần thứ IV năm 2020 với vở diễn “Những người ở lại” (Đạo diễn: NSƯT Lê Thị Thúy Nga), Liên hoan các Trường đào tạo nghệ thuật sân khấu châu Á (ATEC) lần thứ VI năm 2021 với vở diễn “Edip làm vua” (Đạo diễn: NSƯT Bùi Như Lai)

[H4.04.03.02]. Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do Đoàn TNCSHCM Trường ĐH SKĐAHN tổ chức góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học.[H4.04.03.03].

Trong bài giảng, giảng viên đã thiết kế phối hợp và vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp dạy học nhằm tạo được sự vận động phát triển tư duy sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên tham gia chiếm lĩnh bài học một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, GV của Khoa Sân khấu đã kết hợp sử dụng linh hoạt nhiều hình thức dạy học: dạy lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên thuyết trình, học trực tiếp tại sân khấu thể nghiệm (Nhà hát A3) để việc học của sinh viên được sát thực nhất với nghề. [H4.04.03.04].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện trường, qua đó giúp SV có điều kiện tốt để tự học [H4.04.03.05].

Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, Khoa Sân khấu hàng năm tổ chức hội thi “Tài năng sinh viên”, tạo điều kiện cho SV ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được thực tập tại các Đoàn kịch, nhà hát, các đơn vị làm phim, các chương trình sự kiện... [H4.04.03.06]. Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, kết quả tổng hợp phiếu phản hồi cho thấy, mức độ hài lòng của sinh viên về hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy của GV rất cao. Điều này cho thấy GV tham gia giảng dạy luôn sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.07]. Ngoài ra, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh, tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm là khá cao. [H4.04.03.08].

Năm học 2020-2021, do dịch Covid – 19 diễn biến phức tạp ở Việt Nam và trên thế giới, hoạt động dạy và học của Thầy và trò khoa Sân khấu gặp rất nhiều khó khăn do phải học online. Đây cũng là một thách thức mới đòi hỏi Khoa Sân khấu phải nghiên cứu, cập nhật vào đề cương học phần về phương pháp giảng dạy, đảm bảo trong mọi hoàn cảnh học tập đều có thể đạt kết quả tốt nhất.

2. Điểm mạnh

100% đề cương chi tiết các môn học đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của người học hiệu quả. GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của nghề diễn viên Kịch, Điện ảnh đòi hỏi người giảng viên phải có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có kinh nghiệm và sự trải nghiệm thực tế, có nghiệp vụ sư phạm tốt. Tỷ lệ giảng viên trẻ của Khoa Sân khấu vừa là một điểm mạnh nhưng đồng thời cũng là điểm ảnh hưởng đến hiệu quả khích lệ SV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập để nâng cao kỹ năng cho người học. Phối hợp với Phòng HCTH (bộ phận tổ chức cán bộ) để xây dựng kế hoạch, chiến lược bồi dưỡng giảng viên trẻ của khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Sân khấu tổ chức nghiên cứu (Hội thảo, tọa đàm, xêmina) nhằm xây dựng, bổ sung các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tự học của SV, đồng thời đề xuất với Nhà trường sắp xếp điều kiện học tập cho sinh viên ngành diễn viên kịch điện ảnh khi học môn học có thực hành, bài tập nhóm. Ngoài ra, Khoa tổ chức 1 hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy ngành diễn viên Kịch, Điện ảnh trong bối cảnh học trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Triết lý giáo dục của Trường-Khoa được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, sinh viên mới tốt nghiệp vẫn cần phải tự có ý thức chuyên tu và học hỏi nhiều từ những đạo diễn hoặc nghệ sĩ gạo cội. Bên cạnh đó, do đặc thù về ngành đào tạo diễn viên Diễn viên Kịch-Điện ảnh, để đạt hiệu quả cao khi triển khai đa dạng các phương pháp trong đào tạo phụ thuộc rất lớn chất lượng đầu vào của người học; cơ sở vật chất và trang thiết bị; kỹ năng giảng dạy của giảng viên. Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 4		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 4.1				x				4.0	3	100
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học. Trong CTĐT ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh, hoạt động đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt CDR. Các quy định cụ thể về đánh giá KQHT của người học đầy đủ, rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập và tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Với mục tiêu đảm bảo chuẩn đầu ra cho người học, Trường đã xây dựng các qui định đánh giá kết quả học tập của SV từ giai đoạn tuyển sinh đầu vào đến khi hoàn thành bài tốt nghiệp.

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường. Quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh [H5.05.01.01.DC], đồng thời có các quy định về tuyển sinh đầu vào hệ đào tạo liên thông, sinh viên học ngành (văn bằng) 2 tuyển sinh đào tạo hệ chất lượng cao [H5.05.01.02].

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học SKĐAHN [H5.05.01.03.DC].

Tổ hợp các phương pháp đánh giá hồ sơ học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần, và chiếm 20% trọng số điểm của mỗi học phần [H2.02.01.02.DC] [H2.02.01.01.DC]. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng cơ bản về nghệ thuật biểu diễn như: cảm thụ, phán đoán, giao lưu, tưởng tượng, thích ứng... nhằm bảo đảm tính chân thực trong biểu diễn, tính tích cực, cách triển khai và ý nghĩa của hành động. v.v... Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%), điểm thi hết học phần (60%) [H2.02.02.02.DC] [H5.05.01.04].

Trường Đại học SKĐAHN và Sân khấu có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. Mô tả quy trình thi tốt nghiệp.....[H5.05.01.05].

Tuy nhiên, trường chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của chuyên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh.

Đặc biệt, trong năm học 2019-2020; 2020-2021, do tình hình dịch bệnh COVID-19, sinh viên phải học và thi dưới hình thức trực tuyến, điều này ảnh hưởng đến việc các em thể hiện kết quả học tập, đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu để xây dựng các kịch bản tổ chức kiểm tra đánh giá cuối học phần khác với các hình thức truyền thống.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Về cơ bản các phương pháp đánh giá các học phần đều hướng đến đạt CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được chuẩn đầu ra và có hướng điều chỉnh cho phù hợp. Chưa tổ chức nghiên cứu các phương pháp đánh giá kết quả học tập trong điều kiện học trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu rà soát hình thức kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra, đồng thời phân tích đánh giá kết quả học tập của người học để điều chỉnh phù hợp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu sẽ phối hợp với Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả kiểm tra-thi của người học để đánh giá mức độ phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được chuẩn đầu ra và có hướng điều chỉnh cho phù hợp. Năm 2022, Khoa Sân khấu tổ chức hội thảo hoặc tọa đàm khoa học về nghiên cứu các phương pháp đánh giá kết quả học tập trong điều kiện học trực tuyến và lên kế hoạch điều chỉnh, bổ sung hình thức đánh giá KQHT vào đề cương học phần.

5. Tự đánh giá tiêu chí 5.1: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo và những văn

bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hình thức niên chế của Nhà trường [H2.02.02.02.DC][H5.05.01.03.DC]. Năm học 2019-2020; 2020-2021, trong bối cảnh học trực tuyến, Nhà trường đã ban hành những quy định cụ thể đối với việc đánh giá kết quả học tập của người học bằng hình thức trực tuyến [H5.05.02.01]. Bên cạnh đó, các nội dung về đánh giá KQHT của người học được thiết kế phiếu chấm/ phiếu đánh giá cụ thể, rõ ràng. Đề thi kèm tiêu chí đánh giá được các giảng viên công bố công khai đến sinh viên và lưu tại hồ sơ của khoa. Các bài thi của sinh viên (video hoặc bài viết) đều được lưu lại theo quy định. [H5.05.02.02.DC].

Hoạt động đào tạo một Diễn viên Kịch-Điện ảnh là một hoạt động đặc thù, do đó, các phương pháp đánh giá cũng rất đa dạng [H3.03.02.02.DC]. Với công việc chuyên môn của diễn viên, có nhiều thang bậc đánh giá được cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và yêu cầu cụ thể trong đáp án đề thi/ tiêu chí chấm thi đối với từng kịch bản/vở diễn hoặc yêu cầu của hội đồng chấm thi tốt nghiệp [H2.02.02.02.DC] [H5.05.02.03.DC]. Các thông tin về quy định đánh giá kết quả học tập của người học còn được cung cấp trong sổ tay sinh viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi-kiểm tra [H1.01.03.05.DC] [H5.05.02.04.DC]. Ngoài ra, SV ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ trợ lý khoa và giảng viên chủ nhiệm của khoa. Bên cạnh đó, các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học [H5.05.02.05]. Trường có đầy đủ các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phúc khảo và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai cho người học trước mỗi khóa học. Tuy nhiên, Trường chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của người học. Khoa chưa tổ chức đánh giá việc tiếp nhận thông tin của người học về kiểm tra đánh giá bằng hình thức trực tuyến.

2. Điểm mạnh

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT Diễn viên Kịch-Điện ảnh là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của người học. Các quy định đánh giá về mức độ tiếp cận/ hài lòng của người học về đánh giá KQHT bằng hình thức online chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, Phòng KT& ĐBCLGD tiếp tục rà soát quy định, quy trình về đánh giá kết quả học tập của người học và công khai cho SV. Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ

đại học để ban hành những quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P. Đào tạo, QLKH & HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD lên kế hoạch về việc xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV để tăng cường kênh thông tin đến SV. Năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P. Đào tạo QLKH&HTQT; P. KT&ĐBCLGD về việc khảo sát mức độ tiếp cận các biện pháp đánh KQHT của người học trong điều kiện học trực tuyến để có cơ sở xây dựng những quy định cụ thể về đánh giá KQHT trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu giúp người học nhận thức đúng đắn về kết quả học tập của bản thân, cũng như tạo điều kiện tối đa cho người học phát huy kỹ năng và kiến thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập đối với sinh viên Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xây dựng đa dạng, đảm bảo có giá trị, công bằng và đáng tin cậy. Giai đoạn 2015-2020, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của người học trên lớp (10%), kiểm tra giữa học phần (30%) và thi kết thúc học phần (60%). Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt mỗi kỳ học, theo đó SV phải tham dự tối thiểu 75 % giờ học trên lớp; tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học và làm bài tập ở nhà do GV yêu cầu; kiểm tra học phần được thực hiện vào tuần thứ 8 của học kỳ theo hình thức thực hành hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy chế đào tạo; Quy định về công tác khảo thí; các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH SKĐAHN [H5.05.01.03.DC][H5.05.03.01] và Bảng 5.3.1.

Bảng 5.3.1. Các phương pháp và hình thức đánh giá KQHT của người học

Phương pháp đánh giá	Nội dung	Hình thức và tỉ lệ	Chuẩn đầu ra
Quá trình	Đánh giá chuyên cần và quá trình học tập	SV nghỉ học từ 25% trở lên: Điểm chuyên cần bằng 0; nghỉ dưới 25% đến 20% Điểm chuyên cần từ 1-3, nghỉ dưới 20% đến 15% Điểm chuyên cần từ 4-5; nghỉ dưới 15% đến 10% Điểm chuyên cần từ 5-6; nghỉ dưới 10% đến 5% Điểm chuyên cần từ 6-7; đủ 100% Điểm chuyên cần 8-9	Đáp ứng được các kỹ năng chuyên môn về thực hành chuyên môn như nghệ thuật biểu diễn, dẫn chương trình,

Tổng kết	Giữa kỳ	Được tính là điểm hệ số 3, nếu điểm chuyên cần là 0 thì không được tham gia thi giữa kỳ	lồng tiếng, tổ chức biểu diễn, dàn dựng chương trình, thiết kế chương trình...vv
	Kết thúc học phần	Được tính là điểm hệ số 6, nếu điểm chuyên cần là 0, hoặc không có điểm thi giữa kỳ thì không được tham gia thi hết học phần	
	Thực tập giữa khoá/ ngoại khoá	Để SV có thêm kinh nghiệm thực hành biểu diễn	
	Báo cáo vở tốt nghiệp	Đánh giá năng lực, khả năng của sinh sau 04 năm đào tạo	

Về độ đa dạng, các phương pháp đánh giá được thực hiện tùy theo từng học phần trong chương trình dạy học và được thống nhất trong tổ bộ môn, được ghi rõ trong đề cương môn học/học phần (đã được phê duyệt); được cụ thể hóa theo các mẫu đánh giá và được áp dụng trong CTDH. **[H2.02.01.02.DC] [H2.02.02.02.DC] [H5.05.03.02]**. Tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế, khi đó, phương pháp đánh giá được GV lựa chọn và thực hiện theo đề cương; quy định thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra đa dạng: như bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận và có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT **[H1.01.01.03.DC]**. Các học phần chuyên ngành đều thực hiện đánh giá thông qua hình thức thực hành (vở diễn/ vai diễn trong vở diễn/ trích đoạn...). **[H5.05.03.03.DC]**.

Về độ giá trị, giảng viên giảng dạy học phần nào sẽ chịu trách nhiệm biên soạn đề thi/đề xuất vở diễn/trích đoạn để kết thúc học phần, các hoạt động này đều dựa trên các quy định thống nhất của Nhà trường. Các giảng viên căn cứ đặc điểm của môn học để đề ra tiêu chí chấm, chẳng hạn với môn hình thể, trước hết giảng viên mô tả về nguyên lý của chuyển động hay động tác, thị phạm để sinh viên quan sát; sau đó hướng dẫn sinh viên thực hành từng bước; trong quá trình sinh viên thực hành, giảng viên quan sát và đưa ra góp ý/hướng dẫn; sau mỗi giai đoạn sẽ đánh giá độ thuần thực trong việc thực hiện kỹ thuật động tác để đưa ra các đề xuất tiếp theo với mức độ khó tăng dần, đề thi sẽ được các giảng viên biên soạn dựa vào đề cương môn học trong đó có những đặc điểm cụ thể của từng môn học để biên soạn đề thi được sát nhất. Mỗi học phần đều có nội dung ôn tập và bao quát nội dung học phần sau khi được bộ môn phê duyệt, đảm bảo từng nội dung đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương học phần và bám sát mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT. **[H5.05.03.04.DC] [H2.02.02.02.DC]**.

Bài thi viết của SV được chấm chi tiết theo đáp án; việc chấm thi được thực hiện bởi ít nhất 02 GV. Đặc biệt, với các môn chuyên môn thi thực hành, giảng viên trong khoa đều

tham gia buổi báo cáo (như một Ban Giám khảo) và đưa ra ý kiến góp ý đối với người học để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Các bài tập thi kết thúc học phần đều được SV, khoa Sân khấu lưu trữ. **[H5.05.03.05.DC]**.

Đối với những môn học có đề thi tự luận, giảng viên biên soạn bộ câu hỏi ôn tập cho mỗi môn học. Bộ câu hỏi này được gửi về tiểu ban chuyên môn đánh giá để đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học **[H5.05.03.06]**, được các bộ môn phê duyệt và Phòng KT&ĐBCLGD của Trường lưu trữ dưới dạng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, được thẩm định trước khi đưa vào sử dụng **[H5.05.03.07]**.

Về độ tin cậy và sự công bằng, mỗi đề thi đều có đáp án/tiêu chí chấm tương ứng với số điểm chi tiết được bộ môn phê duyệt để đảm bảo tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về phòng KT&ĐBCLGD. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong qui định về thi kết thúc học phần của Trường **[H5.05.01.03.DC][H5.05.02.01.DC]**

Ngoài ra, để đánh giá kết quả học tập được chính xác, quy trình chấm thi được thực hiện với sự tham gia của ít nhất hai giảng viên chuyên môn dưới sự giám sát của phòng Đào tạo để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Bên cạnh đó, trước khi xét điều kiện lên lớp hoặc tốt nghiệp, kết quả học tập của người học còn được rà soát để tránh những sai sót trong quá trình nhập điểm. **[H5.05.03.08.DC]**.

Tuy nhiên, việc khảo sát về các phương pháp đánh giá kết quả của người học từ các bên liên quan chưa đa dạng (mới dừng lại ở việc lấy ý kiến phản hồi của người học), chưa đo lường độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả người học.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Trường chưa ghi nhận trường hợp SV khiếu nại, phản nản (bằng văn bản chính thức) về kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện sơ kết, tổng kết về hiệu quả sử dụng tổ hợp các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy; hoạt động kiểm tra, đánh giá chưa được lấy ý kiến rộng rãi sự phản hồi của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P. ĐT, QLKH&HTQT, P. Khảo thí & ĐBCLGD tiếp tục thực hiện các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH; chủ động cập nhật các phương pháp kiểm tra đánh giá trong bối cảnh học trực tuyến.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, ít nhất 02 năm 1 lần, Khoa Sân khấu phối hợp với các phòng chức năng; viện SK-ĐA tổ chức hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy

và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả của người học, đồng thời lên kế hoạch nghiên cứu xây dựng các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

5. Tự đánh giá tiêu chí 5.3: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo điều kiện cho người học nhanh chóng biết được kết quả đánh giá để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá, bên cạnh đó mỗi năm học/ học kỳ, Nhà trường/ Khoa đều xây dựng kế hoạch học tập ngay từ đầu mỗi năm học/học kỳ [H5.05.01.03.DC] [H5.05.02.01.DC] [H5.05.04.01.DC]. Điểm đánh giá ý thực học tập và điểm đánh giá giữa kỳ được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV qua ban cán sự lớp, giảng viên chủ nhiệm, trên bảng thông báo tại văn phòng khoa; công khai trên website, fanpage của Khoa/Trường. [H5.05.04.02].

Người học nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi kết quả học tập và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập thông qua sổ tay sinh viên và quy định về công tác khảo thí [H1.01.03.05.DC] [H5.05.01.03.DC][H5.05.04.03]. Việc thông báo kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ được GV tiến hành kịp thời, đồng thời có nhận xét đánh giá kết quả kiểm tra của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với học phần qua đó lập kế hoạch cải tiến kết quả học tập. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để SV nhận ra các điểm yếu cần cải thiện, hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV... đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá. [H5.05.04.04.DC].

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thanh tra công tác đào tạo, trong đó có nội dung liên quan đến việc GV thực hiện quy định về phản hồi kết quả học tập cho người học theo đúng thời gian, tiến độ trong kế hoạch giảng dạy của giảng viên [H5.05.04.05.DC].

Phòng KT& ĐBCLGD Nhà trường phối hợp với Khoa Sân khấu tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (trong đó có nội dung về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ người học của GV). Kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn [H5.05.04.06.DC].

Năm học 2019-2020; 2020-2021, do tình hình dịch bệnh COVID-19 rất phức tạp nên việc học và kiểm tra/đánh giá phải thực hiện bằng hình thức online, cơ chế phản hồi của người học được lấy ý kiến đánh giá bằng hình thức online. Tuy nhiên, Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH, NH đã tốt nghiệp về cách thức phản hồi kết quả học tập, nhất là trong điều

kiện học trực tuyến.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập được thông báo kịp thời đến người học và công bố công khai theo thời gian qui định, giúp người học có kế hoạch cải thiện việc học tập.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thường xuyên lấy ý kiến của người học cũng như các bên liên quan (nhất là cựu sinh viên) về cách thức; thời gian phản hồi kết quả học tập dưới nhiều hình thức khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu phối hợp với các phòng chức năng: P. Khảo thí & ĐBCLGD, Phòng ĐT, QLKH& HTQT, P. CTHSSV tiếp tục thực hiện đúng quy định về công bố kết quả học tập của người học; rà soát qui trình công bố kết quả học tập (bổ sung các quy định trong bối cảnh học trực tuyến).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu phối hợp với phòng ĐT, QLKH&HTQT định kỳ 2 năm 1 lần thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, cựu người học về cách thức; thời gian phản hồi kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Trường Đại học SKĐAHN có các quy định về quy trình/thủ tục khiếu nại kết quả học tập và công bố công khai để người học dễ dàng tiếp cận [H5.05.01.03.DC] [H5.05.05.01]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như giới thiệu trong chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa; đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sở tay sinh viên, trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.05.02] [H1.01.03.5.DC] [H1.01.01.05.DC], theo đó SV có quyền đề nghị phúc khảo kết quả học tập trong thời gian cho phép theo quy định.

Nội dung và quy trình khiếu nại được thể hiện rõ qua quy trình giải quyết khiếu nại của SV, thông báo dán trên bảng tin của Khoa và website của Trường (nếu có). Nhà trường có sổ theo dõi việc khiếu nại của SV [H5.05.05.03]. Chẳng hạn, bắt đầu từ năm 2021, việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần/môn học có quy trình như sau: Khi nhận đơn phúc khảo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục có trách nhiệm tổng hợp toàn bộ đơn phúc khảo, yêu cầu đơn vị giảng dạy giao lại toàn bộ bài thi của người học có yêu cầu phúc khảo, kiểm tra sơ bộ tình trạng bài thi (đối chiếu số báo danh, số phách, số tờ của bài thi...), bàn giao cho trường đơn vị giảng dạy để tổ chức chấm phúc khảo bài thi. Việc chấm phúc khảo

bài thi được tiến hành theo quy trình như chấm thi lần đầu. **[H5.05.01.03.DC]**. Từ năm 2015-2020, nếu có đơn phúc khảo bài thi kết thúc môn học được giải quyết như sau: Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến giáo viên chủ nhiệm, khoa chuyên môn và phòng đào tạo. Sau khi nhận được đơn, giáo viên chủ nhiệm, khoa chuyên môn và phòng đào tạo sẽ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại về kết quả học tập. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm khoa hoặc Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Chủ nhiệm khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của học phần.

Về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ, GV đọc điểm cho từng SV trước lớp học dựa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể do đó việc SV không hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá là rất ít. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để thuyết phục SV hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá **[H5.05.05.04]**. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến 2021, ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh - Khoa Sân khấu chưa ghi nhận trường hợp nào khiếu nại bằng văn bản về kết quả học tập. **[H5.05.04.05.DC] [H5.05.04.06.DC]**. Hiện tại Nhà trường chưa xây dựng công cụ hỗ trợ yêu cầu phúc khảo trực tuyến để giảm thời gian và thủ tục khiếu nại của SV, cũng như phù hợp với việc học trực tuyến.

2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận với qui trình khiếu nại về kết quả học tập. Trong giai đoạn 2015-2021, Khoa Sân khấu chưa có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của người học về việc tiếp cận quy trình khiếu nại. Bên cạnh đó, Trường/ Khoa chưa có bộ công cụ trực tuyến giúp người học gửi đi nhanh chóng các yêu cầu về khiếu nại KQHT để rút ngắn thời gian và thủ tục hành chính cũng như trong bối cảnh học trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Nhà trường/ Khoa Sân khấu phối hợp với P. Khảo thí & ĐBCLGD tiếp tục rà soát và phổ biến qui trình khiếu nại kết quả học tập. Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT giám sát việc chấm thi và công bố điểm thi đúng hạn. Đơn vị thực hiện: Trường/ Khoa Sân khấu. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, P. Khảo thí & ĐBCLGD phối hợp các đơn vị trong trường, trong đó có Khoa Sân khấu để thiết lập sổ theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học; vào cuối mỗi năm học, Khoa Sân khấu tiến hành khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của người học; khoa Sân khấu phối hợp

với P. KT & ĐBCLGD nghiên cứu đề xuất công cụ hỗ trợ phúc khảo trực tuyến để phù hợp với bối cảnh hiện nay.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá kết quả học tập người học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT; qui định của Trường ĐH SKĐAHN. Khoa Sân khấu luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT; đa dạng hóa các phương thức đánh giá, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về phương pháp đánh giá còn chưa rộng rãi và định kỳ; chưa có bộ công cụ hỗ trợ người học phúc khảo trực tuyến.

Đánh giá Tiêu chuẩn 5:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 5		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 5.1				x				4.0	5	100
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Việc qui hoạch đội ngũ GV của chương trình đào tạo ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh trong các năm qua đã đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của chương trình đào tạo ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh nói riêng đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD năm 2017, điều đó cho thấy đội ngũ GV của Trường có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các hoạt động NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích trong nghề nghiệp của các ứng

viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của từng giảng viên. Giảng viên của khoa được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn. Những thành tích, đóng góp về hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học, các hoạt động đoàn thể, và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn được Nhà trường biểu dương và đánh giá cao, tạo động lực cho giảng viên của khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT cử nhân Diễn viên Kịch-Điện ảnh được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Căn cứ theo Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020, tầm nhìn 2030; Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia [H6.06.01.01] và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành các văn bản về hành lang pháp lý; quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc khoa và tương đương thuộc Trường [H6.06.01.02]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ của trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo [H6.06.01.03]. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.04]. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, việc tuyển dụng được thực hiện theo qui trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.05]. Dựa theo các yêu cầu về công việc của GV và các kế hoạch của trường, Khoa đã xây dựng đề án vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.06]. GV sau khi tuyển dụng được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc [H6.06.01.07]. Theo đó, số lượng cán bộ, GV được tuyển dụng phục vụ đào tạo cho ngành Diễn viên kịch - điện ảnh trong 5 năm qua đã cơ bản đáp ứng cho CTĐT [H6.06.01.08]. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích nghề nghiệp. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Bảng 6.1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng trong nước
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ qlý	
1	Giáo sư	0	0	0	0

2	Phó Giáo sư/ Nghệ sĩ nhân dân/ nghệ sĩ ưu tú	8	3	1	4
3	Tiến sĩ	2	1	1	0
4	Thạc sĩ	5	5	0	0
5	Đại học	0	0	0	0
6	Tổng số	15	9	1	4

Bảng 6.1.1. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi

ST T	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	6,6	1	0	0	0	0	0	1
3	Nghệ sĩ nhân dân/ Nghệ sĩ ưu tú	7	46	4	3	0	1	2	2	2
4	Tiến sĩ	2	13	2	0	0	0	1	0	1
5	Thạc sĩ	5	27	1	3	0	5	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	15	100	9	6	0	6	3	2	4

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội của GV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định hiện hành [H6.06.01.09]. Một số các GV giảng dạy chương trình Diễn viên Kịch-Điện ảnh có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghiên cứu tài liệu nước ngoài để phục vụ các hoạt động đào tạo [H6.06.01.10]. Trường có chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định [H6.06.01.11].

Do đặc thù đào tạo ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh, đòi hỏi giảng viên vừa có trình độ học vấn từ thạc sĩ trở lên, vừa có cống hiến, thành tích trong hoạt động nghề nghiệp (yêu cầu của cơ chế quản lý). Bên cạnh đó, trong chiến lược phát triển diễn viên điện ảnh-truyền hình của Bộ VHTTDL, ngành đã tuyển và cử 02 giảng viên đi học tập tại Nhật Bản.

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đúng quy trình; phát triển được đội ngũ GV, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV cho CTĐT Diễn viên Kịch-Điện ảnh hình còn gặp trở ngại do đặc thù nghề nghiệp và chính sách đào tạo thực tế (mô tả trên). Tỷ lệ giảng viên đạt trình độ tiến sĩ của Khoa còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trong năm 2022, Nhà trường giao cho bộ phận Tổ chức cán bộ (Phòng HCTH) phối hợp với Khoa Sân khấu xây dựng cơ chế thu hút giảng viên có trình độ cao, có kinh nghiệm nghề nghiệp về làm việc hoặc cộng tác giảng dạy với Trường. Tiếp tục bổ sung ưu đãi trong chính sách hỗ trợ giảng viên học thạc sĩ, tiến sĩ (trong và ngoài nước) của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp bộ phận tổ chức cán bộ (P. Hành chính, tổng hợp) lên kế hoạch rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ để đảm bảo đạt được các chỉ tiêu theo Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn lực của Nhà trường. Tổ chức thống kê kết quả thực hiện kế hoạch/quy hoạch trong chu kỳ đánh giá (2016-2021).

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tính đến tháng 01/2022, Khoa Sân khấu có 15 GV (6 nữ và 9 nam), trong đó có: 2 tiến sĩ, 13 thạc sĩ. Độ tuổi trung bình của GV là 40 tuổi (40 tuổi đối với nữ và 45 tuổi đối với nam) [H06.06.02.01].

Thực hiện các hoạt động đào tạo của CTĐT cử nhân Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình do bộ môn diễn viên đảm nhiệm. Bộ môn có 6 GV (1 nữ, 5 nam), trong đó có 6 giảng viên có trình độ ThS; GV ở trong độ tuổi 30 – 40 chiếm tỷ lệ 40 %, độ tuổi 41 – 50 chiếm tỷ lệ 40 % [H6.06.01.02]. Bên cạnh đó còn có sự tham gia của các giảng viên cơ hữu trong Khoa, Trường và các giảng viên thỉnh giảng tham gia thực hiện CTĐT. [H6.06.01.03]

Bảng 6.1.2: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh

Năm học	Tổng số giảng viên cơ hữu ngành DVK-ĐA-TH	Tổng số sinh viên ngành DVK-ĐA-TH	Tỷ lệ GV/SV ngành DVK-ĐA-TH
2015-2016	7	97	1/13
2016-2017	8	109	1/13

2017-2018	8	98	1/13
2018-2019	8	110	1/13
2019-2020	8	110	1/13
2020-2021			

Ghi chú: Giảng viên cơ hữu ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh tính theo số lượng giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT Diễn viên Kịch-Điện ảnh

Bảng 6.1.2 Thể hiện tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh trong 05 năm gần đây (2015-2020). Kết quả cho thấy tỷ lệ GV/SV của ngành ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh phù hợp với Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT [H06.06.02.04] và Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT [H06.06.02.05] của Bộ GD&ĐT quy định về tỉ lệ GV/người học quy đổi là 1/10 nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa thực hiện theo Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc của GV và QĐ .../QĐ-SKĐAHN ngày .././.... của ĐHSKĐAHN ban hành quy định về chế độ làm việc của GV, từ năm 2020 thực hiện theo thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học và QĐ 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 08/12/2020 của ĐHSKĐAHN về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của GV [H06.06.02.06].

Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là 270 giờ, các công việc được quy đổi theo giờ chuẩn khác nhau. Định mức giờ chuẩn đối với các GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và các trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được thể hiện trong Quy định về chế độ làm việc của GV của ĐHSKĐAHN. Ngoài ra còn có các điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV. Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm [H6.06.01.06.DC]. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV được quy định cụ thể [H06.06.02.07].

Việc đánh giá cán bộ, viên chức căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ và chất lượng công việc của từng người, số lượng công việc được giao theo kế hoạch, những nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, những yêu cầu về trình độ chuyên môn của công việc, mức độ cần cù, chịu khó, tận tâm, tận tụy, trách nhiệm với công việc, chấp hành kỷ cương. Việc đánh giá được xem xét qua các cấp: cá nhân tự đánh giá, tự chấm điểm, bộ môn xem xét, đề nghị hội đồng Khoa chấm điểm, hội đồng Thi đua khen thưởng của Trường rà soát, công nhận và ra quyết định [H06.06.02.08].

Đầu năm học, các GV phải có biên bản giao, nhận nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Khoa rà soát khối lượng công việc để có kế hoạch phân công công việc trong năm học mới một cách

hợp lý, tránh tình trạng không cân đối về khối lượng công việc [H06.6.02.09]. Sau mỗi năm học, việc đánh giá khối lượng giảng dạy và NCKH, cũng như các hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ khác được Khoa thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả, phân loại CBVC, xếp loại thi đua [H06.06.02.10]. Đó cũng là căn cứ để Nhà trường thực hiện việc xét hưởng lương tăng thêm (hoặc được thanh toán vượt giờ) [H06.06.02.11.DC].

Ngoài việc quản lý trực tiếp của Khoa, bộ môn; các phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV. Kết quả là trong 5 năm qua, toàn bộ GV trong Khoa đều hoàn thành công việc, nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhận các danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, đặc biệt giảng viên của Khoa có nhiều giải thưởng trong hoạt động nghề nghiệp được xã hội công nhận [H06.06.02.12].

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về hoạt động giảng dạy của GV nhằm giúp GV khoa đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề có giải pháp tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo [H6. 06.02.13].

Mặc dù, tỷ lệ GV/SV ngành Điện ảnh đủ và đảm bảo khối lượng trong những năm qua. Tuy nhiên, trong những năm tới, do đặc thù giảng dạy ngành điện ảnh, số lượng giảng viên học lên bậc tiến sĩ còn hạn chế sẽ ảnh hưởng nhiều đến chiến lược đào tạo nếu không tính đến việc xây dựng đội ngũ giảng viên. Các hoạt động khác của giảng viên chưa được quy định hoặc định lượng cụ thể, quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học SKĐA HN mới được ban hành trong năm 2021, cần được tiếp tục thực hiện và đánh giá hiệu quả [H6. 06.02.14].

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

3. Tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ khác đối với GV còn mang tính định tính, chưa có những tiêu chí cụ thể, các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng HCTH (TCCB), Phòng ĐT, QLKH & HTQT giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng HCTH (TCCB), Phòng CTHSSV xây dựng bộ tiêu chí định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV. Bám sát kế hoạch và đánh giá kết quả thực hiện việc tổ chức các hoạt động kết nối và phục

vụ cộng đồng theo từng năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, cụ thể.

Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên hoặc được công nhận nghệ sĩ nhân dân đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ (hoặc được công nhận là nghệ sĩ nhân dân) đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng.

Đối với ngành đào tạo Diễn viên Kịch-Điện ảnh, ngoài các tiêu chí trên, còn có những tiêu chí đặc thù như: Nếu chưa có danh hiệu (NSND, NSUT) nhưng có thời gian công tác từ 10 năm trở lên - có từ 03 tác phẩm để tham gia giảng dạy cho chuyên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh **[H6.06.03.01]**.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, được phổ biến công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí khi có các đợt tuyển dụng tập trung. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước **[H6.06.03.02]**.

Trường đã xây dựng và đưa vào thực hiện các tiêu chí cho quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên sao cho phù hợp với yêu cầu của trường đào tạo nghệ thuật mang tính đặc thù **[H6.06.03.04.DC]**. Ngoài quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên riêng của Trường, những năm qua Trường đã thực hiện đúng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trước năm 2018, thực hiện nghiêm túc quy định về tuyển dụng, trước mỗi kỳ tuyển dụng, Nhà trường đều có thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hình thức thông báo trên báo chí và truyền thông các thông tin về tiêu chuẩn và số lượng cũng như cần tuyển vào biên chế. Việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên của Trường phải trải qua hai hội đồng sát hạch, đó là hội đồng sơ tuyển tại trường và hội đồng tuyển dụng cấp Bộ VH-TT-DL **[H6.06.03.03]**. Hiện nay, Trường đã được Bộ phê duyệt đề án tự tuyển dụng và được tự tổ chức tuyển dụng viên chức để chủ động hơn trong việc bổ sung nguồn nhân lực cho Nhà trường. **[H6.06.03.04.DC]**.

Sau mỗi kỳ thi tuyển dụng, Nhà trường đều có văn bản công khai danh sách những người trúng tuyển và thông báo rộng rãi trên các bảng tin của Trường. Các cán bộ, giảng viên đã trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển dụng phải trải qua một thời gian làm hợp đồng thử việc. Sau khi hoàn thành tốt những công việc được giao, các cán bộ, giảng viên này sẽ được Nhà trường ký hợp đồng chính thức **[H6.06.03.05]**.

Đối với những giảng viên được điều chuyển từ đơn vị khác về Trường, để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng nhằm đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác, khách quan và có sự đồng thuận tập thể **[H6.06.03.06]**. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn; dự giờ các cán bộ giảng dạy khác và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới giảng trước Hội đồng của nhà trường. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch, nếu đạt GV mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự **[H6.06.03.07]**.

Do đặc thù của chuyên ngành diễn viên là học truyền nghề, trải nghiệm thực hành, thực tế chiếm 50 % các ĐVHT trong CTĐT, do đó Khoa Sân khấu đã mời nhiều người nổi tiếng trong giới nghề về cộng tác giảng dạy **[H6.06.03.08]**.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của Chương trình đào tạo Diễn viên Kịch-Điện ảnh được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H6.06.03.09]**.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thống nhất về mặt chuyên môn giữa giảng viên cơ hữu và các giảng viên thỉnh giảng là những diễn viên, đạo diễn có danh hiệu còn có một số trở ngại do đặc thù: giảng viên cơ hữu không có đủ thời gian thực hành nghề nghiệp thực tế, ngược lại, giảng viên thỉnh giảng có nhiều kinh nghiệm thực tế nhưng thiếu hụt những văn bản chứng nhận về trình độ chuẩn (phải là thạc sĩ, tiến sĩ, phải có chứng chỉ phương pháp sư phạm...)

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, khi có kế hoạch tuyển dụng, Nhà trường (giao cho Phòng HCTH – bộ phận tổ chức cán bộ) tiếp tục công khai các thông tin và tiêu chí khi tuyển dụng GV trên các phương tiện truyền thông. Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng HCTH

(TCCB) rà soát các tiêu chí tuyển dụng, công khai đề các giảng viên xây dựng lộ trình hoàn thiện đáp ứng các yêu cầu tuyển dụng của Nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Nhà trường tạo điều kiện để giảng viên cơ hữu có cơ hội tham gia nhiều hoạt động nghề nghiệp thực tế. Bên cạnh đó, giao cho Khoa Sân khấu phối hợp với P. Đào tạo, QLKH&HTQT, viện SK- ĐA tổ chức hội thảo hoặc tọa đàm trao đổi về phương pháp giảng dạy đối với những giảng viên thỉnh giảng nhằm tháo gỡ những vướng mắc về thủ tục văn bằng khi có nguyện vọng hợp tác giảng dạy với Nhà trường. Đồng thời, Khoa phối hợp với phòng HCTH (TCCB) để rà soát chiến lược phát triển nguồn nhân lực; xây dựng, đề xuất với Bộ VHTTDL những tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm mang tính đặc thù (Chia theo giai đoạn để có thời gian bổ sung nguồn nhân lực, trước khi nâng cao yêu cầu của tiêu chí); xây dựng cơ chế, chính sách thu hút mạnh hơn nữa cho các ứng viên đủ tiêu chuẩn và có tầm ảnh hưởng tốt về nghề muốn về công tác tại trường. Khoa/Phòng HCTH (TCCB) cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Các ứng viên được tuyển làm giảng viên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội cơ bản phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung về giảng viên đại học. Sau khi trúng tuyển, hằng năm họ được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn do Bộ VHTTDL tổ chức (nếu có). Cụ thể là 100% giảng viên của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ công nghệ thông tin đạt chuẩn của Bộ quy định **[H6.06.04.01]**. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho các GV của khoa nói chung và GV chuyên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh truyền hình tham gia mọi hoạt động chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ, kinh nghiệm **[H6.06.04.02]**.

Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học dưới hình thức các hoạt động đặc thù của ngành như: tham gia các dự án, liên hoan sân khấu trong và ngoài nước, hội thảo nghề, hội thảo giáo dục của các tổ chức trong nước, quốc tế, giao lưu giữa các hội thảo, chia sẻ giữa các khoa trong trường **[H6.06.04.03]**. GV của Khoa Sân khấu đã có nhiều công trình chất lượng được xã hội ghi nhận **[H6.06.04.04]**.

Trường ĐH SKĐAHN luôn khẳng định GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường, đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, theo đó các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên cũng là mục tiêu phấn đấu của các giảng viên Khoa Sân khấu **[H6.06.01.06.DC]** **[H6.06.04.05]**. Trường ĐHSKĐAHN có văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức,

lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH... [H06.06.04.06]. Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn [H06.06.04.07], các văn bản này được Nhà trường tổ chức cho CBGV thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản [H06.06.04.08].

Hàng năm, Nhà trường đều có thông báo, hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên [H6.06.04.09]. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện để bộ môn đánh giá. Kết quả này tiếp tục được kiểm duyệt đánh giá ở cấp Khoa và cấp Trường. Kết quả đánh giá cho thấy 100% giảng viên khoa Sân khấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiều giảng viên hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H6.06.04.10].

Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm được triển khai một cách đa dạng, bên cạnh việc bám sát các tiêu chí khen thưởng đã được ban hành, Nhà trường còn đề nghị Bộ VHTTDL khen tặng đối với giảng viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động nghề nghiệp, ví dụ như tặng thưởng các giảng viên đạt giải trong các Liên hoan sân khấu toàn quốc, Liên hoan sân khấu thủ đô, Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sỹ CAND... hoặc vinh danh các giảng viên có thành tích trong Hội nghị công chức viên chức hằng năm [H06.06.02.12.DC] [H6.06.04.11].

Phòng KT&ĐBCLGD có lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của SV [H06.06.02.13.DC], bên cạnh đó, trong thời gian tự đánh giá CTĐT (2015-2021), giảng viên của khoa sân khấu không có đơn thư, khiếu nại liên quan đến công tác giảng dạy cũng như về tư tưởng, đạo đức. [H6.06.04.12].

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Nhà trường xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, Khoa Sân khấu chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên khoa Sân khấu. Do đó, năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy chuyên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh đôi khi còn đánh giá mang tính định tính. Công tác NCKH mang tính đặc thù nghề nghiệp cũng chưa có văn bản quy đổi từ hình thức văn bản viết sang các hình thức đặc thù nghề nghiệp (đạo diễn một vở diễn hoặc tham gia diễn xuất các dự án, vở diễn)

2. Điểm mạnh

Giảng viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

Khoa Sân khấu chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên khoa, chưa cụ thể hóa tiêu chí đánh giá để GV có thể phấn đấu đáp ứng yêu cầu đặt ra. Hoạt động NCKH mang tính đặc thù nghề nghiệp nhưng chưa được công nhận hoặc quy đổi dựa theo các quy định của Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp Phòng HCTH (TCCB) tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.

Khắc phục tồn tại: Trong năm 2022, Khoa Sân khấu xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo, tọa đàm, nghiên cứu đề tài khoa học cấp Khoa/ cấp Trường về tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên khoa Sân khấu, làm cơ sở cho Trường ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên giảng dạy của Khoa Sân khấu. Khoa phối hợp với phòng chức năng trong việc tham mưu các chính sách, quy định của Nhà nước (khi được hỏi ý kiến góp ý dự thảo) về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên (cách thức thể hiện, đánh giá, tính điểm...).

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV, CB của Trường tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài; có chính sách khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện về kinh phí đối với giảng viên học thạc sĩ, tiến sĩ, đi đào tạo ở nước ngoài [H06.06.05.01]. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn công khai thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển, có quy định rõ ràng về các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, trong đó hướng dẫn cụ thể cho GV khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...ở nước ngoài. [H06.06.05.02].

Các quy định về khen thưởng, hỗ trợ NCKH, đi hội thảo trong nước và nước ngoài; các nội dung chi, mức chi được quy định cụ thể trong các quy chế chi tiêu nội bộ (hỗ trợ chi trả học phí, trả thù lao biên soạn giáo trình, viết chuyên đề NCKH,...) của Nhà trường. [H06.06.02.11.DC] [H06.06.05.03].

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường tổ chức, về cơ bản, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, tham gia các Liên hoan sân khấu trong nước và quốc tế, các dự án Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và Quốc tế [H06.06.05.04].

Tuy nhiên, Khoa Sân khấu chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên.

2. Điểm mạnh

Giảng viên khoa Sân khấu luôn có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Khoa Sân khấu chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên. Kinh phí hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Nhà trường giao cho phòng HCTH (tài vụ, tổ chức cán bộ) nghiên cứu phân bổ ngân sách tiếp tục duy trì hoặc nâng cao hơn nữa mức hỗ trợ trong các chính sách, cơ chế để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ. Khoa Sân khấu dựa vào các hoạt động định kỳ của hội nghề nghiệp (liên hoan sân khấu, hội thi...) lập danh sách giảng viên tham dự, đồng thời tham mưu cho Nhà trường xây dựng cơ chế hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng các hoạt động nghề nghiệp mang tính đặc thù để nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P. HCTH (TCCB) tổ chức khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án để hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án vị trí việc làm, đây là căn cứ để quản trị theo kết quả công việc của giảng viên [H6.06.01.06.DC], căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, Khoa Sân khấu bố trí giảng viên thực hiện CTĐT đảm bảo đúng quy định [H6.06.06.01], theo đó, với từng chức danh công việc, Trường có qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường lấy phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra việc dự giờ, kế hoạch giảng dạy của GV... làm cơ sở triển khai hoạt động viên chức giảng dạy (giảng viên) theo năng lực làm việc [H06.06.02.13.DC] [H6.06.06.02].

Đầu mỗi học kỳ, căn cứ vào văn bản phân công công việc của Khoa, các GV đều phải xây dựng kế hoạch giảng dạy ngay từ đầu mỗi năm học [H6.06.06.03]. Hàng năm, khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy định về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.04].

Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá giảng viên để thực hiện quản lí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đãi ngộ đối với giảng viên, cụ thể: Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác sẽ là cơ sở để Khoa bình xét và đề cử danh hiệu thi đua: chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp bộ; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ, giảng viên chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được nâng lương trước hạn hoặc là cơ sở xem xét đề bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho GV đã tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H6.06.04.05].

Tính đến tháng 12 năm 2021, Nhà trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng [H6.06.04.12.DC] [H06.06.06.06] [H6.06.06.07.DC].

Về nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, do đặc thù của đào tạo Diễn viên Kịch-Điện ảnh, các giảng viên tham gia đạo diễn vở hoặc trực tiếp tham gia là diễn viên; tham gia ban giám khảo cho Liên hoan phim, liên hoan sân khấu trong nước, các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và quốc tế. Đây là những hoạt động mang lại nhiều ý nghĩa cho phát triển chuyên môn của giảng viên cũng như có giá trị ảnh hưởng, góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng. Do đó, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể về việc căn cứ vào thành tích nghề nghiệp để tính quy đổi thành điểm nghiên cứu khoa học cho các giảng viên khoa Sân khấu [H06.06.02.14.DC] [H06.06.06.07].

Bảng 6.3. Thành tích TĐKT của giảng viên Khoa Sân khấu (2015-2021)

Năm học	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Chiến sỹ thi đua cấp Bộ	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ VHTTDL	Các giải thưởng	Bằng khen của Thủ tướng	Huân chương lao động
2015-2016	1	1	1	0	0	0
2016-2017	1	0	0	1	0	0
2017-2018	1	0	0	0	0	0
2018-2019	0	0	1	0	1	1
2019-2020	2	0	0	4	0	1
2020-2021						

Tuy nhiên, qua nghiên cứu minh chứng cho thấy, còn ít GV của Khoa Sân khấu được khen thưởng về thành tích NCKH mang tính lý luận (công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở/ cấp bộ; bài báo đăng tạp chí quốc tế, tạp chí chuyên ngành...).

2. Điểm mạnh

Trường có các quy định để thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhiều GV vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc và đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp cũng như các giải thưởng sân khấu.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2015-2020, các hoạt động nghiên cứu khoa học (mang tính lý luận) của giảng viên khoa Sân khấu chưa nhiều, mới chỉ có các đề tài cấp Trường, chưa có giảng viên tham gia đề tài cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022 trở đi, Phòng HCTH (TCCB), Khoa Sân khấu, P. Đào tạo, QLKH & HTQT lên kế hoạch phối hợp tổ chức khảo sát về sự đáp ứng của GV khoa Sân khấu đối với vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa. Nhà trường duy trì hoặc bổ sung các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Phòng HCTH (TCCB) chủ trì định kỳ 2 năm 1 lần thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng. Khảo sát chỉ số quy đổi trong tính điểm NCKH, bổ sung ưu đãi trong chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Viện Sân khấu điện ảnh - Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là đầu mối xây dựng kế hoạch về NCKH hằng năm của Nhà trường **[H6.06.07.01]**. Nhà trường đã ban hành Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN **[H6.06.07.02]**.

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được Trường quy định rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV TN) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường. Kết thúc năm công tác, khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV **[H6.06.07.03]**.

Nhà trường đã có quy định về hướng nghiên cứu các đề tài ứng dụng phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, các hình thức tham gia đóng phim, liên hoan sân khấu, kịch, hoạt động trong ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh đều có các văn bản của Nhà trường hướng dẫn quy đổi sang định mức nghiên cứu khoa học. (Quy định chế độ làm việc của GV có xác định 12 nội dung các tác phẩm nghệ thuật được tính giờ NCKH). Nhiều tác phẩm, sản phẩm khoa học của Nhà trường được ứng dụng và hợp tác sản xuất với các đài truyền hình, các hội chuyên ngành uy tín như ANTV, VTV...GV của Khoa Sân khấu đạt được các giải thưởng trong nước [H6.06.07.04].

Bên cạnh đó, Nhà trường có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định [H6.06.07.05]; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ [H6.06.07.06]. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ giảng viên luôn được thông qua bởi một Hội đồng nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV.[H6.06.07.07].

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường dưới nhiều hình thức từ đề tài, giáo trình đến tư liệu đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ GV của Trường [H6.06.07.08]. Tuy nhiên, do đặc thù đào tạo của ngành diễn viên Diễn viên Kịch-Điện ảnh mang tính thực tiễn, các NCKH thể hiện trong các tác phẩm, sản phẩm sân khấu cụ thể (vở diễn, vai diễn), GV của Khoa chưa có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học (chưa có đề tài cấp bộ, nhà nước). Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH; số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều. Do đó, hiện nay việc đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV chưa được Khoa rà soát, điều chỉnh, đối sánh để nâng cao chất lượng của các hoạt động NCKH.

Bảng 6.4. Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV Khoa Sân khấu (2015 – 2020)

Năm hoàn thành	Cấp cơ sở	Cấp bộ	Cấp nhà nước	Tổng số
2015-2016	2	0	0	2
2016-2017	2	0	0	2
2017-2018	1	0	0	1
2018-2019	1	0	0	1
2019-2020	2	0	0	2
Tổng số	8	0	0	8

Bảng 6.5. Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV Khoa Sân khấu (2015 - 2020).

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số *	Số lượng					Tổng
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế uy tín (SCIE/Scopus)	1,5	0	0	0	0	1	1,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	2	0	0	1	3
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	1	3	4	3	7,5

*Hệ số: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước.

Bảng 6.6. Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV khoa Sân khấu giai đoạn 2015-2020

Năm học	Tổng giờ NCKH quy định	Tổng giờ NCKH đã hoàn thành	Còn thiếu
2019-2020	6380	6380	0
2018-2019	6380	6380	0
2017-2018	5800	5800	0
2016-2017	5220	5220	0
2015-2016	4640	4640	0

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc của GV, có chính sách quy đổi giờ NCKH đặc thù.

3. Điểm tồn tại

GV của Khoa Sân khấu chưa có nhiều đề tài nghiên cứu lý luận cấp Bộ hoặc cấp nhà nước; Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng HCTH (TCCB) phát huy các cơ chế hiện có (quy đổi; khen thưởng) để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, định kỳ 2 năm 1 lần Khoa Sân khấu phối hợp với Viện SK-ĐA tổ chức hội thảo, tọa đàm để nâng cao chất lượng, số lượng đề tài NCKH. Thực hiện định kỳ rà soát, đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV để cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên trong ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh-truyền hình có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy; nghiên cứu khoa học; phục vụ cộng đồng của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, đội ngũ giảng viên của Khoa đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều giảng viên được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Tuy nhiên, GV của chương trình chưa có nhiều đề tài NCKH cấp bộ hoặc cấp nhà nước.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 6		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 6.1				X				4.0	7	100
Tiêu chí 6.2				X						
Tiêu chí 6.3				X						
Tiêu chí 6.4				X						
Tiêu chí 6.5				X						
Tiêu chí 6.6				X						
Tiêu chí 6.7				X						

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội bao gồm nhân viên làm việc tại phòng chức năng (Phòng hành chính tổng hợp; Phòng đào tạo, quản lý khoa học và hợp tác quốc tế; Phòng công tác học sinh sinh viên; Phòng khảo thí & đảm bảo chất lượng giáo dục); Trung tâm thông tin thư viện. Do đặc thù đào tạo, Trường không có phòng thí nghiệm, thay vào đó là Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh (xưởng phim thực nghiệm, nhà hát thể nghiệm, trung tâm âm thanh ánh sáng) và các bộ phận hỗ trợ sinh viên tại các phòng chiếu phim/ trường quay/ phòng tin học. Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được tuyển dụng và đánh giá theo đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc đáp ứng tốt cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và Khoa Sân khấu nói riêng.

Tiêu chí: 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Từ năm 2018 trở về trước, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện theo các quy định của Bộ VHTTDL trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên. Từ năm 2019, Nhà trường có đề án tự tuyển dụng **[H07.07.01.01]**. Số lượng và chất lượng của nhân viên đáp ứng được nhu cầu để thực hiện công tác quản lý đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H07.07.01.02]**. Việc xác định nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ) và trong Đề án vị trí việc làm **[H6.06.01.06.DC][H07.07.01.03; H07.07.01.04]**.

Bên cạnh đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TTTV Nhà trường, phòng chiếu phim, phòng tin học, trường quay, Trung tâm Âm thanh - ánh sáng sân khấu, nhà hát, xưởng Trường, vv..., các đơn vị phòng chức năng (Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; khảo thí & ĐBCLGD, HC-TH; Quản lý HSSV) đều phân công nhân viên trực tiếp phụ trách, hỗ trợ cho Khoa Sân khấu **[H07.07.01.05]**. Nhà trường đã có chính sách phát triển đội ngũ nhân viên thể hiện trong các văn bản: Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường **[H07.07.01.06]**, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội **[H07.07.01.07]**, Quy chế chi tiêu nội bộ **[H07.07.01.08]**. Cụ thể, Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi ngạch viên chức **[H07.07.01.09]**, chính sách hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ **[H07.07.01.08.DC] [H07.07.01.10]**.

Bên cạnh đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Sân khấu còn có các giảng viên kiêm nhiệm công tác trợ lý, hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH và kịp thời hỗ trợ cho người học giúp

người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập [H07.07.01.11].

Đội ngũ nhân viên thực hiện quy trình đánh giá chất lượng công việc cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, được bình xét thi đua theo đúng các quy định của Nhà trường. Tỷ lệ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỉ lệ rất cao trên 90% [H07.07.01.12].

Tuy nhiên, Nhà trường cũng như Khoa Sân khấu chưa thực hiện công tác khảo sát, đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chưa phân tích, đánh giá nhu cầu về đội ngũ để có các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của Trường/Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH.

Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên khảo sát phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, các phòng chức năng; Trung tâm thực hành SK-ĐA; Trung tâm TTTV thường xuyên rà soát và lập danh sách gửi về Phòng HCTH (TCCB) để Trường tiếp tục cử các chuyên viên, kỹ thuật viên, NV tham gia các khóa tập huấn nhằm tăng cường nghiệp vụ chuyên môn. Khoa Sân khấu phối hợp với P HCTH (TCCB) căn cứ số liệu thống kê đội ngũ nhân viên để phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với các đơn vị chức năng, trung tâm định kỳ hằng năm khảo sát người học, giảng viên về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đảm bảo chất lượng nhân viên khi tuyển dụng và để phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt, Trường đã ban hành các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm tuân theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định khác của các Bộ liên quan [H07.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.02.02].

Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H07.07.02.03]. Việc bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H07.07.02.04] [H6.06.03.09.DC]. Trường, Khoa và các đơn vị luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính) [H07.07.02.05]. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc, một số nhân viên có thể được thay đổi sang một vị trí mới phù hợp hơn với nhu cầu và khả năng [H07.07.02.06]. Tuy nhiên Khoa/trường chưa tổ chức phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm để làm cơ sở rà soát, bổ sung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên.

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm. Các tiêu chí là rõ ràng và được công khai để tuyển chọn.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường giao cho Phòng HCTH (TCCB) rà soát kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho đội ngũ nhân viên trong đề án nhân sự giai đoạn tiếp theo của trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với Phòng HCTH (TCCB) định kỳ 2 năm 1 lần tổ chức khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định [H07.07.03.01]. Theo đó, căn cứ vào yêu cầu công việc và vị trí việc làm, mỗi cán bộ NV các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc Trường đều phải thực hiện đăng ký thi đua hàng năm [H6.06.01.06.DC] [H07.07.01.04.DC] [H07.07.03.02].

Vào cuối mỗi năm học, các NV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H07.07.03.03]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh (nhân viên làm quản lý có tiêu chí đánh giá riêng), nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá

(lãnh đạo đơn vị được đánh giá bởi cấp trên - Ban Giám hiệu), cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H07.07.03.04]. Như vậy, năng lực của đội ngũ NV đều được đánh giá theo đúng quy trình thủ tục. [H6.06.04.12.DC].

Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực NV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ NV [H6.06.04.08.DC] [H7.07.03.05]. Kết quả bình xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên hàng năm (kể từ năm 2015 đến 2020) đạt nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến [H07.07.01.12.DC]. Trong đó có cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng....và được xét đề nâng lương trước hạn [H7.07.03.06]. Đặc biệt, đội ngũ làm công tác quản lý các phòng chức năng của Trường đa phần có học vị tiến sĩ, bên cạnh đó còn tham gia công tác giảng dạy, góp phần hiểu rõ và phục vụ tốt hơn công tác đào tạo. Đội ngũ trợ lý Khoa Sân khấu được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm. Các nhân viên đều được đánh giá ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

3. Điểm tồn tại: Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên thực hiện CTĐT chưa được triển khai định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường tiếp tục thực hiện các chính sách bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên. Duy trì chế độ khen thưởng như xét nâng lương trước hạn, khen thưởng các sáng kiến, cải tiến của đội ngũ nhân viên để khuyến khích sáng tạo, đóng góp cho Trường/ Khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB), định kỳ mỗi năm 1 lần, Khoa Sân khấu phối hợp với các phòng chức năng lấy ý kiến đánh giá của người học về thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ, các chính sách này được thực hiện từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch [H7.07.04.01]. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.02]. Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào

tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên, Trường lập danh sách gửi về Bộ VH TTDL hoặc các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng. Bên cạnh đó, Trường hỗ trợ 100 % kinh phí đào tạo bồi dưỡng [H7.07.04.03].

Đội ngũ nhân viên được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng [H7.07.04.04]. Các khóa học đáp ứng yêu cầu thực tiễn nên đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia. Sau mỗi khóa học, các nhân viên được yêu cầu gửi minh chứng như bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận về phòng HCTH (bộ phận tổ chức cán bộ), đồng thời thực hiện khai bổ sung sơ yếu lý lịch hằng năm [H7.07.04.05].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của các nhân viên, hàng năm Trường luôn xác định cụ thể các nội dung cần bồi dưỡng cho nhân viên và có phân bổ ngân sách đào tạo [H7.07.04.06].

Từ năm 2015-2021, nhiều nhân viên của Trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ [H7.07.04.07]. Giai đoạn 2015-2021, các hoạt động về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chủ yếu được thực hiện bởi các kế hoạch từ Bộ VH TTDL hoặc Bộ GD&ĐT do đó Trường chưa tổ chức khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên và có những hình thức để đáp ứng nhu cầu đó. Khoa luôn cử đội ngũ nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh-Truyền hình.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, nhất là bộ phận hỗ trợ cho Khoa Sân khấu còn chưa đa dạng. Kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp do phụ thuộc nhiều vào kế hoạch từ Bộ VH TTDL, Bộ GD&ĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Hằng năm, giao các phòng chức năng, các trung tâm thực hành, trung tâm TTTV chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB) chủ trì và phối hợp các phòng chức năng, Trung tâm thực hành, Trung tâm TTTV tổ chức khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo nhu cầu.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được triển khai tốt đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường cũng như Khoa Sân khấu triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao thể hiện qua bản mô tả vị trí công việc và các quy định cụ thể trong quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.01.06.DC] [H07.07.05.01][H07.07.05.02]. Tất cả nhân viên đều được phân công phụ trách từng mảng công việc cụ thể phù hợp với năng lực chuyên môn [H07.07.05.03]. Trưởng các đơn vị trực tiếp giám sát hiệu quả công việc của mỗi nhân viên; nhận xét của đồng nghiệp và bản tự nhận xét đánh giá của nhân viên để đánh giá xếp loại vào cuối năm [H07.07.05.04].

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa vào kết quả đánh giá để đánh giá, ghi nhận và khen thưởng thành quả của từng nhân viên [H07.07.05.05]. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo các bước: nhân viên tự đánh giá, lãnh đạo đơn vị đánh giá, họp đơn vị thảo luận kết quả tự đánh giá và đánh giá của thủ trưởng đơn vị, Ban Giám hiệu đánh giá (đối với nhân viên làm công tác quản lý) và Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, trên cơ sở tổng điểm đánh giá (có mẫu phiếu); nhân viên được đánh giá ở 4 mức là Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu đối với mức xuất sắc của nhân viên là phải có sáng kiến kinh nghiệm hoặc công trình khoa học được đăng trên tạp chí có tính điểm của Hội đồng chức danh Nhà nước, hoặc bài viết tham gia Hội thảo chuyên đề (đối với ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được quy đổi thành các tác phẩm/sáng tác/ hoạt động nghề nghiệp được ghi nhận bằng giải thưởng...). Kết quả xếp loại viên chức là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua và xét nâng lương trước hạn [H07.07.05.06; H07.07.05.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn tích cực tiếp thu ý kiến của đội ngũ nhân viên để hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.04.08.DC]. 100% nhân viên của Trường được tham gia xây dựng góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc [H07.07.05.08].

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị CCVC và có báo cáo của Thanh tra nhân dân, trong đó ghi nhận kết quả giám sát đối với việc thực hiện các chính sách của Nhà trường. Tính đến năm 2021, Nhà trường không nhận được những ý kiến khiếu nại gì về việc quản trị theo kết quả công việc thông qua các hình thức thi đua khen thưởng [H6.06.06.07.DC]. Bên cạnh việc khen thưởng theo định kỳ năm học, đối với những nhân viên có thành tích xuất sắc, Nhà trường thực hiện khen thưởng đột xuất [H07.07.05.09]. Một số nhân viên rất cố gắng hoàn thành nhiệm vụ nhưng do không có công trình NCKH (bài báo, công trình nghiên cứu...) nên rất khó để đạt các danh hiệu thi đua.

2. Điểm mạnh

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ nhân viên rất khó khăn để đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (ví dụ: thiếu bài báo - công trình NCKH hoặc sáng kiến cải tiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế) theo các quy định trong Quy chế thi đua khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường giao phòng HCTH (TCCB) phối hợp các đơn vị trong toàn trường nghiên cứu, hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực, chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để ĐGCL công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, ít nhất 2 năm 1 lần, P HCTH (TCCB) tổ chức khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá NV. Rà soát bản mô tả vị trí việc làm làm cơ sở để Nhà trường bổ sung những chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Trường có đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ) đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng, bổ nhiệm đúng quy định và công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn. Bên cạnh đó vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục như: Nhà trường/ Khoa chưa khảo sát các bên liên quan (nhất là người học) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên (cũng như để đạt được mức độ ghi nhận cao nhất) chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 7

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 7		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 7.1				x				4.0	5	100
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa Sân khấu luôn xác định người học và hoạt động hỗ trợ người học đóng một vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng của CTĐT. Giai đoạn 2015-2020, Trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp tuyển sinh được công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch đẹp, trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa Sân khấu luôn được coi là khâu khởi đầu rất quan trọng của chuỗi quá trình đào tạo, do đó những chính sách/ quy định về tuyển sinh của Trường/ Khoa đều thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết nhằm cung cấp thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng áp dụng cho khối các trường năng khiếu đã được Bộ GD & ĐT phê duyệt **[H08.08.01.01]**. Các thông tin được xác định rõ ràng như: Đối tượng thi tuyển/ xét tuyển, những chính sách ưu tiên, chỉ tiêu, ngành và chuyên ngành đào tạo; điều kiện dự thi; quy trình thi năng khiếu; hồ sơ; lệ phí và thời gian thi tuyển. Năm 2020, 2021 do dịch bệnh Covid-19, các hình thức thi tuyển phải chuyển sang trực tuyến, Nhà trường đã có

thông báo và hướng dẫn thi tuyển online rõ ràng, cụ thể, công bố công khai trên website của Trường; facebook của Trường và trang thông tin của Khoa sân khấu [H08.08.01.02].

Hàng năm, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai trên website của Trường, tại địa chỉ <http://skda.edu.vn>; trang facebook của Khoa/ Trường; trong các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐH Bách khoa, Sở Giáo dục & Đào tạo; các đơn vị báo chí tổ chức (Ngày hội tuyển sinh) [H08.08.01.03]. Ngoài ra các thông tin về tuyển sinh còn được gửi văn bản tới các sở GD&ĐT các tỉnh thành phố, các trường THPT trên toàn quốc; các đơn vị tuyển dụng đặc thù: Đài truyền hình, đài phát thanh, hãng phim, nhà hát, đoàn nghệ thuật trung ương, địa phương [H08.08.01.04].

Bên cạnh các quy định về tuyển sinh được cụ thể hóa trong các văn bản của Trường, Khoa Sân khấu còn tổ chức lớp giải đáp thắc mắc để hỗ trợ trực tiếp thông tin cần thiết đến các thí sinh. Trước kỳ thi sơ tuyển khoảng một tháng, khoa cùng nhà trường hỗ trợ, giải đáp tất cả các thắc mắc của các thí sinh trực tiếp tại trường, từ chuyên môn tới các thủ tục hành chính, nhằm giúp thí sinh tránh được các sai sót đáng tiếc. [H08.08.01.05]. Để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin; nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá và đưa thông tin tuyển sinh đến các địa phương khác, nhà trường thành lập Tổ truyền thông đi đến từng địa phương để quảng bá về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường hoặc tổ chức cho các Trường THPT đưa học sinh đến thăm quan, trải nghiệm tại Nhà trường [H08.08.01.06].

Chính sách tuyển sinh được Trường rà soát và cập nhật theo đúng qui định hiện hành. Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm [H08.08.01.07].

Tuy nhiên, Trường/ Khoa Sân khấu chưa phân tích/ dự báo nhu cầu nhân lực trên cơ sở góp ý của các bên liên quan để làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh.

Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất

(từ năm 2015 đến 2020)

Năm học	Ứng viên				
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Điểm chuẩn	Điểm trung bình của TS Trúng tuyển
2019-2020	900	36	38	20	21,5
2018-2019	800	36	40	20	21
2017-2018	700	36	31	20	22
2016-2017	780	36	24	20	21
2015-2016	920	36	34	20	22,5

Bảng 8.2: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành DVK-ĐA*(từ năm 2015 đến 2020)*

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2019-2020	38	33	30	19		
2018-2019	40	32	23	36		
2017-2018	31	23	31	17		
2016-2017	24	36	21	29		
2015-2016	34	30	29	29		

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế của Bộ GD & ĐT. Chính sách tuyển sinh cũng được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc tuyển sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh được tiếp cận thông tin dễ dàng và đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện thường niên. Nhà trường chưa có nhiều dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, trước khi lập Kế hoạch tuyển sinh hàng năm, Trường giao cho P. ĐT QLKH&HTQT tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của trường, của khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Thành lập Ban truyền thông để thực hiện tốt hơn nữa công tác quảng bá tuyển sinh và các hoạt động chung của nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trường giao cho P. ĐT QLKH&HTQT thực hiện khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, đồng thời thu thập dữ liệu về nhu cầu nhân lực ngành Điện viên Kịch-Điện ảnh của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa Sân khấu thực hiện các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời dựa trên cơ sở đúc kết thực tế tuyển sinh của Trường qua các năm trước [H08.08.02.01]. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh của Trường [H08.08.02.02].

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban Thư ký, Ban coi thi, bên cạnh đó Hiệu trưởng Nhà trường còn thành lập Ban thanh tra tuyển sinh để thực hiện giám sát toàn bộ quy trình và phương pháp tuyển chọn thí sinh [H08.08.02.03]. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh cho toàn bộ lực lượng liên quan đến kỳ thi tuyển.[H08.08.02.04].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, đề rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, Trường tổ chức hội nghị (họp) rút kinh nghiệm, trong đó tham khảo ý kiến của mỗi thành viên hội đồng tuyển sinh; đánh giá điểm mạnh và những điểm cần cải thiện về công tác tổ chức để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh [H08.08.02.05]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội và facebook của Trường [H08.08.02.06]. Tính đến thời điểm, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H08.08.02.07]. Do yếu tố đặc thù của ngành DVKĐATH, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn vẫn tuyển theo cách truyền thống, tuy nhiên trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 phải tuyển sinh online đã ảnh hưởng nhiều đến người có nhu cầu thi tuyển.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Khoa được xác định rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh của Nhà trường; được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào các chuyên ngành của khoa.

3. Điểm tồn tại: Một số lượng thí sinh vùng xa, vùng cao có thể khó khăn về tiếp cận thông tin tuyển sinh của nhà trường nhất là trong điều kiện tuyển sinh online (do dịch bệnh covid). Nhà trường chưa xây dựng dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh mới để có thể thu hút được đa dạng các đối tượng thí sinh.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P. Đào tạo, QLKH&HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học trong điều kiện không thể trực tiếp tuyển sinh do dịch bệnh. Xây dựng dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Người học được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học. Trước hết, Nhà trường có quy trình, có công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng của người học. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.03.DC] [H08.08.03.01], đồng thời ban hành những quy định đào tạo riêng của Trường về việc xây dựng đề cương chi tiết, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, tốt nghiệp các môn lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng [H08.08.03.02].

Sự tiến bộ, kết quả học tập và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được quản lý bởi phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; P. Công tác học sinh sinh viên (HSSV), P.Khảo thí & ĐBCLGD, trợ lý Khoa Sân khấu và giáo viên chủ nhiệm, giảng viên chuyên môn [H08.08.03.03].

Giáo viên chủ nhiệm, các giảng viên trong bộ môn và khoa căn cứ vào kết quả học tập để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn người học điều chỉnh kế hoạch học tập. Trường triển khai hoạt động đánh giá xếp loại sinh viên, khen thưởng, kỷ luật theo đúng quy định hiện hành [H08.08.03.04].

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, Nhà trường có bộ phận kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập [H08.08.03.05]. Các thông tin về tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên được cập nhật hằng tuần, được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng giữa trường các đơn vị với Ban Giám hiệu Nhà trường để trao đổi và tìm các biện pháp chấn chỉnh (nếu cần) [H08.08.03.06]. Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp chỉ đạo và giao Phó HT phụ trách công tác HSSV trực tiếp điều hành kế hoạch kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập, trong đó thể hiện việc giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học cũng như việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên [H08.08.03.07].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều công bố Thời khóa biểu của từng Khoa trong đó có các thông tin về lớp học, giảng viên, thời gian học, môn học [H08.08.03.08]. Điều này cung cấp cho SV thông tin về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Số lượng môn học/ học phần được phân bổ hợp lý giữa các kì, trong đó các môn học đại cương về lý luận chính trị được phân bổ đều vào các học kì để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong học kì đầu tiên khi sinh viên mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 học phần liên quan đến chuyên ngành không cần điều kiện tiên quyết để các giảng viên của bộ môn tiếp cận sinh viên ngay từ đầu, kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như tương tác, hỗ trợ, đồng hành với từng cá nhân sinh viên trong từng bài giảng chuyên môn và cả trong đời sống. Do số lượng sinh viên học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh luôn nhiều hơn các ngành khác, do đó

sự dõi theo của GV giúp cho sinh viên có được sự định hướng phát triển và lựa chọn các nhà tuyển dụng ngay cả khi chưa tốt nghiệp. Có sự tương tác sớm giữa sinh viên và các nhà tuyển dụng như cho sinh viên tham gia các chương trình, vở diễn của nhà tuyển dụng, hay thực tập trước tốt nghiệp tại cơ quan tuyển dụng [H08.08.03.09].

Các kì học được phân bổ hợp lí từ lí thuyết, thực hành, thực tập để người học phát triển đầy đủ kiến thức, kĩ năng, để đảm bảo hầu hết sinh viên có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. Sinh viên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh có sự tương tác chặt chẽ với GV trong đào tạo chuyên môn, SV luôn biết chắc chắn bài thi của họ có vấn đề gì và họ được bàn bạc với GV để có ngay giải pháp cả về nội dung chuyên môn và thủ tục hành chính trong suốt quá trình học. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Sổ tay sinh viên, hỗ trợ các thông tin về Trường ngay từ các buổi học trong tuần giáo dục công dân hoặc các ý kiến được đưa ra cuộc họp giao ban đầu tháng để Ban Giám hiệu cho phương án giải quyết ngay. [H5.05.02.04.DC] [H08.08.03.10.DC].

Theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để trợ lý khoa/giáo viên chủ nhiệm của khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của sinh viên. Qua đó phối hợp với Ban chủ nhiệm khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. Sinh viên được đối thoại trực tiếp với toàn bộ giảng viên trong khoa để giải đáp các thắc mắc của sinh viên về đào tạo, học tập. Qua đây, khoa, nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của người học để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ người học (các bản tổng hợp ý kiến này được đưa ra Hội nghị đối thoại với sinh viên). [H08.08.03.11.DC]. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu, trưởng các phòng chức năng (đơn vị hỗ trợ) với sinh viên, nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường liên quan tới chế độ, chính sách đối với sinh viên, quyền và nghĩa vụ của sinh viên trong quá trình học tập tại Trường. Qua đó, kịp thời giải quyết những đề nghị, nhu cầu chính đáng của sinh viên nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. [H08.08.03.12].

Kết quả học tập của từng môn học của người học được thực hiện lưu trữ theo quy định tại P. ĐTQLKH&HTQT, [H08.08.03.13]. Trước mỗi kỳ tốt nghiệp của khóa học, phiếu điểm (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi, điểm tổng kết học phần) của sinh viên được P. Khảo thí & ĐBCLGD kiểm tra, đối chiếu với bảng tổng hợp điểm toàn khóa [H08.08.03.14]. Kết quả học tập là cơ sở để xét học bổng, cảnh báo học vụ, danh hiệu được đề xuất, điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp hoặc xét kết nạp vào Đảng CSVN [H08.08.03.15].

Trường có những văn bản pháp quy để thực hiện việc giám sát hoạt động của người học, tuy nhiên Nhà trường chưa hệ thống hóa thành quy định về theo dõi sự tiến bộ của người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác.

Cán bộ giảng viên trong khoa Sân khấu hầu hết là người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với sinh viên, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là những người giàu kinh nghiệm thực tế, nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của sinh viên gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ người học.

3. Điểm tồn tại

Kết quả học tập từng môn học của người học chưa được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho sinh viên. Điều này gây khó khăn cho GVCN trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của người học.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, P. KT & ĐBCLGD tiếp tục phối hợp theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của người học, đặc biệt là các sinh viên bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trường giao cho P. ĐT QLKH&HTTQT xây dựng phần mềm chuyên dụng, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo. Cải tiến công cụ giám sát kết quả học tập của sinh viên; cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho sinh viên; mở tài khoản điện tử dành cho GVCN để hỗ trợ trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của người học. Xây dựng quy định về theo dõi sự tiến bộ của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua cũng như các dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa Sân khấu được thực hiện kịp thời ngay từ thời gian đầu ở trường đại học cho đến khi tốt nghiệp. Phòng Công tác học sinh, sinh viên của Trường là đơn vị chức năng chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để hỗ trợ việc học tập của SV, Ban Giám hiệu Nhà trường phân công một Phó HT phụ trách công tác HSSV [H08.08.04.01]. Bên cạnh đó, các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi Đoàn Thanh niên CSHCM; đội ngũ giảng viên chuyên môn; giáo viên chủ nhiệm và trợ lý của Khoa [H08.08.04.02].

Qui trình triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV được vận hành ngay khi mỗi khóa đào tạo bắt đầu, Trường có quyết định phân công GVCN cho từng lớp [H08.08.04.03], phân công cán bộ lớp [H08.08.04.03.DC], đây là những đầu mối giao tiếp cơ bản của Trường đối với người học.

Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa **[H08.08.04.04]** giúp SV nắm nhất tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định công dân để nhanh chóng hòa nhập với môi trường học tập mới trong trường đại học. Bên cạnh đó, Trường còn cung cấp sổ tay sinh viên để mỗi SV tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học **[H5.05.02.04.DC]** **[H08.08.04.05]**. Ngoài ra, Trường phân công Khoa Sân khấu tổ chức buổi đón tiếp SV mới với sự tham gia đầy đủ CBGV, đại diện Nhà trường và tất cả SV của Khoa **[H08.08.04.06]**.

Trong suốt quá trình học, người học được hỗ trợ các chính sách như: học bổng, và hỗ trợ thủ tục hành chính trong chương trình vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên **[H08.08.04.07]**, miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV) **[H08.08.04.08]**, đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp **[H08.08.04.09]**.

Sinh viên ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh còn được tham gia những hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập như: tham gia các chuyên đề được thực hiện theo lịch (và cả bất thường) tùy theo sự kiện, diễn ra trong đời sống kịch, điện ảnh, truyền hình Việt Nam cũng như Quốc tế; tham dự các buổi biểu diễn; chiếu phim mở rộng của lớp, của khoa; tham gia các Liên hoan kịch, phim sinh viên trong và ngoài trường; các Hội thảo hàng năm **[H08.08.04.10]**. Những hoạt động hỗ trợ đặc thù nghề nghiệp này đã giúp cho sinh viên ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh được trải nghiệm ngay từ khi còn đang theo học tại trường (tham dự các tác phẩm kịch, phim...) và nhận được giải thưởng **[H08.08.04.11]**.

Để nâng cao hiệu quả học tập cho SV, GV chuyên môn của Khoa chịu trách nhiệm hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn SV trong suốt quá trình học tập theo quy định của Trường. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, công tác hỗ trợ HSSV được Nhà trường rà soát, P. CTHSSV có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, cũng như những công việc trong tháng để toàn Trường được biết, Hiệu trưởng Nhà trường đều có kết luận chỉ đạo kịp thời **[H08.08.03.06.DC]**.

Đặc biệt, đối với những sinh viên xuất sắc, Khoa Sân khấu đều đề nghị Nhà trường xem xét để thi vào lớp tài năng, giúp sinh viên có nhiều điều kiện, cơ hội cải thiện việc học tập và cơ hội nghề nghiệp. **[H08.08.04.12]**.

Định kỳ mỗi năm một lần, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo Nhà trường với SV toàn trường, nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý khoa tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV. **[H08.08.03.11.DC]**

Trường, khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành DVKĐA để sinh viên lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới

tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV [H08.08.04.13].

Ngoài ra, Đoàn thanh niên CSHCM Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như tổ chức các hoạt động thể thao phong trào cho SV, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa SV các khóa, các ngành đào tạo và giữa SV với GV, viên chức Trường, hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV. [H08.08.04.14]. Qua mỗi hoạt động SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng mềm đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể. Công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn. Từ năm 2015-2020, Nhà trường/Khoa chưa nhận được thông tin nào phản hồi không tốt về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác từ sinh viên. [H6.06.04.12.DC] [H6.06.06.07.DC] [H07.07.05.09.DC]. Tuy nhiên, Nhà trường và khoa chưa định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có rất nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2020, do tình hình Covid nên hoạt động trao đổi sinh viên với các đơn vị đối tác bị trì hoãn. Nhà trường và khoa chưa khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp phòng CTHSSV, Đoàn TNCSHCM, tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa, trao đổi sinh viên (bằng cả hình thức trực tuyến).

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với phòng KT&ĐBCLGD định kỳ hằng năm lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Khoa/ Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thiết lập môi trường làm việc, học tập thân thiện, không khí thoải mái, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn có chính sách về đảm bảo môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho người học, các hoạt động này được giao cho Phòng Hành chính, tổng hợp chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong toàn Trường **[H08.08.05.01]**. Để có được cảnh quan sạch đẹp, nhà trường đã hợp đồng với đội vệ sinh của công ty Hoàn Mỹ làm việc từ 6h30-16h30 tất cả các ngày **[H08.08.05.02]**.

Sơ đồ trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được bố trí hợp lí các khu giảng đường, khu hành chính, trung tâm thực hành SK-ĐA, phòng chiếu phim, nhà hát, sân tập...Đặc biệt, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Trường (1980-2020), Nhà trường đã thiết kế, trang trí khu nhà B của Trường với việc tái hiện những dấu ấn, khung cảnh mang tính nghệ thuật, sáng tạo **[H08.08.05.03]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường được sử dụng khu giáo dục thể chất và ký túc xá thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng riêng cho các trường văn hóa nghệ thuật. Khu thể chất có sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng và khu bể bơi với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi cùng nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt **[H08.08.05.04]**. Đoàn TNCS Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường **[H08.08.05.05]**. Nhà trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong đó có các Pano tại các khu giảng đường để mỗi người học, nhân viên luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân **[H08.08.05.06]**.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, nhà trường có phòng y tế tại tòa nhà A2 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ sinh viên về vấn đề y tế cơ bản **[H08.08.05.07]**. Giai đoạn 2015-2021, 100% SV khoa Sân khấu được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hàng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế **[H8.08.05.08]**. SV được cung cấp Sổ tay sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường **[H8.08.05.09]**. Công tác an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả **[H8.08.05.10]**. Hằng năm, nhà trường tổ chức phun thuốc muỗi để phòng chống dịch sốt xuất huyết; thực hiện nghiêm túc các biện pháp sát khuẩn/ phòng chống dịch theo quy định, nhất là trong giai đoạn phòng chống dịch Covid vừa qua **[H8.08.05.11]**.

Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thực hành, các phòng làm việc được trang bị đầy đủ, định kì nhà trường tổ chức khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy cho nhân viên để có kĩ năng đảm bảo an toàn về cháy nổ trong nhà trường; được lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ **[H08.08.05.12]**. Ngoài ra, Nhà trường quy định toàn cán bộ công nhân viên phải đeo thẻ (bảng tên, chức danh) khi làm việc, giữ thái độ hòa nhã và tận tụy với sinh viên và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành các nội quy giảng

đường, nhà hát, phòng thực hành, phòng chiếu phim, nội quy tại TTTT Thư viện...
[H08.08.05.13].

Hoạt động nghiên cứu khoa học của khoa Sân khấu được viết ra, đúc kết về nghề nghiệp hầu hết chỉ hiện hữu ở các bài viết của thế hệ làm nghề lâu năm, đặc biệt của báo chí, của chuyên ngành lý luận phê bình, hoặc người xem và hầu như trong thực tế của kịch, điện ảnh, truyền hình Thế giới... Hình thức NCKH đặc thù và hiệu quả ngành học diễn viên kịch, điện ảnh, truyền hình là hóa thân vào các nhân vật trong kịch, trong phim, Nhà trường có sân khấu A3 – Nhà hát thể nghiệm; Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh, ở đây có đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ các sinh viên làm bài tập. Nhiều hoạt động học tập, clip được chính các em ghi hình ngay trong khuôn viên của Trường và có những vở diễn được các em thực hiện ngay tại Nhà hát thể nghiệm **[H08.08.05.14].**

Định kỳ, Khoa và Trường tổ chức đối thoại với sinh viên để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên, từ đó đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà sinh viên gặp phải. Đa số sinh viên hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan mà Nhà trường mang lại **[H08.08.05.15].**

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

Khu thể chất của Trường do Bộ VH-TT-DL quản lý riêng, do đó quân thể để sinh viên rèn luyện thể dục thể thao bị hạn chế. Nhà trường chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Nhà trường tiếp tục rà soát, thực hiện nghiêm túc các quy định về đảm bảo duy trì một môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu phối hợp với phòng CTHSSV, P. HCTH định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh-Truyền hình. Chất lượng người học thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường của người học được lưu trữ tại Phòng ĐT, QLKH & HTQT, Phòng CT HSSV của Nhà trường. Người học được hỗ trợ

thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Bên cạnh đó, Trường vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm; chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 8:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 8		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 8.1				X				4.4	5	100
Tiêu chí 8.2					X					
Tiêu chí 8.3				X						
Tiêu chí 8.4				X						
Tiêu chí 8.5					X					

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng chiếu phim, nhà hát, trường quay (Trung tâm Âm thanh - Ánh sáng SK) và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành được đặt tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường, thư viện điện tử (băng đĩa, phim v.v...). mà Khoa Sân khấu đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có tổng diện tích là 20.610,8 m², trong đó diện tích nơi học: 11.257 m². Nhà trường có đủ phòng học là 161 phòng học lý thuyết và thực hành thuộc các khu vực giảng đường là nhà A1, A2, khu B, khu C với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/sinh viên là 8,77 m². Phòng thực hành/ xưởng thực tập là 4575 m². Thư viện, hội trường, các phòng

chức năng và khoa có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp sinh viên **[H09.09.01.01]**.

Hiện nay, hệ thống phòng làm việc của Khoa Sân khấu được đặt tại khu A, bao gồm 01 văn phòng Khoa và 01 phòng Trưởng khoa. Các phòng này có diện tích khoảng 40m² (bình quân 10m²/1 giảng viên), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, điều hòa, tủ đựng tài liệu phù hợp yêu cầu công việc **[H9.9.01.02]**. Ngoài các phòng học lý thuyết, sinh viên của Khoa Sân khấu còn được học tại phòng học chức năng như: A2 – 401 (khoảng 100 m²); A2 – 201 (khoảng 60 m²); A2 – 202 (khoảng 60m²); B307 (khoảng 130 m²); Sân khấu mini (khoảng 160 m²); trường quay C2 với diện tích khoảng 130m². Ngoài ra đến năm thứ 4, gần đến ngày tốt nghiệp, các lớp Diễn viên Kịch – điện ảnh được bố trí học ở nhà hát A3 (khoảng 300m²). Đến năm học 2019-2020, với số lượng 286 sinh viên chính qui. Đồng thời, các khu vực giảng đường và khu vực các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy sử dụng phòng **[H09.09.01.02]**. Bên cạnh đó, Trường được sử dụng cơ sở vật chất với quần thể nhà thi đấu thể thao, bể bơi, sân bóng, nhà thi đấu đa chức năng, ký túc xá thuộc Bộ VH TTDL quản lý **[H09.09.01.03]**.

Trường giao cho Phòng Hành chính, Tổng hợp (bộ phận Hành chính, quản trị) quản lý, bảo dưỡng, lập kế hoạch sửa chữa, quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng **[H09.09.01.04]**; xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hàng năm nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp cơ sở vật chất **[H09.09.01.05]**. Nhà trường đã có Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất để định hướng, xác định và triển khai các hoạt động nhằm tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các CSVC hiện có **[H09.09.01.06]**. Bên cạnh đó, hằng năm, trong Hội nghị cán bộ CCVC, Trường luôn công khai kinh phí về các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến cán bộ và giảng viên **[H09.09.01.07]**.

Trong Báo cáo đánh giá ngoài của Trung tâm KĐCLGD ĐH QGHN đã thực hiện kiểm tra thực tế và ghi nhận Nhà trường đạt tiêu chuẩn về việc có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo **[H09.09.01.08]**.

Mặc dù cơ sở vật chất của Nhà trường thường xuyên được Bộ VH TTDL đầu tư, nâng cấp, nhưng do yêu cầu đào tạo càng ngày càng đòi hỏi cao hơn trong đầu tư đạo cụ học tập để đáp ứng đa dạng loại hình nghệ thuật sân khấu ... điều này đòi hỏi Trường đầu tư các thiết bị chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công tác đào tạo, NCKH.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, nhà hát, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay... với nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho

dạy, học. Cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học bố trí cho sinh viên chuyên ngành chất lượng cao của Khoa Sân khấu chưa được trang bị thêm các đồ dùng học tập chuyên dụng như phòng cách âm; hệ thống bụi, hệ thống âm thanh, ánh sáng; điều hòa, băng đĩa tư liệu học tập, trang phục biểu diễn, đạo cụ sân khấu.v.v...ảnh hưởng đến quá trình giảng dạy và học tập.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu và các đơn vị trong toàn trường lên kế hoạch rà soát cơ sở vật chất, đề xuất với Nhà trường tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; mua sắm, đóng mới thêm đạo cụ học tập, hệ thống bụi, hệ thống âm thanh, ánh sáng, cho mỗi phòng học; đầu tư về trang phục biểu diễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021-2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P.HCTH quy hoạch lại các phòng học chuyên dụng, phòng chức năng cho các lớp học tài năng; thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa nói chung và ngành diễn viên Kịch, điện ảnh, truyền hình nói riêng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thông tin, Thư viện của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội được bố trí trên một mặt bằng khá thuận lợi cho bạn đọc với tổng diện tích sử dụng là 581,4m² [H09.09.02.01]. Thư viện của Trường hiện nay chia thành hai bộ phận: Thư viện sách và thư viện điện tử đặt tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, phục vụ việc học tập của sinh viên và giảng dạy của viên chức Nhà trường. Tổ chức biên chế của Thư viện thực hiện theo Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học [H09.09.02.02]. Hiện tại nhân sự của thư viện là 04 cán bộ biên chế, thư viện hoạt động 05 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian hoạt động từ 8h-18h.

Về cơ sở hạ tầng: Trung tâm Thông tin thư viện được bố trí tại tầng 6 nhà A1 gồm 05 phòng (A601, A602, A604, A606, A608) với tổng diện tích sử dụng là 581,4m², trong đó 01 phòng đọc mở (A608) bao gồm cả thư viện điện tử có diện tích 190,3m²; toàn bộ diện tích còn lại (391,1m²) bao gồm: Kho sách, tài liệu (A601, A602, A604) và phòng xử lý dữ liệu (A606) [H09.09.02.03]. Để đáp ứng nhu cầu phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học. Hằng năm, thư viện đặt báo, tạp chí cho các phòng, ban, khoa và thư viện; phô tô nhân bản tài liệu, nhập sách tài liệu do các nơi tài trợ như: Nhà xuất bản văn học, Nhà xuất bản Sân khấu, Hội điện ảnh. Hội nghệ sĩ Nhiếp ảnh...[H09.09.02.04].

Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy/quy định/hướng dẫn, v.v). Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có đầy đủ sách giáo trình chính cho mỗi học phần thuộc CTĐT Diễn viên Kịch, điện ảnh và có tài liệu tham khảo tối thiểu đối với mỗi học phần thuộc CTĐT... [H2.02.02.02.DC] [H2.02.01.02. DC] [H09.09.02.05].

Nhà trường có hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hoá, ebooks, liên kết đến thư viện số, tạp chí online đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, người học và các bên liên quan; dễ dàng truy cập phục vụ học tập mọi lúc mọi nơi. Thư viện điện tử được nối mạng Internet và mạng Lan với 01 máy chủ và 10 máy trạm (tại trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội). Thư viện điện tử lưu giữ các bài giảng của chuyên gia nước ngoài và các giáo sư đầu ngành về nghệ thuật, các phim điện ảnh - truyền hình kinh điển trong nước và nước ngoài, các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường, phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ giảng viên và sinh viên (gồm các bài giảng chuyên ngành, trích đoạn, ảnh tư liệu, ảnh biểu diễn [H09.09.02.06].

Hệ thống máy vi tính trong Trung tâm thông tin, thư viện được nối mạng nội bộ và internet; máy tính tại quầy thủ thư được cài đặt phần mềm quản lý thư viện Ilib ver 4.1 do CMC cung cấp. Phần mềm Ilib bao gồm các module bổ sung, biên mục, lưu thông, mượn trả dành cho thủ thư phòng đọc. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu và các thông tin về bạn đọc, quá trình lưu thông, mượn trả được lưu trữ thông qua máy chủ Thư viện. Tài liệu được phân loại theo chuẩn DDC14 và mô tả dưới dạng biểu ghi MARC 21, nhập vào cơ sở dữ liệu, sau đó được dán mã vạch và được xếp giá theo phân loại thập phân DDC. Thông tin bạn đọc cũng được nhập các trường họ, tên, ngày sinh, lớp, ảnh vào cơ sở dữ liệu và phát hành thẻ có mã vạch [H09.09.02.07].

Tại thư viện, tài liệu phục vụ cho ngành diễn viên Kịch, Điện ảnh - Truyền hình là: 650 tựa/ 820 bản sách, 10 tựa luận văn thạc sĩ, chuyên đề tốt nghiệp và 04 đầu tạp chí chuyên ngành, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành và các CSDL dùng chung. [H9.09.02.08].

Bảng 9.1. Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường Đại học SKĐAHN

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2016	2017	2018	2019	2020
Sách	2675 / 29437 cuốn sách	2690/ 29452 cuốn sách	2710/ 29472 cuốn sách	2727/ 29489 cuốn sách	2752/ 29514 cuốn sách
Khóa luận tốt nghiệp	.	2.721	3.052	3.325	3.574

Bên cạnh nguồn học liệu tại Trung tâm TTTV, hàng năm, sau 2 kỳ tốt nghiệp của SV khoa Sân khấu, khoa đều nộp về Thư viện tất cả các tiểu luận tốt nghiệp để SV các khóa sau có thể tham khảo. Khoa cũng lưu trữ để các GV minh họa cho các bài giảng và cung cấp cho SV mượn. Các vở diễn do Khoa dàn dựng và tham gia các Liên hoan Sân khấu, các cuộc thi sân khấu chuyên nghiệp; các giảng viên và sinh viên đạt giải thưởng nghề nghiệp trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, đạt giải HCV, HCB, Bằng khen.... đều được khoa sưu tập để phục vụ công tác Giảng dạy. [H09.09.02.09].

Bảng 9.2. Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng Khoa Sân khấu

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2016	2017	2018	2019	2020
Khóa luận tốt nghiệp	27	27	17	21	15
Sách và giáo trình	05	05	05	05	06

Để các nguồn học liệu phong phú và cập nhật, nhằm phục vụ tốt nhu cầu của người sử dụng, hàng năm Thư viện phối hợp với Khoa trong việc bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Quy trình cập nhật tài liệu thể hiện sự phối hợp giữa Thư viện và các Khoa đảm bảo tài liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường [H9.09.02.10]. Nhà trường đã tổ chức đợt khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện, hơn 98% bạn đọc đánh giá chất lượng phục vụ ở mức độ tốt [H09.09.02.11]. Cán bộ Thư viện thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý [H9.09.02.12]. Năm 2020-2021, do dịch covid – 19, các lớp học chủ yếu là trực tuyến, điều này ảnh hưởng nhiều đến việc học chuyên ngành đặc thù của ngành diễn viên kịch – điện ảnh, đòi hỏi Nhà trường cần tiếp tục trang bị cho TTTV nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc có thể tiếp cận tài liệu dễ dàng mà không phải trực tiếp đến thư viện.

2. Điểm mạnh

Trung tâm TTTV của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên của Trường nói chung và của ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh-Khoa Sân khấu nói riêng. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Ngoài ra, khoa Sân khấu có lưu trữ tư liệu riêng có tính chất chuyên sâu cho chuyên ngành đào tạo. Phòng tư liệu của Khoa được bố trí ngay khu vực làm việc và phòng học của Khoa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của cán bộ và sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành Diễn viên Sân khấu - điện ảnh chưa cập nhật; tài liệu băng đĩa các vở diễn trong và ngoài nước chưa nhiều; tài liệu về trang

phục biểu diễn các thời kỳ khác nhau chưa có; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học còn hạn chế. Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trung tâm TTTV phối hợp Khoa Sân khấu xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và người học. Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn. Từ năm 2022, Khoa Sân khấu đề xuất Nhà trường có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu đầy đủ cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nhà trường. Đối với ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh cần bổ sung giáo trình môn Kỹ thuật biểu diễn, môn Biểu diễn trước ống kính máy quay; tài liệu băng đĩa các vở diễn nổi tiếng ở Việt Nam và trên thế giới; tài liệu về trang phục biểu diễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu, Trung tâm TTTV triển khai liên kết với các thư viện ĐH có cùng chuyên ngành đào tạo để chia sẻ, trao đổi tài nguyên thông tin.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có đủ phòng thực hành và trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Do đặc thù của các chuyên ngành đào tạo, Trường không có hệ thống phòng thí nghiệm. Với đặc điểm là một trường đào tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, do đó để thực hiện công tác đào tạo, trường có phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành sk-đạ, nhà hát (sân khấu biểu diễn) xưởng vẽ... (sau đây gọi chung là phòng thực hành) và được bố trí phù hợp với yêu cầu thực hành của 11 khoa **[H09.09.01.01.DC] [H09.09.03.01]**.

Những năm gần đây, bên cạnh khu nhà C, B, E Nhà trường đã xây mới hai tòa nhà A1, A2 và Nhà hát thể nghiệm A3. Nhà trường có hội trường lớn 300 chỗ phục vụ cho việc thực hành của sinh viên các khoa **[H09.09.03.02]**. Trường hiện có 109 phòng học lý thuyết với tổng diện tích là: 6682 m². Phần lớn các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa, điều hòa. Thiết bị học tập phục vụ theo yêu cầu tối thiểu của từng khoa. Các phòng học lớn sử dụng cho việc học tập trung nhiều lớp. Phòng học nhỏ sử dụng cho các lớp học nhóm, học chuyên môn của khoa Sân khấu, khoa Truyền hình, khoa Kịch hát dân tộc... Một số phòng học được trang bị máy Projector, bộ máy chiếu DVD phục vụ cho việc xem phim và nghiên cứu của sinh viên **[H09.09.03.03]**. Nhà trường có 52 phòng thực hành với tổng diện tích 4575 m². Đó là điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hành của sinh viên (đặc biệt là khối

nghệ thuật). Một số phòng thực hành như: trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim được sử dụng chung cho các khoa Sân khấu, Nghệ thuật Điện ảnh, khoa Truyền hình, khoa Nhiếp ảnh. Đặc biệt, năm 2010 Nhà hát thể nghiệm A3 được đưa vào sử dụng, nhà hát có máy chiếu hiện đại, âm thanh, ánh sáng tương đương một sân khấu nhỏ với 320 ghế, phục vụ chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật. Với một nhà hát thu nhỏ như vậy trong một trường nghệ thuật, Nhà trường đã có một cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại để phục vụ việc học, dạy và thực tập của sinh viên **[H09.09.03.04]**.

Thiết bị trong mỗi phòng thực hành đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng và được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát **[H09.09.03.05]**. Trường/Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ **[H09.09.03.06]**. Các phòng thực hành được thiết kế khoa học, đảm bảo an toàn điện, an toàn cháy nổ. Giảng viên và sinh viên làm việc tại phòng thực hành luôn được học và kiểm tra các quy tắc an toàn trước khi học tập tại đây.

Tất cả, các phòng thực hành đều có nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành. Các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, đảm bảo việc sử dụng hệ thống phòng thực hành có hiệu quả **[H09.09.03.07]**.

Để đảm bảo các trang thiết bị trong phòng thực hành, Trường giao cho Phòng Hành chính tổng hợp làm đầu mối quản lý (hiện nay là bộ phận hành chính, quản trị), Phòng có kế hoạch thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu **[H09.09.03.08]**. Vào đầu mỗi năm học, Phòng HCTH (HCQT) đều có kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất. Khoa Sân khấu căn cứ nhu cầu đào tạo đề xuất mua sắm thiết bị, dụng cụ **[H09.09.03.09]**. Trường có hồ sơ theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị **[H09.09.03.10]**. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT **[H09.09.03.11]**. Bên cạnh đó, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình. Các đơn vị này luôn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên của trường về thực hành, thực tập tốt nghiệp. Ngoài ra, do đặc thù đào tạo, Khoa Sân khấu còn sử dụng chung các trang thiết bị được hỗ trợ cho các Khoa khác trong Trường tại Trung tâm Thực hành Sân khấu – Điện ảnh **[H09.09.03.12]**.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số cán bộ, giảng viên và người học không có ý kiến phản nản về tình trạng thiếu phòng thực hành. **[H09.09.03.13]**. Trên cơ sở phản hồi của các đơn vị, Nhà trường xem xét, kiểm tra thực tế và tiến hành cập nhật trang thiết bị **[H09.09.03.14]**. Việc đầu tư ngày càng hạn chế do cắt giảm ngân sách công, dẫn đến những trở ngại trong đầu tư trang thiết bị phù hợp cũng như việc được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Khoa Sân khấu có phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị thiết yếu để phục vụ học tập và giảng dạy được đầu tư thường xuyên. Khoa luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa; các đơn vị tuyển dụng (các Nhà hát, hãng phim, Trung tâm chiếu phim quốc gia) hỗ trợ thực hành.

3. Điểm tồn tại

Công tác quản lý trang thiết bị tại một số phòng thực hành còn chưa tốt, chưa đúng quy trình. Cần nâng cao hơn nữa công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thực hành. Thiết bị chuyên ngành đầu tư còn hạn chế do nguồn kinh phí hạn hẹp. Một số phòng học dành cho môn Kỹ thuật biểu diễn như A2 – 201, A2 -202 chưa được đầu tư đúng mức.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, Trường giao cho P.HCTH chủ trì (bộ phận HCQT) tiếp tục tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; Nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Trường giao cho P. HCTH tham mưu và phối hợp Khoa Sân khấu để xây dựng cơ chế phối hợp với nhà tuyển dụng, các đơn vị có thiết bị thực hành hiện đại để nâng cao hiệu quả hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hệ thống máy tính của Nhà trường gồm máy chủ với 229 máy tính, trong đó 129 máy tính dành cho các phòng làm việc, các văn phòng khoa và 100 máy tính đặt tại 02 phòng máy phục vụ giảng dạy và học tập [H09.09.04.01]. Khuôn viên Trường, thư viện, KTX đều được phủ sóng wifi; tất cả các máy tính được kết nối với hệ thống internet 24/24 giờ phục vụ quản lý, học tập, NCKH. Nhà trường có các phần mềm chuyên dụng quản lý điều hành văn bản và trao đổi công việc, quản lý người học, tài chính và nhân sự; bản quyền sử dụng do đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm [H09.09.04.02]. Thư viện trường có hơn 20 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ giảng viên toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@skda.edu.vn. [H09.09.04.03].

Trong các phòng học lý thuyết được trang bị 06 máy projector tạo điều kiện thuận lợi, hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. Thư viện điện tử của Trường được kết nối

internet, để truy cập những thông tin cần thiết, khai thác tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, NCKH, giảng dạy và học tập; gửi, nhận email của các phòng ban, khoa trong Trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công việc. [H09.09.04.04]. Nhà trường đã thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử năm 2015, 2016. Ban biên tập website được giao trách nhiệm xây dựng, cập nhật thông tin về các hoạt động của Nhà trường. Năm 2020, Nhà trường đã kiện toàn Ban biên tập website, phân công nhiệm vụ thực hiện, trang web đã được cập nhật thông tin kịp thời, phản ánh các hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng [H09.09.04.05].

Nhà trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường [H09.09.04.06]. Để thực hiện quản lý hệ thống tin học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho bộ phận đầu mối là Phòng HCTH (bộ phận HCQT) và các đơn vị chuyên môn phối hợp quản lý với 01 kỹ thuật viên (trình độ trung cấp) và các kỹ thuật viên tại các đơn vị chuyên môn có năng lực chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, người học sử dụng. Để quản lý và khai thác tối đa hiệu quả các trang thiết bị tin học trong các hoạt động dạy học, NCKH và quản lý, tại các phòng máy tính có nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn. [H09.09.04.07].

Nhà trường thường xuyên quan tâm trong việc ký kết các hợp đồng mua sắm các phần mềm chống virus, lưu trữ dữ liệu với các công ty bên ngoài giúp đảm bảo an toàn dữ liệu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Năm 2017, theo ghi nhận của Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐHQGHN kiểm định, Trường có đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm và trang bị thêm một số phần mềm mới; kinh phí đầu tư khoảng 400 triệu đồng/năm [H09.09.04.08]. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên [H09.09.04.09]. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào internet bị chậm. Năm 2016, Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Kết quả phản hồi cho thấy giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H09.09.04.10].

Năm 2020, Nhằm bảo đảm an toàn cho SV trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Nhà trường đã thực hiện chuyển từ hình thức học tập trung sang trực tuyến. Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai kế hoạch giảng dạy mới theo yêu cầu của Bộ GD & ĐT. Nhà trường ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cách sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến để giảng viên, SV, học viên cập nhật. GV của Trường đã được tập huấn và thực hiện hoạt động giảng dạy trực tuyến thông qua phần mềm Zoom. Khoa Sân khấu đã xây dựng kế hoạch học tập phục vụ tốt việc dạy học online. Sinh viên ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh có thể làm các bài tập trực tuyến theo sự hướng dẫn của giảng viên, khoá học tốt nghiệp năm 2020 đã được thực hiện đảm bảo đúng quy định [H09.09.04.11]. Mặc dù đã được đầu tư về cơ sở

vật chất cho việc đào tạo, tuy nhiên các thiết bị tại khu phòng học Nhà C đã quá cũ, quá nhỏ và không đáp ứng đủ điều kiện để các sinh viên thực hiện những bài tập thực hành. Trong điều kiện học trực tuyến, Nhà trường cần tiếp tục nghiên cứu trang bị những phần mềm chuyên dụng, phù hợp để có thể phục vụ việc giảng dạy các môn học đặc thù.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chức năng, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng CNTT trong quản lý đào tạo, thư viện, trong lưu trữ... còn hạn chế. Tín hiệu mạng wifi tại một số vị trí trong Nhà trường còn yếu và không ổn định. Việc bảo dưỡng, nâng cấp các máy tính tất cả các phòng cần phải thực hiện thường xuyên hơn. Việc khảo sát ý kiến của giảng viên, nhân viên hỗ trợ và người học về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy /học tập, NCKH, quản lý chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Nhà trường tiếp tục lên kế hoạch nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các phần mềm quản lý, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập internet, qua đó sử dụng có hiệu quả các dịch vụ có sử dụng internet của Nhà trường. Tăng cường CNTT trong hoạt động văn thư lưu trữ, quản lý đào tạo, thư viện.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp các phòng chức năng khảo sát ý kiến của giảng viên, nhân viên hỗ trợ và người học về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy /học tập, NCKH, quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội xác định việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là trách nhiệm của toàn thể cán bộ công chức viên chức, người lao động, người học trong Trường. Nhà trường luôn bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai thực hiện bằng những hành động cụ thể **[H09.09.05.01]**.

Về môi trường, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội luôn quan tâm xây dựng cảnh quan và môi trường học tập, làm việc nhằm thiết lập đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho CBGV và người học của Nhà trường. Do đặc thù đào tạo của Nhà trường, trong quy chế tuyển sinh không có người khuyết tật. Nhà

trường có khuôn viên được trồng cây xanh, trồng hoa, có hồ nước thả hoa súng tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho người học [H09.09.05.02]. Để tạo thuận lợi cho cán bộ, GV và người học trong quá trình làm việc, học tập cũng như khách đến liên hệ công tác, Trường có sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành. Gắn biển “cấm hút thuốc”; treo panô, áp phích về xây dựng môi trường không khói thuốc ở các vị trí dễ quan sát trong Nhà trường [H09.09.05.03].

Bên cạnh đó, Nhà trường kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường làm việc hàng ngày để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường [H09.09.05.04]. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường [H09.09.05.05].

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, giảng viên và người học, hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch. Năm 2020, khi xuất hiện dịch bệnh Covid 19- Nhà trường đã nghiêm túc, khẩn trương thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid 19 theo quy định của Chính phủ [H09.09.05.06]. Nhà Trường có phòng y tế riêng, với một cán bộ y tế phụ trách, theo dõi tình hình sức khỏe cho sinh viên và CB, NV, GV phối hợp thường xuyên với các bệnh viện để thực hiện định kì khám sức khỏe và đảm bảo công tác khám chữa bệnh ban đầu cho CB, NV, GV và người học [H09.09.05.07]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho các sinh viên năm nhất và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho sinh viên [H09.09.05.08].

Về vấn đề bảo đảm an toàn trường học, Nhà trường có tường rào bao quanh, cách ly với khu dân cư. Bên cạnh đó, Trường đã phối hợp có hiệu quả với các đơn vị chức năng của Công an quận Cầu Giấy tổ chức các hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan, tập huấn nghiệp vụ cũng như các phương án bảo vệ chính trị nội bộ, PCCC cho CBVC, nhân viên. Hằng năm, để nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản cơ quan và mỗi cá nhân, Trường tổ chức cam kết thi đua giữa các phòng ban, khoa và các lớp SV. Trường thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước [H09.09.05.09]. Nhà trường tổ chức Hội thảo về xây dựng văn hóa ứng xử trong trường để góp phần nâng cao ý thức xây dựng môi trường, sức khỏe, an toàn [H09.09.05.10].

Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ [H09.09.05.11]; điều động sinh viên tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản [H09.09.05.12].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung

cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng (thông qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm). Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng bảo vệ [H09.09.05.13]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và các phòng học. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng [H09.09.05.14]. Để đảm bảo an ninh trường học, Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho cán bộ, giảng viên, người học thống nhất thực hiện trong toàn trường [H09.09.05.15]. Giai đoạn 2015-2020, Nhà trường chưa nhận được phản hồi nào không tích cực về các công tác kể trên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Nhà ăn, căng tin của Nhà trường chưa được bố trí. Nhà trường chưa định kỳ tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi GV, CBVC, người lao động, người học về công tác bảo vệ, trật tự, an ninh và PCCC để có những điều chỉnh, bổ sung các chủ trương quy định của công tác này phù hợp với thực tiễn. Việc khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ (thực hiện ngay trong khuôn viên của Trường) còn hạn chế vì trang thiết bị về thể thao và khu nhà tập sử dụng chung với các Trường thuộc khối VHNT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường tiếp tục xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC cũng như trách nhiệm của các bộ phận chức năng trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong khuôn viên đơn vị cho GV, CBVC, người lao động, người học. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn (ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường ĐH SKĐAHN).

Khắc phục tồn tại: Năm 2022, Trường xem xét việc xây nhà ăn, căng tin của Nhà trường. Quy hoạch khu nhà B với những khuôn viên hợp lý đảm bảo hơn nữa các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt

động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên vẫn chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 9:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 9		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 9.1					x			5.0	5	100
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) ngành Điện viên Kịch-Điện ảnh, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội nói chung và Khoa Sân khấu nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả hiện trạng

Để có CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội, đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các khoa/ trung tâm đào tạo, trong đó có Khoa Sân khấu [H10.10.01.01]. Bên cạnh đó, năm học 2019-2020,

để thực hiện chương trình đào tạo tài năng, Khoa đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan để bổ sung, phát triển CTĐT diễn viên Diễn viên Kịch-Điện ảnh [H10.10.01.02].

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CĐR được thực hiện theo quy trình cụ thể theo các hướng dẫn của Bộ GD & ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo của trường ĐH SKĐAHN [H10.10.01.03]. Năm 2016, thực hiện công tác kiểm định CLGD Trường cũng như Khoa Sân khấu đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) [H10.10.01.04].

Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã xây dựng quy trình, lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.05]. Tuy nhiên, hoạt động khảo sát chưa được tổ chức định kỳ hàng năm, cũng như việc Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp sau mỗi khóa học về chất lượng CTĐT ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh.

Hiện nay, công tác khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đang được Nhà trường tiến hành thường xuyên, các ý kiến của người học được Nhà trường/ Khoa xem xét điều chỉnh CTDH. Thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, tổng hợp số liệu ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa thực hiện thảo luận về điểm mạnh, điểm tồn tại và các biện pháp khắc phục và lập kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động GD của GV. Các kết quả đánh giá này được gửi đến tài khoản cá nhân của GV để họ nắm tình hình đánh giá của SV, trên cơ sở đó, GV tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động cá nhân. [H10.10.01.06]. Nhà trường tổ chức kiểm tra việc đào tạo của Khoa trong đó có nội dung về điều chỉnh của giảng viên sau khi nhận được phản hồi của người học. [H10.10.01.07]. Do dịch bệnh COVID-19 số lượng ý kiến phản hồi của cựu người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng người học tốt nghiệp ngành DVKĐA còn hạn chế. Các ý kiến đề xuất có tính tham mưu cho Trường, Khoa trong việc cải tiến nâng cao chất lượng CTDH ngành DVKĐA còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, giảng viên, nhà quản lý) đã được tiến hành qua hình thức bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình, đồng thời Khoa thực hiện rà soát CTĐT theo phản hồi trực tiếp của người học được thực hiện hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ. Nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị nghệ thuật không cao do số lượng sinh viên ra trường hằng năm nhiều hơn chỉ tiêu tuyển dụng. Một số sinh viên chưa đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường giao cho Khoa Sân khấu quy định bài bản hơn đối với việc lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm đối với từng thành viên trong khoa về việc lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trường giao cho Khoa Sân khấu phối hợp với P. ĐT QLKH & HTQT xây dựng quy định (trong đó có quy trình) về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; lập kế hoạch định kỳ rà soát CTĐT (2 năm/ lần) để thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để rà soát, thiết kế, điều chỉnh và phát triển chương trình. Nghiên cứu triển khai cách thức lấy ý kiến phản hồi theo hình thức online.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học (CTDH) là cốt lõi của CTĐT. CTDH của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, thời lượng của CTĐT và mỗi học phần. CTĐT ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh được thiết kế theo 3 khối: kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Trường/ Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CĐR cần đạt được của người học [H10.10.02.01]. Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.02.02]. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTĐT theo hướng dẫn. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CĐR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, [H10.10.02.03]. CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh được thiết kế dựa vào ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Căn cứ vào các CĐR được ban hành trước năm 2015. Năm 2017, sau đánh giá ngoài Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2019 hoạt động này được thực hiện trong toàn Trường, như vậy định kỳ 02 năm một lần, CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh được điều chỉnh, cập nhật [H10.10.02.04]. Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành [H10.10.02.05]; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của khoa, trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần. Nội dung được cải tiến chủ yếu hướng vào việc đạt được CĐR CTĐT [H10.10.02.06]. Quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT và CTDH có sự đóng ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, nhà trường lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị trong Trường đối với CTĐT đã được điều chỉnh trước khi ban hành, có quyết định ban hành rõ ràng [H10.10.02.07]. Việc rà soát, đánh giá CTDH được thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học. Từ

năm 2020, do tình hình dịch bệnh COVID-19, việc khai thác triệt để thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua phân tích thông tin có hệ thống bị gián đoạn, ảnh hưởng đến việc điều chỉnh và cải tiến CTDH của ngành.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH được xây dựng và triển khai một cách khoa học, hiệu quả, được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế chưa được thực hiện thường xuyên đối với ngành Diễn viên Kịch - Điện ảnh. Chưa định kỳ tiến hành rà soát và đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH bị gián đoạn do tình hình dịch bệnh COVI-19.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, định kỳ 2 năm một lần, Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CTHSSV thực hiện việc thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CĐR của CTĐT ngành Diễn viên Kịch - Điện ảnh.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu tiếp tục khảo sát các bên liên quan để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh. Từ năm 2022, Khoa Sân khấu xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, phát triển CTĐT của đơn vị mình ngay cả trong điều kiện học trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “*Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội*” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội [H10.10.03.01]; trong đó có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CĐR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hàng năm, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường làm nhiệm vụ tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi đảm bảo chất lượng đào tạo [H10.10.03.02].

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh, khoa Sân khấu cũng đề ra quy trình đánh giá học phần [H10.10.03.03] dựa trên

mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì [H10.10.03.04]. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. Giảng viên sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Ngoài ra, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.05]. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập thông qua hoạt động lấy kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên do Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh đều được lấy ý kiến [H10.10.03.06]. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Nhà trường, khoa và bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp trường cũng như cấp bộ môn, qua đó giảng viên xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. Kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được công khai trên trang Web của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa Sân khấu với các nội dung như: Kế hoạch học tập, hình thức thi, đề thi, giáo án, giáo trình của giảng viên hồ sơ giảng viên chủ nhiệm, các văn bản ghi chép họp lớp, trong đó có công tác chủ nhiệm, lý lịch khoa học của giảng viên. Hoạt động kiểm tra này giúp Nhà trường nắm được tình hình dạy học, công tác NCKH, công tác phát triển và chuyển đổi CTĐT để điều chỉnh kịp thời.[H10.10.03.07]. Đầu mỗi năm học, giảng viên của Khoa đều xây dựng kế hoạch giảng dạy và gửi về P. KT & ĐBCLGD, phòng dựa trên kế hoạch để giám sát, kiểm tra tiến độ. Một kênh truyền thống khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của giảng viên là sổ đầu bài [H10.10.03.08]. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Bộ môn và Khoa giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các học phần. Cuối mỗi học kỳ, căn cứ trên những thông tin (về thời gian, nội dung và tình hình lớp học) được ghi trong sổ, Bộ môn và Khoa so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng học phần với kế hoạch đã được thiết kế trong đề cương, từ đó có những nhắc nhở và biện pháp xử lý kịp thời. Hiện tại, việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được mở rộng mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc thù của việc đào tạo cử nhân ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh. Việc đánh giá

chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Phòng KT & ĐBCLGD chưa thực hiện thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra - thi. Chưa thực hiện đầy đủ các phân tích cũng như hệ thống hóa các thông tin ở các kênh giám sát một cách hiệu quả; việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu tiếp tục bám sát các quy định, quy trình để thực hiện tốt hơn nữa việc đánh giá quá trình dạy và học; việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường và Khoa Sân khấu sẽ mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của giảng viên như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm, chủ nhiệm bộ môn thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp để hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên được thực chất hơn; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặt thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim... và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường [H10.10.04.01]. Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học [H10.10.04.02].

Khoa Sân khấu có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, đó là một danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV và của sinh viên khoa Sân khấu [H10.10.04.03]. [H10.10.04.04].

Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH được thực hiện bởi nhiều hình thức. Về khách quan, sau mỗi tác phẩm sân khấu đạt giải, các công trình nghiên cứu, giáo trình giảng dạy, bài báo, bài phân tích được đăng tải trên các trang thông tin điện tử, các tờ tạp chí chuyên ngành...chính những bài viết này là phần thông tin quan trọng để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho các bài giảng cho ngành

Diễn viên Kịch, Điện ảnh [H10.10.04.05]. Về chủ quan, những tác phẩm đạt giải hay những đánh giá của dư luận về khả năng nghề của GV - có dấu ấn đóng góp của GV Khoa Sân khấu sẽ là minh họa thuyết phục nhất cho SV, ví dụ:

+ Năm 2016, trong Liên hoan Sân khấu Thủ đô lần thứ 2, Giảng viên Trần Lực đoạt giải “Đạo diễn xuất sắc” cho vở “*Quần*”, 01 sinh viên giành HCV, 02 SV giành HCB, vở diễn “*Quần*” giành giải bạc.

+ Năm 2016, giảng viên Phan Trọng Thành viết 2 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “*Hình thái xung đột trong kịch Lưu Quang Vũ*” và “*Nghệ thuật xây dựng hành động kịch trong kịch Lưu Quang Vũ*”. Hai công trình này đã được nghiệm thu, đạt loại xuất sắc.

+ Năm 2017, Giảng viên Nguyễn Thị Huyền Nga đạo diễn 01 vở nhạc kịch “*Carmen*” của nhà soạn nhạc Georges Bizet.

+ Năm 2018, giảng viên Phan Trọng Thành dựng vở “*Mùa hoa sữa*” cho Nhà hát kịch Quân đội và nhận giải Đạo diễn xuất sắc, vở diễn nhận Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu chuyên nghiệp Thủ đô năm 2018. Tháng 12 năm 2018, nhân dịp chào mừng kỷ niệm 26 năm thiết lập quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, Khoa Sân khấu tổ chức dàn dựng và biểu diễn vở “*Xe ôm*” (đạo diễn: PGS.TS.NGUT Phan Trọng Thành) được đối tác khen ngợi.

+ Năm 2019, Giảng viên Trần Lực: dàn dựng một số vở diễn như: *Nàng Kiều* (tháng 10.2019) theo dự án của viện Goth (Vở diễn đã tham gia biểu diễn tại nhà hát tuổi trẻ và Nhà hát Trần Hữu Trang); vở *Người tạc tượng* cho Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam; vở *Bạch đàn liễu* cho Nhóm Lucteam biểu diễn tại Rạp Đại Nam Trung tâm văn hóa Pháp (Vở diễn tham gia Hội thảo khoa học về Nhà viết kịch Xuân Trình tháng 11.2019 và tham gia Liên hoan Sân khấu thủ đô đạt HCV cho toàn vở, 02 diễn viên đạt HCV, 01 diễn viên đạt HCB).

+ Năm 2020, Vở diễn *Tái sinh* (tác giả: Nguyễn Toàn Thắng, đạo diễn: NSUT Bùi Như Lai) do tập thể lớp Diễn viên Kịch – Điện ảnh K37, K38 biểu diễn trong Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sĩ công an lần 4 diễn ra vào tháng 7.2020. Kết quả: Vở diễn đạt HCV, giải đạo diễn xuất sắc nhất, 2 HCV, 3 HCB. Tháng 9. 2020, Vở diễn *Những người ở lại* (tác giả: Nguyễn Huy Tường, đạo diễn: NSUT Lê Thúy Nga) do tập thể lớp Diễn viên Kịch – Điện ảnh K36 biểu diễn trong Liên hoan Sân khấu thủ đô. Vở diễn được đánh giá cao và được bằng khen của Ban tổ chức Liên hoan. Kết quả, có 3 sinh viên đạt HCB.

Ngoài ra, các giảng viên trong khoa còn tham gia nhiều vai diễn khác như: GV Hán Quang Tú tham gia vai diễn trong vở *Tái sinh* đạt HCV cho vai diễn; vai diễn trong các vở *Thị Nở Chí Phèo*; *Cây tre thân*; *Hoa sen lửa*, *Tình bạn và công lý* của Sân khấu Lê Ngọc. (trong đó, vở *Tình bạn và công lý* đạt HCV Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sĩ công an lần 4 diễn ra vào tháng 7.2020) [H10.10.04.06].

Nhà trường ban hành các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học [H10.10.04.07]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của GV và người học trong

toàn trường **[H10.10.04.08]**.

Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học được thể hiện đa dạng, tùy theo yêu cầu nội dung bài học, ví dụ qua việc tổng kết kinh nghiệm từ nghiệp diễn, các giảng viên đạt giải thưởng sẽ dùng chính những nội dung mình đạt giải để làm ví dụ cho bài giảng của mình, các sinh viên đánh giá, phân tích về các của một diễn viên, một vở kịch... để nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng làm nghề của mình. Các bài viết được đăng tải trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác **[H10.10.04.09]**. Hàng năm, GV Khoa Sân khấu luôn tích cực tham gia các hoạt động trao đổi học thuật nhằm nâng cao tinh thần học hỏi, giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn khoa với những diễn viên, đạo diễn tên tuổi như NSND Hoàng Dũng, NSND Lê Khanh, NSND Minh Hòa, NSND Lan Hương, NSUT Thúy Nga, NSUT Xuân Bắc, NSUT Hữu Mười, NSUT Đỗ Thanh Hải... **[H10.10.04.10]**.

Công tác xuất bản sách, giáo trình phục vụ học tập cũng được GV đặc biệt quan tâm. Năm 2020, Khoa Sân khấu đã có 01 giáo trình được xuất bản, trong đó, 01 giáo trình được sử dụng để làm tài liệu học tập **[H10.10.04.11]**. Những giáo trình này là tâm huyết của các Giảng viên Sân khấu, nhằm mang lại cho người học những tài liệu học có sự đầu tư chĩn chu về mặt chất lượng. Giáo trình *Hình thể* (dành cho Diễn viên Kịch – Điện ảnh và Đạo diễn sân khấu). Cuốn sách không chỉ đáp ứng được vấn đề thiếu giáo trình chuyên sâu trong chương trình giảng dạy của Khoa Sân khấu mà còn phù hợp với môi trường giảng dạy của Khoa, từ đó mang lại sự tiếp cận dễ dàng hơn cho SV đối với một môn học khó.

Ngoài ra, sau những giải thưởng được ghi nhận, các GV được Nhà trường vinh danh tại các Hội nghị của Trường (ngày 20-11; 17-12; 15-3...) các GV chia sẻ những kinh nghiệm làm nghề cho SV, đây có thể nói là tác động rất tích cực đối việc truyền kiến thức cũng như thuyết phục người học.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy định riêng về hoạt động NCKH của SV, gắn với quản lý và sản phẩm KHCN đặc thù riêng của từng ngành trong đó có ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh

2. Điểm mạnh

Khoa Sân khấu có đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các hoạt động nghề nghiệp đặc thù. Trường có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học/ hoạt động nghề nghiệp bên ngoài Nhà trường theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh như việc tham gia dàn dựng vở diễn hoặc tham gia vai diễn trong các kỳ Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp; viết công trình nghiên cứu, giáo trình giảng dạy, bài báo nghiên cứu khoa học v.v...

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù đào tạo, ngành Sân khấu chưa có những đề tài lý luận khoa học cấp nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hàng năm để

thúc đẩy động lực thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn dạy-học. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước khá ít. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học là những bài viết nghiên cứu, công trình nghiên cứu, kịch bản, vở diễn, vai diễn... đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm học 2021-2022, Khoa phối hợp với Nhà trường trong việc tham mưu Bộ VH-TT-DL về việc tính điểm nghiên cứu khoa học đối với những sản phẩm văn hóa như vai diễn, vở diễn. Nhà trường cần tính đến việc thực hiện phân tầng đại học, để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các giảng viên trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng (hoặc thực hành).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trường giao cho P. ĐTQLKH&HTQT; P. CTHSSV; Viện SK – ĐA; Khoa Sân khấu tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành các văn bản để tổ chức và quản lý tốt, hiệu quả hoạt động KH&CN trong Trường như: Quy chế hoạt động KH&CN, Quy định về NCKH của sinh viên, giảng viên; xây dựng chính sách hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác có vai trò rất lớn trong việc đảm bảo chất lượng các CTĐT của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện, góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường thực hiện việc đánh giá và cải tiến bằng quy định các đơn vị trong Trường báo cáo trực tiếp tiến độ kế hoạch công tác trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Tại cuộc họp này các đơn vị có chức năng hỗ trợ trong toàn Trường sẽ báo cáo kế hoạch cụ thể trong tháng tới, đồng thời ghi nhận sự phản ánh của các đơn vị Khoa/ Trung tâm đào tạo, sau khi thảo luận thống nhất, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ kết luận cụ thể từng vấn đề. Từ đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ngày càng được cải tiến **[H10.10.05.01]**.

Khoa Sân khấu có trợ lý đào tạo, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ người học. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website/ facebook của Khoa và thông qua cuộc họp của cán

bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường v.v [H10.10.05.02].

Việc đánh giá tình hình sử dụng và khai thác CSVC được theo dõi thông qua sổ theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm [H10.10.05.03]. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường phân bổ kinh phí hàng năm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ. Hằng năm, đề toàn Trường được biết và giám sát về kinh phí chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, nhà Trường có báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H10.10.05.04].

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, các cán bộ phụ trách đề nghị Phòng HCTH (bộ phận hành chính quản trị) kiểm tra để có biện pháp sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế trang thiết bị được tiến hành kịp thời, đảm bảo hiệu quả sử dụng trong dạy-học phục vụ cho CTĐT. Đặc biệt, các bộ phận phụ trách cơ vật chất của Nhà trường cũng thường xuyên rà soát để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường dự toán kinh phí đảm bảo cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán dự kiến đầu tư trang bị, nâng cấp cho các xưởng thực hành, thực tập của các khoa để các đơn vị chủ động trong công tác đào tạo như: Cải tạo các phòng thực hành, thực tập, bổ sung, nâng cấp thiết bị cho phù hợp với sự phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ mới vào công tác giảng dạy, học tập của Nhà trường [H10.10.05.05].

Năm 2015, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, người học về cơ sở vật chất của Nhà trường. Trong đó, chủ yếu khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng (cán bộ, giảng viên, người học) về các trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy/ học tập và nghiên cứu khoa học của họ, kết quả cho thấy 85% cán bộ, giảng viên nhận xét ở mức độ tốt, 10% đánh giá ở mức khá, 5% đánh giá mức trung bình với ý kiến nhận xét và đề nghị sửa chữa khu nhà B [H10.10.05.06]. Hàng năm, Khoa đề xuất nhà trường bổ sung, cập nhật cho thư viện vốn tài liệu, sách cần cho việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu [H10.10.05.07]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chính sách xã hội hoá để đầu tư toàn bộ hệ thống điều hoà cho các phòng học khu nhà C [H10.10.05.08].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường năm 2012 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trình Bộ VH TT DL phê duyệt. Đây là khung pháp lý để Nhà trường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo [H10.10.05.09]. Năm 2015, Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia. Đây cũng là mục tiêu lớn của Nhà trường với hướng kinh phí mới để đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác đào tạo của Khoa [H10.10.05.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học (nhà A1, A2) được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, micro, ánh sáng, v.v... Có các phòng thực

hành phục vụ cho hoạt động dạy học chuyên ngành mang tính đặc thù của diễn viên. Về tư liệu, Nhà trường có hệ thống thư viện hiện đại với nguồn học liệu đa dạng, phong phú và tiện ích, hệ thống công thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng. Nhà trường và Khoa đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến cơ sở vật chất.

3. Điểm tồn tại

Ngân sách đầu tư CSVC của Trường chủ yếu phụ thuộc vào phân bổ kinh phí của Bộ VH-TT-DL gây trở ngại cho việc chủ động đầu tư cơ sở vật chất của trường. Trang thiết bị của một số phòng thực hành, hệ thống máy tính chưa hiện đại hóa để đáp ứng hoạt động giảng dạy và học tập của của khoa. Ngoài ra, một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2021-2022, Nhà trường giao cho Phòng HCTH quy hoạch lại không gian riêng cho Khoa Sân khấu; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài trường để hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho khoa (hỗ trợ đạo cụ sân khấu...); Khoa khuyến khích SV đến thư viện trường để cập nhật những tư liệu mới, đồng thời quán triệt cán bộ giảng viên kiêm nhiệm hỗ trợ SV, đội ngũ chuyên viên đồng hành cùng SV cả trong học tập cũng như nắm bắt những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày để có hướng khắc phục và giúp đỡ SV kịp thời trong học tập.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa Sân khấu tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Từ năm 2022, Nhà trường yêu cầu phòng chức năng xây dựng các quy trình công tác để hỗ trợ hiệu quả hơn cho CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội nói chung và Khoa Sân khấu nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của Nhà Trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong nhà trường. Trong năm 2014, Trường chính thức thành lập phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (tiền thân là Ban thanh tra đào tạo) để chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục [H10.10.06.01]. Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục được thành lập trên cơ sở nhân lực của Ban thanh tra và Đảm bảo chất lượng đào tạo, được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động, Phòng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác khảo

thí và đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường đúng với các quy định của Nhà nước [H10.10.06.02].

Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá CSGD, CTĐT, đánh giá hoạt động GD của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, khảo sát về cơ sở vật chất, thư viện của Nhà trường; tư vấn, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động [H10.10.06.03]. Ngoài ra, Khoa Sân khấu còn phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Nhà trường ban hành quy định, quy trình và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi của người học một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống [H10.10.06.04]. Hiện nay, theo quy định và Hướng dẫn của ĐH SKĐAHN, vào cuối năm học hàng năm, tất cả các giảng viên cơ hữu của Khoa Sân khấu phải thực hiện hoạt động tự đánh giá các nhiệm vụ sau: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn [H10.10.06.05].

Từ năm 2017 trở đi, Nhà trường và khoa Sân khấu đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên”; “Hội nghị công chức, viên chức”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa, vv... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng tháng Nhà trường tiến hành cuộc họp giao ban, Khoa báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp cụ thể, hiệu quả [H10.10.06.06].

2. Điểm mạnh

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa bước đầu được thiết lập, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa đa dạng. Số lượng đối tượng khảo sát ngoài trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường/ Khoa Sân khấu tiếp tục duy trì các hình thức khảo sát hiện có; thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ doanh nghiệp/ nhà tuyển dụng (Tăng cường khảo sát các đối tượng ngoài trường) tạo nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp các phòng chức năng tham mưu cho Nhà trường xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng văn hóa đảm bảo chất lượng giáo dục thông qua cơ chế lấy ý kiến phản hồi.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương nghiên cứu khoa học được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm Âm thanh, ánh sáng, nhà hát) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy- học và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ, định kỳ; việc thực hiện các đề tài khoa học gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 10

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.1				x				4,16	05	100 (6/6)
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3				x						
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Nhà trường là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho nền sân khấu và điện ảnh nước nhà. Ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh trong những năm gần đây được rất nhiều bạn trẻ quan tâm, số lượng sinh viên so với các khoa khác thường gấp nhiều lần, tính từ Khóa đào tạo Đại học đầu tiên 1980 đến nay - Khoa Sân khấu đã đào tạo khoảng 40 khóa diễn viên hệ chính quy. Học viên những khóa đầu tiên sau gần 40 năm ra trường nhiều người đã trở thành NSUT, NSND, đã và đang là những cán bộ chủ chốt của ngành. Và hiện nay, ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh của Khoa vẫn là nơi đào tạo tốt nhất của quốc gia. Số lượng thí sinh dự tuyển vẫn duy trì ở số lượng cao (trung bình 800-900 hồ sơ dự tuyển một năm). Đây là ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh đã Tốt nghiệp PTTH, một số đã học xong 1 ngành học khác hoặc đang công tác ở những lĩnh vực liên quan. Sau khi trúng tuyển, sinh viên được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hàng năm, nhà trường và Khoa Sân khấu đã thực hiện giám sát việc đạt chuẩn đầu ra (CDR), tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh mang tính đặc thù, không phải là các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học các cấp, mà là một bộ phim, vở kịch hoặc các phần của một chương trình truyền hình.... Các hoạt động này của SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh, thể hiện đặc thù của Khoa, sứ mạng của Nhà trường. Trường, Khoa bước đầu thực hiện các hoạt động thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của giảng viên, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm cơ sở thực tiễn cho việc cải tiến CTĐT, chương trình dạy học và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội có bộ phận để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, phòng Công tác HSSV được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Bên cạnh đó, tình hình của sinh viên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh luôn được giáo viên chủ nhiệm, trợ lý Khoa, phòng Đào tạo QLKH & HTQT cập nhật thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp

thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh [H11.11.01.02]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật [H11.11.01.03]. Do đó, với những SV thôi học, đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CT HSSV [H11.11.01.04]. Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CT HSSV của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo. [H11.11.01.05]. Căn cứ vào các quy định về đào tạo, về quản lý HSSV, hàng năm, Trường thực hiện thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, sinh viên thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.06]. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm [H11.11.01.07] được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

Bảng 11.1. Tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ thôi học của SV ngành ĐDDA từ khóa tuyển sinh 2012 đến 2016.

Khóa	Tổng số sinh viên toàn khóa	Tỉ lệ SV tốt nghiệp (%)	Thời gian tốt nghiệp trung bình	Số lượng SV chưa tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học trong năm thứ				
					1	2	3	4	Tổng
2012 - 2016	43	70 %	4 năm	0	0	3	1	2	6
2013 - 2017	39	85 %	4 năm	0	0	1	2	2	5
2014 - 2018	36	89 %	4 năm	0	0	4	2	0	6
2015 - 2019	48	54 %	4 năm	0	1	4	3	2	10
2016 - 2020	31	90 %	4 năm	0	1	1	4	1	7
2017 - 2021		-	-	-					
2018 - 2022		-	-	-					

** Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2020.*

Số liệu trên cho thấy đa số SV ngành Điện viễn Kịch-Điện ảnh hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý khoa (đào tạo). Ban chủ nhiệm khoa có các buổi họp với cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV. Trường thực hiện tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học. Theo số liệu thống kê trên, tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành Điện viễn Kịch-Điện ảnh hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng SV của toàn khóa. Nhìn chung, SV của Khoa thôi học là do các nguyên nhân như: đi du học; gia đình quá khó khăn về tài chính, nghỉ học quá số tiết do mải mê đi đóng phim; hoặc các em tìm được việc làm ổn định trong năm thứ 2,3 hoặc hết hạn bảo lưu mà không có điều kiện học tiếp [H11.11.01.08].

Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Nhà trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm đảm bảo tiến độ học tập cho sinh viên kịp tốt nghiệp [H11.11.01.09]. Hệ thống GVCN, GV bộ môn, Khoa và Trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên và có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn khi người học gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng [H11.11.01.10].

Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện việc đối sánh, phân tích nguyên nhân giảm tỉ lệ tốt nghiệp, đề xuất các biện pháp khả thi để hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả. Nhà trường chưa ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV để có thể thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học cũng như nguyên nhân và tỉ lệ SV tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường/ Khoa duy trì cơ chế kiểm tra nề nếp hằng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp và có những đề xuất kịp thời đối với nhà trường. Tỷ lệ người học ngành Điện viễn Kịch-Điện ảnh bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỉ lệ SV tốt nghiệp hàng năm nhưng nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học; chưa có phân tích dự báo tỉ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo hàng năm Khoa cũng chưa xác lập và phân tích dự đoán được tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và chưa thực hiện việc đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học (đối sánh năm trước, năm sau; dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp thôi học của người tham gia CTĐT).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường giao cho Phòng CTHSSV, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, Khoa Sân khấu tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thời học của SV ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh. Phát huy hơn nữa vai trò của GVCN trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học; cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và lãnh đạo Trường, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu, P. CTHSSV tiếp tục tuyên truyền cho người học nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp. Bước đầu tiến hành đối sánh với các trường khác trong nước và quốc tế về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời học của SV ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh bằng việc Khoa phối hợp với P. CTHSSV đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỉ lệ tốt nghiệp, thời học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. *Mô tả hiện trạng*

Thời gian tốt nghiệp là khoảng thời gian cần thiết để sinh viên hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường giao cho P. Đào tạo, QLKH & HTQT chủ trì phối hợp với P. CTHSSV, Khoa Sân khấu và các đơn vị khác (Khảo thí & ĐBCLGD, HCTH) để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học thuộc CTĐT Diễn viên Kịch, Điện ảnh. Để tốt nghiệp, sinh viên phải có đủ điều kiện về điểm, vở diễn tốt nghiệp và điều kiện khác (đã đạt điểm đầu ra ngoại ngữ, điểm đạt tốt nghiệp môn LLCT... thực hiện đào tạo theo niên chế nên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hệ ĐH chính qui của Khoa Sân khấu là 4 năm (Quy chế 25 và những quy định riêng của Trường) [H11.11.02.01]. Đặc thù ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh là tốt nghiệp bằng vai diễn trong một vở kịch hoàn chỉnh hoặc một vai diễn trong một bộ phim điện ảnh hoặc truyền hình (vai diễn này có tính cách, số phận nhân vật) một sản phẩm mang tính đặc thù cao và được làm ra bởi 1 tập thể, trong đó diễn viên là người chịu trách nhiệm chính. Vì vậy kế hoạch TN của một SV Diễn viên Kịch-Điện ảnh cần phải có sự tập trung cao độ để không ảnh hưởng tới tập thể. Chỉ cần một sinh viên thay đổi kế hoạch sẽ ảnh hưởng tới tiến độ tốt nghiệp và sự hoàn thành vai diễn tốt nghiệp của nhiều sinh viên khác. Vì vậy, có một vài sinh viên lựa chọn việc hoãn TN để lùi lại cho năm sau tốt nghiệp cùng với khóa khác. [H11.11.02.02]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khóa tuyển sinh từ 2012 đến 2016 của ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được thể hiện ở cột thứ 5 của Bảng 11.1. [H11.11.02.03]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có khoảng 60% - 90% SV Diễn viên Kịch-Điện ảnh hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân Diễn viên Kịch-Điện ảnh. (Bảng 11.1- tiêu chí 11.1).

Bên cạnh đó, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp muộn hơn so với thời gian yêu cầu vẫn còn tồn

tại (như đã giải thích ở trên). Một số nguyên nhân khiến sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn có thể kể đến như: theo đoàn đóng phim nên bỏ học một số môn do đó không đủ điều kiện xét lên lớp đúng thời hạn; lập gia đình trong quá trình học; đi du học; có tỷ lệ nợ môn mà không trả kịp... [H11.11.02.04]. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên tốt nghiệp trễ hạn, nhà trường và Khoa đề ra những biện pháp giúp sinh viên hoàn thành các học phần, kéo dài thêm thời gian tốt nghiệp (do dịch Covid 19 hoặc cũng có khi do lớp tham gia cuộc thi nào đó như: Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp trong và ngoài nước chẳng hạn) [H11.11.02.05]. Để hỗ trợ người học đảm bảo CTĐT, Nhà trường có quy định cho SV bảo lưu, hoặc học riêng với GV (không đợi khoá sau) đối các SV còn nợ môn mà hết thời gian đào tạo hoặc đã đến thời gian xét điều kiện thi tốt nghiệp [H11.11.02.06].

2. Điểm mạnh

- SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý Khoa, giáo viên chủ nhiệm để hỗ trợ SV kịp thời.

- Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của sinh viên; Nhà trường đã có những chính sách, giải pháp hợp lý để giúp SV đảm bảo tiến độ học tập.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay vẫn còn một số sinh viên ngành DVKĐA tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế trung bình của khóa học (4 năm). Nhà trường chưa thực hiện đối sánh như yêu cầu của mốc chuẩn tham chiếu trong hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Bộ GD & ĐT (Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng - KĐCLGD).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và quản lý học tập, cùng với các GVCN, GV bộ môn, GV hướng dẫn có định hướng và hỗ trợ sinh viên trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hỗ trợ người học hoàn thành bài tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp xây dựng qui trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của người học, từ đó xây dựng những quy định hỗ trợ SV. Nghiên cứu để triển khai việc đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập. Để đánh giá chất lượng đào tạo thì tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là một thước đo quan trọng. Người học luôn đặt ra mục tiêu sau khi ra trường có việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc ổn định. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT. Từ năm 2017, theo quy định của Bộ GD & ĐT [H11.11.03.01], Nhà trường đã phân công Phòng CTCT&HSSV (nay là Phòng Công tác học sinh, sinh viên) phụ trách công tác hỗ trợ người học cũng như thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, từ đó cho đến nay, hoạt động đó được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H11.11.03.02]. Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu), khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn (thực hiện đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp có hộ khẩu tại Hà Nội và vùng phụ cận; các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp) [H11.11.03.03].

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được giám sát. Nhà trường có mối liên hệ gắn bó mật thiết với các sở hoạt động nghệ thuật về Sân khấu, Điện ảnh và Truyền hình trong cả nước, với điều kiện thuận lợi như vậy, sinh viên tốt nghiệp của trường nhìn chung đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, đây cũng là các đơn vị mà Nhà trường thực hiện việc lấy thông tin về việc làm của SV, thực hiện giám sát tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.04].

Cần phải nói thêm về đặc thù của ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh, không phải tất cả sinh viên ra trường ngày một ngày hai trở thành diễn viên (có khi đang học ở trường đã trở thành diễn viên vì tham gia các phim đạt giải) hoặc có việc làm theo đúng mong muốn, SV được gọi là có việc làm được hiểu theo nghĩa rộng, họ có thể không làm đúng ngành đào tạo nhưng có thể làm những công việc liên quan như: người mẫu; MC, biên tập viên, diễn viên lồng tiếng tại các cơ quan báo, đài phát thanh, truyền hình; catting diễn viên cho đoàn làm phim; trợ lý 3,2,1 cho Đạo diễn, cho sản xuất, thư ký trường quay v.v. Những việc làm đó là một quá trình tất yếu để chuẩn bị làm nên 1 diễn viên trong tương lai. Diễn viên là một nghề khá đặc biệt. Do đó, ngay cả việc thống kê tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng cần có một cách đánh giá "Đặc thù".

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà Trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định SV ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, và những điểm đặc thù về nghề Diễn viên đã phân tích ở trên. Khoa và nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp, chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các sinh viên ở các môi trường làm việc. Việc xác định nguyên nhân chưa có việc làm của sinh viên còn chưa được thực hiện thường xuyên. Việc đối sánh căn cứ từ tỷ lệ có việc làm của sinh viên để cải tiến chất lượng còn gặp nhiều trở ngại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa và Trường tổ chức liên kết với các đơn vị/doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa phối hợp với P.CTHSSV lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh đã tốt nghiệp ở các khóa từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học **[H11.11.04.01]**. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành **[H11.11.04.02]**.

Hàng năm, Nhà trường chú trọng đầu tư nguồn học liệu để hỗ trợ SV học tập và nghiên cứu khoa học. Hoạt động khoa học và công nghệ được Nhà trường quan tâm như: tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, lưu trữ luận văn, luận án sau đại học và các nguồn tin khác) **[H11.11.04.03]**.

Do đặc thù của ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh, sản phẩm nghiên cứu khoa học không như những sản phẩm thông thường. Như đã phân tích tại tiêu chí 10.4 “Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặc thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim...và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường” **[H10.10.04.01]**. Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường

xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học. [H10.10.04.04].

Từ năm 2015 đến nay, sinh viên của Khoa Sân khấu – ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh đã đạt được nhiều giải thưởng trong các cuộc thi sân khấu chuyên nghiệp hoặc các bộ phim điện ảnh, truyền hình [H11.11.04.04], đây là những sản phẩm nghiên cứu khoa học đặc thù.

Với phân tích trên cho thấy giảng viên và sinh viên ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh đã thực hiện phương châm “*giảng dạy kết hợp với thực nghiệm và NCKH*”. Nhà trường có quy định cụ thể về việc khen thưởng đối với sinh viên đạt giải trong các liên hoan phim, liên hoan sân khấu, kịch hoặc các cuộc thi mà SV của Trường tham gia được giải [H11.11.04.05].

Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các cán bộ, SV trong Khoa. Đặc biệt là Cuộc thi tài năng sinh viên hằng năm hướng tới kỉ niệm ngày thành lập Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đã thu hút đông đảo sinh viên các khóa, các chuyên ngành tham gia hào hứng. Cuộc thi nhằm tìm ra những sinh viên sáng giá trong nghệ thuật biểu diễn, những tài năng xuất chúng và khuyến khích tinh thần học tập, hăng say lao động sáng tạo trong sinh viên [H11.11.04.06].

Có một thực tế là động viên SV đóng phim, tham gia mọi công việc của hoạt động sân khấu có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Mỗi SV kết thúc 1 trải nghiệm đều có cho mình những kinh nghiệm tốt để làm nghề. Công việc này trải dài toàn bộ cuộc đời làm nghề của họ (tích lũy kinh nghiệm, trải nghiệm). Nó không hiện hữu tất yếu ở một bài viết, bài báo hay "công trình" nào đó. Người GV xem những vai diễn do sinh viên thể hiện trên sân khấu, trên phim điện ảnh hoặc truyền hình để phân tích cho họ thấy họ đã trưởng thành như thế nào, điểm mạnh, điểm yếu ra sao.

2. Điểm mạnh

Một số giảng viên của khoa cũng như giảng viên thỉnh giảng của khoa là những NSND, NSUT, Nhà giáo ưu tú, đạo diễn sân khấu, diễn viên lâu năm tại các nhà hát có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghề. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và sinh viên NCKH/ sáng tác. Hàng năm, khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia biểu diễn tại các liên hoan sân khấu trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa xây dựng *Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội*, để làm rõ các nội dung liên quan đến công tác NCKH trong sinh viên của Trường, đồng thời có đề cập đến loại hình nghiên cứu khoa học đặc thù cho SV Diễn viên Kịch, Điện ảnh.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT, Viện NCSKĐA, P. CTHSSV tham mưu với Nhà trường xây dựng *Quy định về hoạt*

động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (trong đó có tiêu chí cho Khoa Sân khấu), thể hiện được đặc thù của ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh - Truyền hình, có thể quy đổi loại hình NCKH thành các tác phẩm sân khấu như: vai diễn trong một vở kịch hoặc một bộ phim và giải thưởng liên quan đến ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học & HTQT là đơn vị tham mưu giúp Hiệu trưởng thống nhất quản lý, chỉ đạo các hoạt động về NCKH sinh viên. Hàng năm lập kế hoạch về nội dung hoạt động NCKH sinh viên trình Hiệu trưởng duyệt, sau đó thống nhất chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hội đồng KHĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV, đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ giảng viên đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. Ngoài ra Nhà trường cũng đầu tư kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học được chọn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Nhà Trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Giảng viên và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Bên cạnh đó, Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các cán bộ giảng viên của các đơn vị trong đó có khoa Sân khấu kiến nghị **[H11.11.05.01]**

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ **[H11.11.05.02]**. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2022, Nhà trường đang tổ chức xây dựng dự thảo để ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H11.11.05.03]**.

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, trợ lý khoa **[H11.11.05.04]** để báo cáo Ban chủ nhiệm khoa, Hội đồng KHĐT của khoa và các Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi tới

người học về sự cải tiến. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT [H11.11.05.05] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

Bên cạnh đó, Trường và Khoa Sân khấu hàng năm cũng tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng [H11.11.05.06]. Tuy nhiên, hoạt động này chưa được tiến hành thường xuyên, nhất là trong điều kiện dịch bệnh covid-19, các đơn vị nghệ thuật gần như đóng cửa, hạn chế hoạt động.

2. Điểm mạnh

CTĐT và CĐR của CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nhiều hình thức thực chất. Đa đa số các bên liên quan hài lòng về CTĐT và CĐR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được khoa và trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, khoa, ngành mới được thực hiện, chưa tổ chức định kỳ, thường xuyên. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2022, P. KT & ĐBCLGD lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo về “Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan” nhằm đưa hoạt động tìm hiểu mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Khoa Sân khấu lập kế hoạch phối hợp với Phòng Khảo thí và ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Nhìn chung, sinh viên ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Trường cần ban hành *Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội* khuyến khích các em làm NCKH (bằng

hình thức đóng phim, thực hiện vai diễn sân khấu, kịch), đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho sinh viên để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trun g bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 11.1				x				4.0	05	100%
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						

PHẦN III. KẾT LUẬN

Căn cứ vào sứ mạng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (ĐHSK-ĐAHN) là trường đào tạo nhân lực cho ngành sân khấu, điện ảnh lớn nhất khu vực phía Bắc; là một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh bậc đại học và sau đại học duy nhất của cả nước. Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của Trường. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện những kế hoạch, chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ. CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được xem là một trong những chương trình then chốt của Nhà trường. Do đó việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và định kỳ tham gia kiểm định chất lượng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh trong vòng 5 năm qua (2015 - 2020) đã đạt được những thành công, thành tựu đáng kể.

Thứ nhất, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường

thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CĐR ngành Điện ảnh-Kịch, Truyền hình được công bố công khai đến từng sinh viên thông qua trang học tập cá nhân trên hệ thống website của Trường ở mỗi kì học, mỗi năm học.

Thứ hai, các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Điện ảnh-Kịch-Điện ảnh được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình..... Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KH&ĐT khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Thứ ba, CTDH của ngành Điện ảnh-Kịch-Điện ảnh được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Hội đồng KH&ĐT của Khoa Sân khấu đã chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành Điện ảnh-Kịch-Điện ảnh trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Thứ tư, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Điện ảnh-Kịch-Điện ảnh phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu thuật giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học.

Thứ năm, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành Điện ảnh-Kịch-Điện ảnh, khoa Sân khấu được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa Sân khấu luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được

mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Thứ sáu, đội ngũ giảng viên trong ngành Điện ảnh có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ giảng viên của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều giảng viên được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển đại học của Nhà trường. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành Điện ảnh có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt huyết, do vậy, công việc luôn được triển khai và hoàn thành tốt. Ngoài ra, Trường luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Thứ bảy, công việc tuyển sinh được thực hiện một cách công khai, nghiêm túc, vì thế hàng năm ngành Điện ảnh tuyển chọn được nhiều sinh viên có năng lực đạt yêu cầu đầu vào. Bên cạnh đó, người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Thứ tám, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

Thứ chín, công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Điện ảnh được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương nghiên cứu khoa học được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến

chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm Âm thanh, ánh sáng...) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy- học và nghiên cứu khoa học.

Thứ mười, sinh viên ngành Điện ảnh có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT.

Bên cạnh những điểm nổi bật đã nêu trên, CTĐT cử nhân ngành Điện ảnh hình cũng có một số tồn tại sau:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của nhà trường. Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên vẫn chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần đến các bên có liên quan còn đang được thực hiện một cách hạn hẹp, và không chuyên nghiệp. Khoa thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng. CDR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT.

Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập một số học phần còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được tiến hành một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của nhà trường mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học; chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới; Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng trên website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

CDR của một số học phần chưa rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần

cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của chương trình đào tạo.

Thư viện chưa đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV và GV. Nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu.

Với những điểm nổi bật và một số tồn tại đã nêu ra ở trên, kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh được thể hiện thông qua bảng sau:

Phụ lục 6a: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH ĐIỆN VIÊN KỊCH-ĐA-TH

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội**

Mã: 52210234

Tên CTĐT: **Cử nhân Điện viên Kịch-Điện ảnh-Truyền hình**

Mã CTĐT: 52210234

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1				x						
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3					x					
Tiêu chuẩn 2								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
Tiêu chuẩn 4								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
Tiêu chuẩn 5								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 6								4,00	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1				x						
Tiêu chí 6.2				x						
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						
Tiêu chuẩn 7								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
Tiêu chuẩn 8								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								5.00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				x						
Tiêu chí 10.2				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.3				x				4,16	6/6	100 (5/6)
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11								4,00	5/5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						
Đánh giá chung CTĐT								4,17	50/50	100%

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7):

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 01/01 /2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sân Khấu - Điện Ảnh Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi Academy of Theatre and Cinema

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: SKD

Tiếng Anh:

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch.

5. Địa chỉ: Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 84.4.37643397

E-mail: skd@moet.edu.vn Website: www.skda.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1980

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1980

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ) Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khoa Sân khấu

Tiếng Việt: Khoa Sân khấu

Tiếng Anh: Department Drama

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7210234

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Diễn viên Sân khấu, Điện ảnh

Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: P306.A1, Trường ĐH SKĐAHN, Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.

18. Số điện thoại liên hệ: 0437648445; Email: khoasankhau2014@gmail.com
Website:

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1980

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1980

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1984

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Sân Khấu trường ĐH SKĐH HN nguyên là khoa Kịch nói – trường Nghệ thuật Sân khấu VN. Tính từ thời điểm đào tạo của khoa Kịch nói (nay là khoa Sân khấu) từ năm 1959 đến nay, khoa đã đào tạo được nhiều nghệ sĩ danh tiếng, tên tuổi của họ gắn liền với sự nghiệp sân khấu và điện ảnh nước nhà.

Khoa là đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập và sáng tác biểu diễn theo kế hoạch đó được phê duyệt. Quản lý đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất trong phạm vi khoa. Quản lý toàn diện sinh viên đang theo học tại các chuyên ngành do khoa đào tạo. Năm 2018, Khoa đã tiến hành chỉnh sửa đề cương môn học cho 04 chuyên ngành đào tạo; đồng thời tiến hành viết chương trình đào tạo và đề cương các môn học cho Diễn viên Kịch – Điện ảnh tài năng. Năm 2019 và 2020, Khoa tiến hành viết chương trình đào tạo và đề cương các môn học cho Đạo diễn Sân khấu tài năng, Đạo diễn Âm thanh ánh sáng tài năng, Đạo diễn Sự kiện – Lễ hội tài năng.

Các chuyên ngành đào tạo của Khoa gồm có: Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình, Đạo diễn sân khấu, Đạo diễn Âm thanh ánh sáng, Đạo diễn Sự kiện – Lễ hội, Biên kịch sân khấu, Lý luận phê bình sân khấu. Một số chuyên ngành như: Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình, Đạo diễn sân khấu, Đạo diễn Âm thanh ánh sáng thường xuyên được các chuyên gia nước ngoài sang giảng dạy như: chuyên gia Nga, Na Uy, Trung Quốc, Thụy Điển, Nhật Bản, Úc, Áo....

Từ năm 2016 đến nay, số lượng sinh viên trong khoa không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng. Công tác tổ chức các buổi báo cáo vở diễn tốt nghiệp diễn ra tốt đẹp, đạt hiệu quả cao và nhận được nhiều lời khen ngợi từ Ban giám hiệu cũng như Hội đồng chuyên môn của Khoa. Các buổi bảo vệ tốt nghiệp của sinh viên diễn ra nghiêm túc, đúng quy định và đạt kết quả tốt. Đặc biệt, trong năm học 2019 - 2020, sinh viên của khoa sân khấu đã chủ động phối kết hợp các chuyên ngành với nhau để tổ chức tốt nghiệp một cách hiệu quả và tiết kiệm. Một số lớp trong khoa tích cực tham gia các Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp như: Lớp Diễn viên kịch - Điện ảnh K37, K38 tham dự

Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sĩ công an lần 4; Lớp Diễn viên kịch - Điện ảnh K36 và một số sinh viên lớp Đạo diễn sân khấu K36 hệ tại chức tham dự Liên hoan sân khấu thủ đô tháng 9.2020.

- Khoa có 11 giảng viên, trong đó có 2 giảng viên hiện đang là phó trưởng khoa, 09 giảng viên giảng dạy các chuyên ngành của khoa và nhà trường. Nhiều nhà giáo trong khoa đó được danh hiệu cao quý của Nhà nước là Phó giáo sư, Nhà giáo Ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú... như PGS.TS. NGƯT Phan Trọng Thành, NSUT Trần Lực, TS. NGƯT Lê Mạnh Hùng, NSUT Bùi Như Lai. Các giảng viên trong khoa ngoài dạy các lớp chính quy, còn tham gia giảng dạy, hướng dẫn tốt nghiệp, phản biện các lớp tại chức, liên kết, cao học. Bên cạnh đó, các giảng viên thường xuyên tham gia những lớp đào tạo ngắn hạn như phương pháp Suzuki của Nhật Bản (2015, 2016, 2018). Tháng 8/2018 giảng viên Hán Quang Tú và Dương Thị Thanh Huyền được cử đi Nhật học lớp Suzuki. Tháng 10/2018 giảng viên Dương Thị Thanh Huyền đi Hàn Quốc học phương pháp sân khấu Suzuki nâng cao.

- Nhiều giảng viên của khoa sân khấu tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học bằng cách viết bài nghiên cứu, viết chuyên đề hoặc viết công trình nghiên cứu cấp cơ sở.

+ Năm 2016, giảng viên Phan Trọng Thành viết 2 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “*Hình thái xung đột trong kịch Lưu Quang Vũ*” và “*Nghệ thuật xây dựng hành động kịch trong kịch Lưu Quang Vũ*”. Hai công trình này đã được nghiệm thu, đạt loại xuất sắc.

+ Nhiều giảng viên trong khoa tham gia công tác viết đề cương môn học như: Giáo dục thể chất, Múa, cho các lớp Diễn viên Kịch – Điện ảnh; Tiếng nói cho các ngành Đạo diễn Sự kiện Lễ hội, Biên kịch sân khấu cho ngành Biên kịch sân khấu, Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; tham gia chỉnh sửa chương trình đào tạo và đề cương các môn học do khoa quản lý và đào tạo.

+ Từ năm 2016 đến nay, nhiều bài báo của các giảng viên Khoa Sân khấu được đăng trên tạp chí chuyên ngành như: giảng viên Phan Trọng Thành, Cao Thị Phương Dung, Hán Quang Tú, Dương Thị Thanh Huyền, Nguyễn Lan Hương, Nguyễn Hoàng Tùng.v.v...

- Rất nhiều giảng viên trong khoa tham gia các hoạt động nghệ thuật, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và đạt thành tích cao và đạt nhiều giải cao trong các kỳ Liên hoan, Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp. Cụ thể là:

+ Năm 2016, trong Liên hoan Sân khấu Thủ đô lần thứ 2, Giảng viên Trần Lực đoạt giải “Đạo diễn xuất sắc” cho vở “*Quần*”, 01 sinh viên giành HCV, 02 SV giành HCB, vở diễn “*Quần*” giành giải bạc.

+ Năm 2017, Giảng viên Nguyễn Thị Huyền Nga đạo diễn 01 vở nhạc kịch “Carmen” của nhà soạn nhạc Georges Bizet.

+ Tháng 10 năm 2018, một số giảng viên trong khoa tham gia Liên hoan Sân khấu Song ngữ Incheon tại Hàn Quốc với vở diễn “*Tiêu chuẩn của hạnh phúc*” (đạo diễn: PGS.TS.NGƯT Phan Trọng Thành).

+ Tháng 12 năm 2018, nhân dịp chào mừng kỷ niệm 26 năm thiết lập quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, Khoa Sân khấu tổ chức dàn dựng và biểu diễn vở “*Xe ôm*” (đạo diễn: PGS.TS.NGƯT Phan Trọng Thành) được đối tác khen ngợi.

+ Năm 2018, giảng viên Phan Trọng Thành dựng vở “*Mùa hoa sữa*” cho Nhà hát kịch Quân đội và nhận giải Đạo diễn xuất sắc, vở diễn nhận Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu chuyên nghiệp Thủ đô năm 2018.

+ Nhóm Lucteam của giảng viên Trần Lực thường xuyên hoạt động, biểu diễn các vở như “*Cơn ghen của lọ lem*”, “*Quần*”, “*Nữ ca sĩ hời đầu*” tại Nhà hát tuổi trẻ, Trung tâm văn hóa Pháp, rạp Kim Mã và các tỉnh thành khác trong nước.

+ Năm 2020, Vở diễn *Tái sinh* (tác giả: Nguyễn Toàn Thắng, đạo diễn: NSƯT Bùi Như Lai) do tập thể lớp Diễn viên Kịch – Điện ảnh K37, K38 biểu diễn trong Liên hoan sân khấu hình tượng người chiến sĩ công an lần 4 diễn ra vào tháng 7.2020. Vở diễn thành công rực rỡ trong Liên hoan. Kết quả: Vở diễn đạt HCV, giải đạo diễn xuất sắc nhất, 2 HCV cho vai diễn Ông Dương (giảng viên Hán Quang Tú đóng) và Trí Phong (SV Trần Hoàng Nhật đóng); HCB cho các vai diễn Anh Khoa (SV Trần Văn Chiến đóng), Anh Thư (SV Bích Thủy đóng), Nam còi (SV Dương Tùng Nam đóng).

Vở diễn *Những người ở lại* (tác giả: Nguyễn Huy Tường, đạo diễn: NSƯT Lê Thúy Nga) do tập thể lớp Diễn viên Kịch – Điện ảnh K36 biểu diễn trong Liên hoan Sân khấu thủ đô tháng 9.2020. Vở diễn được đánh giá cao và được bằng khen của Ban tổ chức Liên hoan. Kết quả, có 3 sinh viên đạt HCB, đó là: SV Trần Thị Thu Thảo trong vai Lan, SV Lương Đức Thịnh trong vai Sơn và SV Đặng Công Đại trong vai Dương.

Ngoài ra rất nhiều giảng viên trong khoa tham gia đạo diễn Âm thanh ánh sáng cho các chương trình sự kiện, Lễ hội; dàn dựng vở diễn hoặc tham gia vai diễn cho các đơn vị nghệ thuật khác như: giảng viên Bùi Như Lai Nguyễn Hoài Thanh, Trần Lực, Hán Quang Tú, Dương Thị Thanh Huyền, Nguyễn Hoàng Tùng.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục

- PGS.TS.NGND Nguyễn Đình Thi: Hiệu trưởng

- ThS Nguyễn Thị Thanh Quế: Hiệu phó

- ThS Phạm Đắc Thi: Hiệu phó

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

- ThS Bùi Như Lai: Phó trưởng khoa Sân khấu

- ThS Nguyễn Hoài Thanh: Phó trưởng khoa Sân khấu

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2	Phó hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Quế	1967	ThS	0985577500	thanhque2001@gmail.com
3	Phó hiệu trưởng	Phạm Đắc Thi	1970	TS	0912312989	pdthi2012@gmail.com
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Phó trưởng khoa	Nguyễn Hoài Thanh	1975	ThS	0839663333	thanhddsklh@gmail.com
2	Phó trưởng khoa	Bùi Như Lai	1979	ThS	0972562828	buinhulai1979@gmail.com
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2	Chủ tịch công đoàn trường	Hoàng Dạ Vũ	1985	ThS	0983290885	hoangdavu2908@gmail.com
3	Bí thư đoàn thanh niên	Lê Thị Ly Như	1984	ThS	0985875665	lynhu1984@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
1.	Trưởng phòng ĐT QLKH và HTQT	Nguyễn Thị Hồng Hiền	1980	TS	0912798888	nguyenhonghi en0110@gmail.com

2	Trưởng phòng CTHSSV	Trần Tuyết Hồng	1983	ThS	0982387183	tuyethongpdt.s kda@gmail.co m
3	Trưởng phòng Hành chính tổng hợp	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	ThS	0906113599	nguyenhiensk da@gmail.co m
4	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCLGD	Trịnh Thúy Hương	1981	TS	0912804603	trinh.thuyhuon g81@gmail.co m
IV.	Các bộ môn					
1.	Tổ trưởng tổ bộ môn LLPB và Biên kịch sân khấu	Nguyễn Thanh Hoa	1966	ThS	0987388576	hoathanh.nguy en66@gmail.c om
2	Tổ trưởng tổ bộ môn Diễn viên	Trần Lục	1963	NSƯT	0902005969	tranluc@dong apictures.vn
3	Tổ trưởng tổ bộ môn Đạo diễn sân khấu	Phan Trọng Thành	1963	TS. NGƯT	0903414687	trongthanhpha n@yahoo.com
4	Tổ bộ môn Sân khấu đào tạo sau ĐH	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnguyen @hotmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 04/06

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không đào tạo

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không đào tạo

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 04

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không đào tạo.

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

- Ngành Đạo diễn sân khấu văn bằng 2: 01

- Ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình liên thông: 01

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	7	4	11
I.1	Đội ngũ trong biên chế	5	4	9
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	2		2
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	9	6	15
	Tổng số	16	10	26

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư		1				
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ		1			2	
5	Thạc sĩ		7		2	11	
6	Đại học		1			2	
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số		10		2	15	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 11 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 11/11 người

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0		1					3
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2		1			2		1.8
5	Thạc sĩ	1		6		2	11		6.82
6	Đại học	0,3		1			2		0.7
	Tổng			9		2	15		12.32

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	1	9%	x						x
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	1	9%	x				x		
5	Thạc sĩ	7	64%	x	x		x	x	x	
6	Đại học	2	18%	x			x		x	
	Tổng	11	100 %							

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 18%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 64%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	361	26	1/10	34	14	19.8	0
2016-2017	654	33	1/18	24	15	19.7	0
2017-2018	621	40	1/18	31	14.5	19.4	0
2018-2019	650	40	1/18	40	14.5	19.8	0
2019-2020	754	40	1/21	38	18.9	21.8	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây

các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh				1	
2. Học viên cao học	4	1	1	1	0
3. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	150	126	136	160	195
Hệ không chính quy	11	10	37	27	25
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24m ²	24 m ²	20m ²	22m ²	24m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	17m ²	17m ²	15m ²	16m ²	17m ²
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	17m ²	17m ²	15m ²	16m ²	17m ²
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4m ²	4m ²	4m ²	4m ²	4m ²

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa

học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	10/180	7/165	15/170	9/160	10/184
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	5.5%	4.3%	8.82%	5.62%	5.43%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ				1	1
2. Học viên tốt nghiệp cao học	4	1	1	1	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	27	27	17	40	15
Hệ không chính quy	11	10	37	27	24
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	27	27	17	40	15
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	27/34	24/27	17/31	40/40	15/38
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	85%	87%	90%	80%	90%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	97%	100%	100%	100%	100%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).			8,1%	16%	0%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5Tr VNĐ	5,5Tr VNĐ	6tr VNĐ	7tr VNĐ	7,2tr VNĐ
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	90%	91%	88%	95%	89%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	2	1	1	0	2,5
	Tổng		1	2	1	1	0	2,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 2,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 2,5/10

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			
5	20...			

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	4	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	4	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	1	1,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	0	0	1	1,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 1,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,5/10

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	1	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	1	1,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	2	0	0	1	3,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	3	2	3	3	2	6,5
	Tổng							11

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 11

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 11/10

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	1	7
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	1	7

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	0	0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	1	1	1	0,75
	Tổng		0	0	1	1	1	0,75

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,75/10

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong

05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	3
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2015-2016	0
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng	0	0	0	0	0

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
	tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

6. Nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyên gia khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,5/10

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyên gia công nghệ trên cán bộ cơ hữu: ...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,5/10

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 11/10

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu : 0,75/10

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 20.610,8

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 40

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 4000 Nơi học: 11.257 Nơi vui chơi giải trí: 5200

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 28,411

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 17,7

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin
- Thư viện: 650 tựa/ 820 bản sách,

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 229

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 129

- Dùng cho người học học tập: 100

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,35

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 11

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 11/11

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 18%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 64%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) 286

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 26

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 98

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 55

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 45

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 20

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,35

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 17,7

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: Dùng chung thuộc quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Dùng cho 03 Trường Xiếc, Múa và SKĐA)

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan: Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, ...; Kế hoạch TĐG

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
Số: 112 /QĐ-SKĐAHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo Diễn viên kịch - điện ảnh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 06/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 ban hành về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 ban hành về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của ông (bà) Trưởng Khoa Sân khấu; Phòng Khảo thí & ĐBCLGD,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo *Diễn viên kịch - điện ảnh*, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo *Diễn viên kịch - điện ảnh* có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà có tên tại Điều 1, Trưởng các đơn vị phòng, khoa, trung tâm và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD, NTV (25).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO DIỄN VIÊN KỊCH - ĐIỆN ẢNH
 (Kèm theo Quyết định số 112/QĐ-SKĐAHN ngày 18 tháng 01 năm 2018
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS.NGƯT. Nguyễn Đình Thi	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	NCS. NSUT. Trần Văn Hải	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	PGS.TS. NGƯT. Phan Trọng Thành	Trưởng Khoa Sân khấu	Phó Chủ tịch
4.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Quế	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5.	NSND. Trần Thị Minh Hòa	Phó GD Nhà hát Kịch HN	Thành viên
6.	NCS. Nguyễn Thị Hồng Hiền	Phó Trưởng Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
7.	NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ, Đối ngoại	Thành viên
8.	TS. Trịnh Thúy Hương	Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
9.	NCS. Phạm Đắc Thi	Trưởng Phòng CTCT, QLHSSV	Thành viên
10.	NSUT. Trần Lực	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
11.	SV. Lê Minh Quân	Lớp Diễn viên kịch K34B	Thành viên

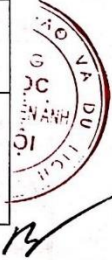
(Danh sách gồm có 11 người).

19/8

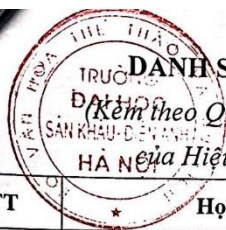
DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 112/QĐ-SKĐAHN ngày 18 tháng 01 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. NGUYỄN. Phan Trọng Thành	Trưởng Khoa Sân khấu	Trưởng Ban Thư ký
2.	ThS. Cao Thị Phương Dung	Giảng viên Khoa Sân khấu	Phó Ban Thư ký
3.	ThS. Dương Thị Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
4.	NCS. Nguyễn Thị Hồng Hiền	Phó Trưởng Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
5.	NSƯT. Trần Lực	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
6.	ThS. Hán Quang Tú	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
7.	TS. Trịnh Thúy Hương	Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên



(Danh sách gồm có 07 người)



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Kèm theo Quyết định số 112/QĐ-SKĐAHN ngày 18 tháng 01 năm 2018

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Phụ trách tiêu chuẩn 1,2,3,4		
1.	PGS.TS.NGUT. Phan Trọng Thành	Trưởng Khoa Sân khấu	Trưởng nhóm
2.	NCS. Nguyễn Thị Hồng Hiền	Phó trưởng Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
3.	ThS. Trần Thị Tuyết Hồng	Phó trưởng Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
4.	Bà Phạm Thị Ngọc Anh	CV Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
5.	ThS. Cao Thị Phương Dung	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
6.	ThS. Hán Quang Tú	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
7.	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
Nhóm 2	Phụ trách tiêu chuẩn 6,7		
1.	NSUT. Trần Lực	Giảng viên Khoa Sân khấu	Trưởng nhóm
2.	NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Phòng TCCB, ĐN	Thành viên
3.	ThS. Nguyễn Thị Huyền Nga	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
4.	Bà Trần Thị Phương Thúy	CV Phòng CTCT, QLHSSV	Thành viên
Nhóm 3	Phụ trách tiêu chuẩn 5,8,11		
1.	NCS. Phạm Đắc Thi	Trưởng Phòng CTCT, QLHSSV	Trưởng nhóm
2.	ThS. Dương Thị Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
3.	Bà Nguyễn Thị Hường	CV Phòng CTCT, QLHSSV	Thành viên
4.	Bà Nguyễn Lan Hương	Giảng viên Khoa Sân khấu	Thành viên
Nhóm 4	Phụ trách tiêu chuẩn 9,10		
1.	TS. Trịnh Thúy Hương	Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Trưởng nhóm
2.	ThS. Trần Nguyên Anh	Phó Trưởng Phòng HC,QT	Thành viên
3.	Bà Nguyễn Thị Vinh	CV Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
4.	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thành viên

(Danh sách gồm có 19 người)

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 06/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trường Phòng Khảo thí & ĐBCLGD.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội gồm các ông/ bà có tên trong danh sách kèm theo. Giúp việc cho Hội đồng có Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội Bộ theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; thay thế Quyết định số 112/QĐ-SKĐAHN ngày 18/01/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo Diễn viên kịch - điện ảnh.

Điều 4. Các ông/bà trưởng các đơn vị trong toàn Trường và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.


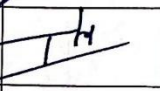
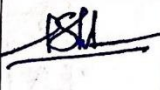
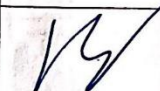
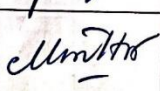

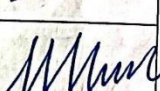
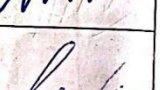
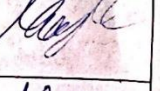
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Khoa Sân khấu, P.KT&ĐBCLGD;
- Website Nhà trường;
- Lưu: VT, NTV (25).



Nguyễn Đình Thi

DANH SÁCH KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH DIỄN VIÊN KỊCH - ĐIỆN ẢNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo quyết định số 705/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1.	Ông Nguyễn Đình Thi	PGS.TS NGND, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Ông Phạm Đắc Thi	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3.	Ông Bùi Như Lai	NSUT, P. Trưởng khoa Sân khấu. Giảng dạy môn Kỹ thuật biểu diễn.	Phó Chủ tịch	
4.	Bà Trịnh Thúy Hương	TS, Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thư ký	
5.	Bà Trần Thị Minh Hòa	NSND. Nguyên PGĐ Nhà hát Kịch VN	Thành viên	
6.	Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS, Trưởng phòng Đào tạo, QLKH& HTQT	Thành viên	
7.	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS, Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
8.	Ông Lê Mạnh Hùng	TS, Nguyên trưởng khoa Sân khấu. Giảng dạy môn Kỹ thuật biểu diễn và môn Tiếng nói	Thành viên	
9.	Bà Hà Phương Anh	SV lớp Diễn viên Kịch - ĐA K38B	Thành viên	

(Danh sách gồm có 09 người).

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Ban hành kèm theo quyết định số 705/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

Số TT	Tiêu chuẩn phụ trách	Số TC	Họ và tên	Chức vụ/ đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT) Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	3+3	Ông Bùi Như Lai	ThS. NSUT, Phó Trưởng khoa Sân khấu	Trưởng nhóm
			Bà Trịnh Thúy Hương	TS, Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Phó trưởng nhóm
			Bà Cao Thị Phương Dung	ThS, giảng viên khoa Sân khấu	Thư ký
			Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS, Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
			Bà Phạm Thị Ngọc Anh	ThS, chuyên viên phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
Nhóm 2	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	3+6	Ông Hán Quang Tú	ThS, giảng viên khoa Sân khấu	Trưởng nhóm
			Bà Trần Thị Tuyết Hồng	ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Phó trưởng nhóm
			Bà Hoàng Dạ Vũ	ThS, Phó Viện trưởng Viện Sân khấu – Điện ảnh	Thành viên
			Bà Nguyễn Thị Chang	ThS, giảng viên khoa Sân khấu	Thành viên
			Bà Hoàng Thị Thúy	CN, chuyên viên phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
Nhóm 3	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	3+5	Bà Cao Thị Phương Dung	ThS, giảng viên Khoa Sân khấu	Trưởng nhóm
			Ông Nguyễn Hoài Thanh	ThS, Phó trưởng khoa Sân khấu	Phó trưởng nhóm
			Ông Nguyễn Hoàng Tùng	CN, giảng viên khoa Sân khấu	Thành viên
			Bà Nguyễn Thị Diệu Thu	ThS, chuyên viên phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
			Bà Nguyễn Thị Hường	CN, chuyên viên phòng Công tác HS/SV	Thành viên

Nhóm 4	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	5+5	Ông Bùi Như Lai	ThS. NSUT, Phó Trưởng khoa Sơn khấu.	Trưởng nhóm
			Bà Dương Thị Thanh Huyền	ThS, giảng viên khoa Sơn khấu	Phó trưởng nhóm
			Bà Nguyễn Lan Hương	ThS, giảng viên khoa Sơn khấu	Thành viên
			Bà Ngô Thị Thắm	ThS, giảng viên phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
			Bà Trần Thị Phương Thúy	CN, chuyên viên phòng Công tác HS/SV	Thành viên
Nhóm 5	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	7+5	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS, Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Trưởng nhóm
			Ông Nguyễn Hồng Sơn	ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Phó trưởng nhóm
			Bà Tạ Thu Phương	CN, chuyên viên bộ phận TCCB, phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
			Bà Nguyễn Thị Phương	CN, chuyên viên bộ phận TCCB, phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
			Ông Nguyễn Đức Anh	ThS, GV bộ phận TCCB, phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
Nhóm 6	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị - Viết Phần mở đầu, phần Kết luận, Phụ lục 7a - Kết nối, biên tập phần Báo cáo - Kết nối, biên tập phần Minh chứng Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	5	Bà Trịnh Thúy Hương	TS, Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Trưởng nhóm
			Ông Trần Nguyên Anh	ThS, Phó trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Phó trưởng nhóm
			Bà Nguyễn T.Quỳnh Phương	CN, Giám đốc Trung tâm thông tin – Thư viện	Thành viên
			Bà Nguyễn Thị Vinh	CN, chuyên viên phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
			Bà Lê Thị Thu Hà	CN, chuyên viên phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên

(Danh sách gồm có 27 người)

Số: 114 /KH-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2018

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

Chương trình đào tạo: Đạo diễn điện ảnh và Diễn viên kịch – điện ảnh

Kính gửi: Trường các đơn vị trong toàn Trường

Triển khai chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2018 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Nhà trường thông báo đến các đơn vị về Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Đạo diễn điện ảnh và Diễn viên kịch – điện ảnh như sau:

1. Mục đích tự đánh giá

- Xác định mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo (CTĐT) **Đạo diễn điện ảnh và Diễn viên kịch – điện ảnh** so với bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Là cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT, đồng thời là căn cứ để giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT; cơ sở cho người học lựa chọn chương trình, nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

- Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách

Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách được thành lập theo các Quyết định số 96/QĐ-SKĐAHN (CTĐT Đạo diễn điện ảnh) ngày 17 tháng 01 năm 2018 và Quyết định số 112/QĐ-SKĐAHN (CTĐT Diễn viên kịch – điện ảnh) ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Nhà trường.

5. Thời gian biểu thực hiện

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 (15/01/2018- 22/01/2018)	<ol style="list-style-type: none">Họp Ban Giám hiệu và lãnh đạo Khoa Nghệ thuật điện ảnh, Khoa Sân khấu để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none">Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 - 4 06/3/2018- 12/3/2018	<ol style="list-style-type: none">Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.Tổ chức họp về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:<ul style="list-style-type: none">Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);

Thời gian	Các hoạt động
	<ul style="list-style-type: none"> • Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 – 8 14/3/2018 – 04/4/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 15 09/4/2018- 21/5/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 21/5/2018- 28/5/2018	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17-18 04/6/2018- 11/6/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các đơn vị liên quan để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 19-21 12/6/2018- 02/7/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các đơn vị liên quan) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 22-23 01/8/2018- 13/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng Nhà trường để xem xét.
Tuần 24 14/8/2018- 21/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD tiến hành thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

- **Trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá:** Hội đồng tự đánh giá CTĐT có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc và triển khai công tác tự đánh giá CTĐT; tham gia phản biện, nghiệm thu và đánh giá mức độ đạt được của báo cáo tự đánh giá CTĐT; tư vấn cho Hiệu trưởng về các biện pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động của CTĐT.

- **Trách nhiệm của Ban thư ký:** Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá.

- **Trách nhiệm của các nhóm công tác chuyên trách:** Tham gia tập huấn tự đánh giá CTĐT; tổ chức thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chí/ tiêu chuẩn theo đúng kế hoạch về thời gian và đảm bảo chất lượng; tham gia bảo vệ tiêu chí/ tiêu chuẩn trước Hội đồng tự đánh giá; thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu theo nội dung phân biện của Hội đồng; đề xuất với Hội đồng tự đánh giá các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

6.2. Trách nhiệm của khoa có chương trình tự đánh giá

- Phổ biến kế hoạch, nội dung công tác tự đánh giá CTĐT tới toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa;
- Đôn đốc, giám sát các thành viên của Khoa tham gia công tác tự đánh giá CTĐT hoàn thành đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng;
- Phối hợp với phòng Khảo thí & ĐBCLGD để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo báo cáo tự đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT và báo cáo kết quả cho Ban Giám hiệu;
- Định kỳ hằng tháng, báo cáo Hiệu trưởng về tiến độ triển khai tự đánh giá CTĐT thông qua phòng Khảo thí & ĐBCLGD.

6.3. Trách nhiệm của phòng Khảo thí & ĐBCLGD

- Giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác tư vấn hoạt động tự đánh giá CTĐT;
- Tư vấn, hướng dẫn các đơn vị trong Trường thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT khi có yêu cầu;
- Đôn đốc, giám sát thực hiện công tác tự đánh giá và báo cáo Hiệu trưởng;
- Phối hợp với Khoa để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT và báo cáo kết quả cải tiến cho Ban Giám hiệu.

6.4. Trách nhiệm của đơn vị phòng chức năng, trung tâm, Viện, Xưởng, Nhà hát và các tổ chức đoàn thể trong Trường

- Phổ biến hoạt động tự đánh giá CTĐT tới toàn thể cán bộ viên chức của đơn vị;
- Phối hợp với Khoa Nghệ thuật điện ảnh, Khoa Sân khấu và phòng Khảo thí & ĐBCLGD trong công tác tự đánh giá CTĐT như: cung cấp thông tin, minh chứng cho các nhóm chuyên trách khi được yêu cầu; biên soạn các văn bản (*kế hoạch, báo cáo, quy định, quy trình, hướng dẫn...*) theo các lĩnh vực được Hiệu trưởng phân công nhằm đáp ứng bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT;
- Triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng được phân công cho đơn vị.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT ngành Đạo diễn điện ảnh và Diễn viên kịch – điện ảnh của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Hiệu trưởng yêu cầu trường các đơn vị trong toàn Trường nghiêm túc triển khai nội dung và tiến hành thực hiện kế hoạch theo thời gian đã quy định./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Đơn vị trong toàn trường (để t/h);
- Hội đồng TĐG theo Quyết định (để t/h);
- Các nhóm công tác theo Quyết định (để t/h);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, NTV (35).



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

**3. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG
(Phụ lục 9).**

Tiêu chí	T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1	1					
Tiêu chí 1.1	1	H1.01.01.01.DC	Các văn bản quy định trong việc xây dựng chương trình đào tạo ngành Điện ảnh	Hồ sơ về việc xây dựng CTĐT ngành DV Kịch ĐATH	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	P. ĐT,QLKH&HT QT
			Luật GDĐH 2018 (Mục tiêu đào tạo con người Việt Nam)	Số 34-2018-QH14 ngày 19/11/2018	Quốc hội nước CHXHCNVN	
			Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học	Số 14/2010/TT-BGDĐT, ngày 27/4/2010	Bộ GD & ĐT	
			Thông tư 07 năm 2015 của BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ GD & ĐT	
	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	Thủ tướng Chính phủ			
	2	H1.01.01.02. DC	Sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	SKĐAHN	Phòng KT &ĐBCLGD
3	H1.01.01.03.DC	Mục tiêu đào tạo chương	Ban hành kèm	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT	

		trình ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình.	theo Quyết định số 1191/QĐ-SKĐAHN, ngày 31/10/2018 vv ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy (Ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình)		QT
		Ma trận các kỹ năng (Trong Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2020).	Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-SKĐAHN, ngày/...../20.....	Khoa Sân khấu SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
4	H1.01.01.04.DC	Mục tiêu đào tạo chương trình Diễn viên Kịch – Điện ảnh - TH trước năm 2018 được thể hiện trong CTĐT.	Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-SKĐAHN, ngày/...../20.....	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
		Quyết định ban hành CTĐT năm 2020	Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-SKĐAHN, ngày/...../20.....	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
5	H1.01.01.05.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020. (Các văn bản về việc xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình).	Biên bản họp Khoa, biên bản giao nhiệm vụ cho các giảng viên thực hiện. Biên bản nghiệm thu đề cương môn học năm 2018; 2020.	Khoa Sân khấu - SKĐAHN	
		Đề cương CTĐT khoa Sân khấu/ Đề cương môn học (trong đó có ngành Diễn viên kịch – điện ảnh).	Năm 2018 Năm 2020	Khoa Sân khấu - SKĐAHN	

			Trang thông tin điện tử của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (đăng tải CTĐT).	Đường link đăng tải CTĐT, đề cương các môn học của khoa Sân khấu.	SKĐAHN	http://skda.edu.vn/
6	H1.01.01.06.DC		Bảng so sánh số đơn vị học trình của các môn học chuyên ngành như Kỹ thuật biểu diễn, Kỹ thuật biểu diễn trước ống kính.	Năm 2015 Năm 2020	Khoa Sân khấu - ĐHSKĐAHN	
			So sánh đề cương môn học Kỹ thuật biểu diễn, Tiếng nói, Hình thể	Năm 2015 Năm 2020	Khoa Sân khấu - ĐHSKĐAHN	
			Công văn lấy ý kiến các bên liên quan về Chương trình đào tạo ngành Điện ảnh Kịch – Điện ảnh – Truyền hình	- Số 809/KH-SKĐAHN ngày 12/12/2017 về việc lấy ý kiến phản hồi về CTĐT, CDR - 127/KH-SKĐAHN ngày 14/03/2017 vv lấy ý kiến phản hồi về CTĐT	Khoa Sân khấu - ĐHSKĐAHN	
7	H1.01.01.07	Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp của các bên liên quan đối với chương trình đào tạo của khoa Sân khấu	Địa điểm, ngày tháng năm tổng hợp ý kiến đóng góp của các bên liên quan đến CTĐT	Khoa Sân khấu - SKĐAHN		
Tiêu chí 1.2	1	H1.01.02.01. DC	Hồ sơ về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CDR.	Năm 2017; Năm 2018; Năm 2020	SKĐAHN	Phòng ĐT,QLKH & HTQT
			Văn bản về việc rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT.	Quyết định số 273/QĐ-SKĐAHN ngày 31/3/2017 vv rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT	SKĐAHN	Phòng ĐT,QLKH & HTQT
			Văn bản về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo.	Quyết định số 134/QĐ-SKĐAHN, ngày 08/04/2014 về việc ban hành chuẩn đầu ra	SKĐAHN	Phòng ĐT,QLKH & HTQT

				các ngành, chuyên ngành đào tạo.		
		Văn bản ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.	Quyết định số 727/QĐ- SKĐAHN, ngày 26/7/2018	SKĐAHN		Phòng ĐT,QLKH & HTQT
		Văn bản ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy (Ngành Điện viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình).	Quyết định số 1191/QĐ- SKĐAHN, ngày 31/10/2018	SKĐAHN		
2	H1.01.02.02.DC	Bản mô tả/ đề cương CTĐT và bản mô tả/ đề cương môn học/ học phần; ma trận các kỹ năng	Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2015; 2017 và 2020.	SKĐAHN		Phòng ĐT,QLKH & HTQT
3	H1.01.01.03.DC	Văn bản ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy (Ngành Điện viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình)	Quyết định số 1191/QĐ- SKĐAHN, ngày 31/10/2018 vv ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy (Ngành Điện viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình)			Dùng chung minh chứng tiêu chí 1.1 (H1.01.01.03)
		Ma trận các kỹ năng (Trong Bản mô tả CTĐT ban hành năm 2020).	Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ- SKĐAHN, ngày/...../20.....	Khoa Sân khẩu SKĐAHN		ĐT,QLKH&HT QT
4	H1.01.02.03	Báo cáo phân tích kết quả học tập của sinh viên	Bảng điểm, xếp loại tốt nghiệp (2015-2021)	Khoa Sân khẩu SKĐAHN		
		Những tác phẩm SV đạt giải trong các cuộc thi	Bảng khen, giấy chứng nhận....(2015- 2021)	Khoa Sân khẩu SKĐAHN		
5	H1.01.02.04	Hồ sơ khảo sát các bên liên quan (Phiếu khảo sát nội dung CTĐT dành cho GV, nhà khoa học, cán bộ quản lý trong lĩnh	Năm ????	Khoa Sân khẩu SKĐAHN		

			vực đào tạo liên quan đến khoa Sân khấu)			
			Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát	Năm ????	Khoa Sân khấu SKĐAHN	
			Danh sách các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV đã tham gia khảo sát	Danh sách được lập năm	Khoa Sân khấu SKĐAHN	
	6	H1.01.02.05	Biên bản tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan về CTĐT.	Biên bản được ghi ngàytháng...năm	Khoa Sân khấu SKĐAHN	
1	1	H1.01.03.01.DC	Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CĐR	Quyết định số 273/QĐ-SKĐAHN ngày 31/3/2017 vv rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
			Hồ sơ rà soát CTĐT năm 2020 (thông báo, kế hoạch, quyết định ban hành CTĐT/bản mô tả CTĐT)	Năm 2020	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
			Thông báo....	Ghi cụ thể số...ngày...tháng...năm ban hành	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
			Kế hoạch...	Ghi cụ thể số...ngày...tháng...năm ban hành	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
			Quyết định.....	Ghi cụ thể số...ngày...tháng...năm ban hành	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
	2	H1.01.03.02.DC	Công văn về việc tổ chức khảo sát các bên liên quan về CTĐT năm 2017; năm 2020.	Công văn số 115/CV - SKĐAHN ngày 09/03/2017 về việc khảo sát nhà tuyển dụng về sinh viên của Nhà trường.	SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
			Danh sách lấy ý kiến phản hồi về CTĐT	Tổng hợp ngày 20/03/2017	Khoa Sân khấu	
			Tổng hợp các ý kiến đóng góp của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao	Tổng hợp ngày .../.../20....	Khoa Sân khấu	

			động về CTĐT			
			Biên bản họp Khoa Sân khấu về kết quả tổng hợp ý kiến của các bên liên quan và tờ trình đề nghị ban hành CTĐT năm 2020.	Biên bản ngày...tháng...năm	Khoa Sân khấu	
	3	H1.01.03.03	Biên bản họp khoa để thông qua Bảng tổng hợp thực trạng nhân lực ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình trên thị trường.	Ngày ..tháng ...năm ...	Khoa Sân khấu	
	4	H1.01.03.04.DC	Văn bản về việc thực hiện đối sánh với CTĐT của 02 trường quốc tế: Đại học Howon - Hàn Quốc và đại học Gloucestershie (Nước Anh)	Ngàythángnăm	Khoa Sân khấu	
	5	H1.01.03.05.DC	Đường link công khai CTĐT năm 2020 của khoa Sân khấu.	website của Trường http://skda.edu.vn/	ĐH SKĐAHN	
			Sổ tay sinh viên	Năm 2020		Phòng CTHSSV
Tiêu chuẩn 2	2					
Tiêu chí 2.1	1	H2.02.01.01.DC	Phiên bản CTĐT Khoa Sân khấu	Năm 2014 Năm 2018 Năm 2020	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
			Hồ sơ về việc điều chỉnh rà soát CTĐT	Thông báo.....; hướng dẫn.....; nghiệm thu ...; Quyết định ban hành CTĐT năm 2014; 2018.	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
			Thông báo, kế hoạch, hướng dẫn rà soát CTĐT	Năm 2020	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
			Văn bản về việc rà soát, cập nhật bổ sung CTĐT	Quyết định số 273/QĐ-SKĐAHN ngày 31/3/2017 vv rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
			Biên bản họp Khoa về việc rà soát CTĐT	Ngày tháng năm	Khoa Sân khấu	

	2	H2.02.01.02. DC	Bản mô tả CTĐT	Quyết định ban hành số...ngày...tháng..năm	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
	3	H2.02.01.03.DC	CTĐT của ngành Điện viên Kịch – Điện ảnh trước và sau điều chỉnh năm 2018	Năm 2018	Khoa Sân khấu	
			Bản so sánh CTĐT phiên bản năm 2018 và năm 2020	Năm 2018 Năm 2020	Khoa Sâ khấu	
	4	H2.02.01.04.DC	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu) Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT	Danh sách lấy ý kiến phản hồi về CTĐT tổng hợp ngày 20/03/2017	Khoa Sân khấu	
Tiêu chí 2.2	1	H2.02.02.01.DC	Chương trình đào tạo ngành Điện viên Kịch – Điện ảnh	Quyết định số 1191/QĐ-SKĐAHN, ngày 31/10/2018 vv ban hành Chương trình đào tạo chi tiết trình độ đại học hệ chính quy (Ngành Điện viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình)	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
	2	H2.02.02.02. DC	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc ngành Điện viên Kịch – Điện ảnh	Năm 2017 - 2019	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
	3	H2.02.02.03.DC	Thành tích đạt được của Khoa Sân khấu năm học 2020-2021 và 2021-2022.	Năm 2020; Năm 2021	Khoa Sân khấu	
Tiêu chí 2.3	1	H2.02.03.01.DC	Thông báo những cập nhật, thay đổi về CTĐT (cụ thể như việc thay đổi tên các môn học Lý luận chính trị); thông báo về các thông tin trong xây	QĐ số 941 QĐ-SKĐAHN ngày 06/09/2019 vv điều chỉnh danh mục các môn học thuộc khối	SKĐAHN	P.ĐT,QLKH&HTQT

		dựng chương trình đào tạo tài năng	kiến thức gd đại cương		
		Thông báo về các thông tin trong xây dựng chương trình đào tạo tài năng	Thông báo số..ngày...tháng...năm	SKĐAHN	
2	H2.02.03.02.DC	Trang face book của Trường, Khoa; Hồ sơ lưu tại bộ phận tuyển sinh -Phòng ĐT, QLKH &HTQT (tờ rơi dùng trong Ngày hội tuyển sinh 2015-2019)	Năm 2015-2019	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
3	H2.02.03.03.DC	Phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (có mục hỏi về việc công bố đề cương môn học/ học phần)	QĐ số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/09/2016 vv tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hđ giảng dạy của gv.	ĐH SKĐAHN	Phòng khảo thí & ĐBCLGD
		Những kết quả khảo sát hàng năm cho thấy SV đánh giá cao về hoạt động này của giảng viên khoa Sân khấu	Năm 2015-2021 KQ khảo sát: 86/TB-SKĐAHN ngày 23/2/2017 - 217/TB-SKĐAHN ngày 14/06/2019	Khoa Sân khấu	
4	H2.02.03.04.DC	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu) Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT	Danh sách lấy ý kiến phản hồi về CTĐT tổng hợp ngày 20/03/2017	Khoa Sân khấu	
5	H2.02.03.05.DC	Thống kê kết quả khảo sát giảng viên, người học về CTĐT	2017 - 2021	Khoa Sân khấu	
6	H2.02.03.06.DC	Báo cáo kết quả khảo sát	2017 - 2021	Khoa Sân	

			nhà tuyển dụng về CLĐT		khẩu	
Tiêu chuẩn 3	3					
Tiêu chí 3.1	1	H3.03.01.01.DC	Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành DVKĐA	Năm 2018, năm 2020	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	
			Chương trình đào tạo ngành DVKĐA	Năm 2015, 2017, 2020	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	
	2	H3.03.01.02. DC	Các văn bản liên quan đến việc xây dựng chương trình dạy học (Biên bản họp khoa, biên bản họp với phòng Đào tạo, QLKH & HTQT)	Năm 2017, năm 2020	SKĐAHN	
	3	H3.03.01.03.DC	Bản tổng hợp góp ý của các bên liên quan về CTDH; Thông báo, thư ngỏ hoặc phiếu khảo sát về việc xin ý kiến góp ý để điều chỉnh, rà soát CTĐT	Ngày ...thángnăm	Trường ĐH SKĐAHN	
	4	H3.03.01.04.DC	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình; ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng	Năm 2015, 2017, 2020	SKĐAHN	
	5	H3.03.01.05.DC	Kế hoạch giảng dạy	2015; 2016; 2017; 2018; 2019; 2020	Khoa Sân khấu; PĐào tạo, QLKH & HTQT	
Tiêu chí 3.2	1	H3.03.02.01.DC	Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành DVKĐA	Năm 2018, năm 2020	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HTQT
			Chương trình đào tạo ngành DVKĐA Bản mô tả Chương trình ĐT	Năm 2015, 2017, 2020	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HTQT
	2	H3.03.02.02. DC	- Bản mô tả môn học/ học phần; Đề cương chi tiết môn học. - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc	Năm 2015, 2017, 2020	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HTQT

			thực hiện CTDH; - Ma trận các kỹ năng.			
	3	H3.03.02.03.DC	- Kết quả học tập của các khóa ngành Điện viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình năm từ 2015- 2020; - Tổng hợp phiếu và ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; - Tổng hợp phản hồi của sinh viên đánh giá về CTĐT trước khi tốt nghiệp.	Ngày ...thángnăm	Trường ĐH SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
					Khoa Sân khấu SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT
Tiêu chí 3.3	1	H3.03.03.01.DC	-Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/ học phần; -Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo nội dung -Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo thời gian	Năm 2015, 2017, 2020	Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HT QT
	2	H3.03.03.02. DC	- Bản mô tả môn học/ học phần; Đề cương chi tiết môn học. - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH; - Ma trận các kỹ năng.	Năm 2015, 2017, 2020	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HT QT
	3	H3.03.03.03	-Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. -Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của	Ngày ...thángnăm	Trường ĐH SKĐAHN	ĐT,QLKH&HT QT

			ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh trước và sau điều chỉnh năm 2018			
	4	H3.03.03.04	Bảng đối sánh CTĐT với các nguồn tham khảo (phương pháp Tadashi Suzuki - môn tiếng nói, hình thể)	Văn bản cụ thể (ghi rõ ngày tháng năm)	Khoa Sân khấu	
Tiêu chuẩn 4	4					
Tiêu chí 4.1	1	H4.04.01.01.DC	Quyết định về việc công bố triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;	Quyết định số 273/QĐ-SKĐAHN Ngày 31/3/2017	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT, QLKH & HTQT
			Văn bản thông báo về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT;	Ngàytháng ...năm	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT, QLKH & HTQT
	2	H4.04.01.02. DC	Bản mô tả môn học/ học phần; Đề cương chi tiết môn học.	Năm 2015, 2017, 2020	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT, QLKH & HTQT
	3	H4.04.01.03.DC	-Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. -Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền trước và sau điều chỉnh năm 2018	Ngày ...thángnăm	Trường ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT

	4	H4.04.01.04	Tổng hợp ý kiến khảo sát của các bên liên quan nhằm xây dựng CTĐT	Ngày tháng năm	Khoa Sân khấu	
	5	H4.04.01.05	Văn bản liên quan đến việc công bố triết lý giáo dục của Trường; CĐR, đề cương chi tiết các môn học ngành điện viên Kịch, điện ảnh – truyền hình	Thông báo số 158 - TB/SKĐAHN ngày 31/3/2017	Khoa Sân khấu	
	6	H4.04.01.06.DC	Hồ sơ giảng viên khoa Sân khấu	Năm 2020; 2021	Khoa Sân khấu	
	7	H4.04.01.07	Sổ tay sinh viên; các tài liệu tuần sinh hoạt công dân; bài phát biểu khai giảng năm học mới của Hiệu trưởng; các văn bản của Đoàn TNCSHCM về việc giới thiệu Nhà trường, Tờ rơi quảng bá về trường trong những ngày hội tuyển sinh...	Năm 2015-2021	Phòng CT HSSV, P.ĐT, QLKH, HTQT	
	8	H4.04.01.08	Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 4.2	1	H4.04.02.01.DC	Các văn bản liên quan đến CTĐT, CĐR, ĐCCTHP	Năm 2015, Năm 2017, Năm 2020 Ngàytháng ...năm	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HTQT

	2	H4.04.02.02. DC	Các minh chứng về điều chỉnh, rà soát, cập nhật CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy.	Năm 2015, Năm 2017, Năm 2020	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HT QT
	3	H4.04.02.03.DC	Sơ đồ bố trí các môn học theo học kỳ		Trường ĐH SKĐAHN Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH&HT QT
	4	H4.04.02.04	Bản mô tả học phần/ môn học. Kế hoạch giảng dạy của giảng viên; sổ tay giảng viên; nhật ký giảng dạy...		Khoa Sân khấu	
	5	H4.04.02.05	Kết quả khảo sát phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Văn bản tổng kê	Khoa Sân khấu, Phòng KT & ĐBCLGD	
	6	H4.04.02.06	Minh chứng được trích từ kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên		Phòng KT & ĐBCLGD	
	7	H4.04.02.07	Thống kê danh sách sinh viên ngành Dẫn viên kịch, điện ảnh – truyền hình đạt được các giải thưởng về Phim, kịch...	Văn bản tổng kê năm 2015- 2021	Khoa Sân khấu,	Phòng CTHSSV
Tiêu chí 4.3	1	H4.04.03.01.DC	Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập, chẳng hạn như: dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp	Các hình ảnh, clip giảng viên và sinh viên thực hành hoạt động nghệ thuật tại hãng phim, các sân khấu chuyên nghiệp.	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HT QT
	2	H4.04.03.02. DC	Các bài báo viết về Đạo diễn Bùi Như Lai – Trưởng khoa SK	Năm 2021	https://cand.com.vn/Tu-lieu-van-hoa/dao-dien-nsut-bui-nhu-lai-luon-lam-moi-	

					chinh-minh-i624940/	
		Các bài báo viết về Đạo diễn Bùi Như Lai – Năm 2021 Trưởng khoa SK			https://baotintuc.vn/doi-song-van-hoa/nsut-bui-nhu-lai-dan-dung-kiet-tac-san-khau-edip-lam-vua-20210416114748063.htm	
		Bài báo viết về vở diễn “Tái sinh”		Năm 2020	https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/tai-sinh-vo-dien-ton-vinh-nguoi-chien-si-cong-an-nhan-dan-557687.html https://thanhnienvn.vn/dao-dien-nhu-lai-dung-vo-moi-tai-sinh-post967530.html	
3	H4.04.03.03.DC	Hoạt động ngoại khóa của Đoàn TNCSHCM		Năm 2015-2020	Trường ĐH SKĐAHN Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH&HTQT
4	H4.04.03.04	Hình ảnh (băng đĩa hình, clip) tư liệu SV khoa Sân khấu học tại Nhà hát thể nhiệm A3.		Năm 2015-2020	Khoa Sân khấu	
5	H4.04.03.05	Danh mục sách, tài liệu tham khảo của ngành đạo diễn điện ảnh được bổ sung qua các năm (2015-2020)		Văn bản thống kê	Khoa Sân khấu	Trung tâm TTTV
6	H4.04.03.06	Tài liệu minh chứng liên quan đến hội thi “Tài năng sinh viên”. Các thông báo phát động cuộc thi, hình ảnh		Năm 2015-2020	Khoa Sân khấu	

			cuộc thi và giải thưởng Tài năng của sinh viên trong khoa.			
	7	H4.04.03.07	Bảng trích lục kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	Phòng KT&ĐBCLGD
	8	H4.04.03.08	Trích số liệu khảo sát việc làm của sinh viên ngành diễn viên kịch điện ảnh – truyền hình; ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về hiệu quả/ chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự học, sáng tạo để làm nghề).	Năm 2015-2021	Phòng CT HSSV	
Tiêu chuẩn 5	5					
Tiêu chí 5.1	1	H5.05.01.01.DC	Các quy định, quy chế về tuyển sinh của ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình. Đề án tuyển sinh riêng. Thông báo tuyển sinh; biên bản họp về tuyển sinh	Năm 2015-2021 Số 139/TB-SKĐAHN ngày 6/4/2021	ĐH SKĐA Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT, QLKH&HT QT
	2	H5.05.01.02. DC	Thông báo tuyển sinh văn bằng 2, vừa làm vừa học, lớp chất lượng cao	TB ngày 19/9/2020 Năm 2015-2021	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT, QLKH&HT QT
	3	H5.05.01.03.DC	Quy chế đào tạo đại học (quy chế 25); Quy định liên quan đến kiểm tra đánh giá;	Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ	Bộ GD&ĐT	ĐT, QLKH&HT QT

				Giáo dục và Đào tạo		
			Quy định khảo thí	Quyết định số		P.KT&ĐBCLGD
	4	H5.05.01.04	Bản mô tả CTĐT/ đề cương chi tiết các môn học/ học phần	TB số 158-TB/SKĐAHN ngày 31/3/2017	Khoa Sân khấu	
	5	H5.05.01.05	Các văn bản hướng dẫn thực tập, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. Văn bản mô tả quy trình thi tốt nghiệp.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐA	
Tiêu chí 5.2	1	H5.05.02.01.DC	- Các quy định về điều kiện thi đầu vào; thi tốt nghiệp của ngành DVKĐA; Quy định của Trường ĐH SKĐA về kiểm tra, đánh giá. - Mô tả quy trình kiểm tra đánh giá của Khoa Sân khấu; - Tiêu chí chấm đối với bài thi thực hành. -Các quy định của Trường về thi trực tuyến	Năm 2015-2021 Năm 2020-2021	ĐH SKĐA Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HT QT
	2	H5.05.02.02. DC	Mẫu phiếu/bản rubrics đánh giá khóa học/môn học, học phần/đề tài/dự án/luận văn, luận án/bài thi cuối kỳ/cuối khóa.	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HT QT
	3	H5.05.02.03.DC	Yêu cầu của mỗi vở diễn đối với diễn viên (Minh chứng có thể là kịch bản, những yêu cầu của đạo diễn...)	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	

			Danh mục các vở diễn tốt nghiệp kèm kịch bản.			
	4	H5.05.02.04.DC	Sổ tay sinh viên; Các biên bản trong hội đồng chấm thi tốt nghiệp.	2015-2021	Khoa Sân khấu	H1.01.03.05.DC
	5	H5.05.02.05	Tổng hợp khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của giảng viên. (Trích thông tin khảo sát về việc giảng viên cung cấp thông tin kiểm tra đánh giá)	Năm 2015-2021	ĐH SKĐA Khoa Sân khấu	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 5.3	1	H5.05.03.01.DC	Các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH SKĐAHN	Năm 2015-2021	SKĐAHN	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HT QT
	2	H5.05.03.02. DC	Biên bản họp Khoa Sân khấu thống nhất về CTĐT, Bản mô tả CTĐT và các vấn đề liên quan đến tổ chức thi/ đánh giá KQHT của người học.			Lưu tại P. ĐT,QLKH&HT QT
	3	H5.05.03.03.DC	Danh mục vở diễn tốt nghiệp Bảng phân vai trong vở diễn tốt nghiệp	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH&HT QT
	4	H5.05.03.04	Đề cương giảng dạy môn hình thể	Phiên bản năm 2015 và năm 2020	Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH&HT QT
	5	H5.05.03.05	Bài thi; đáp án; tiêu chí chấm thi; Danh sách Hội đồng chấm thi tốt nghiệp; hoặc biên bản chấm thi kết thúc học phần/ thi tốt nghiệp.	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH&HT QT

	6	H5.05.03.06	Ngân hàng đề thi tự luận	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	P. Khảo thí & ĐBCLGD
	7	H5.05.03.07	Hồ sơ thẩm định ngân hàng câu hỏi thi/đề thi của khoa Sân khấu	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	P. Khảo thí & ĐBCLGD
	8	H5.05.03.08.DC	Biên bản rà soát điểm thi hết môn; biên bản xét thông qua điều kiện thi tốt nghiệp	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	P. Khảo thí & ĐBCLGD; P.ĐT, QLKH&HTQT
Tiêu chí 5.4	1	H5.05.04.01.DC	Các văn bản về kế hoạch kết thúc học kỳ I, học kỳ II, kế hoạch tổ chức thi, thi lại, học lại; danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi; danh sách sinh viên thi lại/ học lại.	Năm 2015-2021	SKĐAHN Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HTQT
	2	H5.05.04.02. DC	website, fanpage của Khoa/ Trường có thông tin về kết quả kiểm tra/đánh giá;	5/2021	Khoa Sân khấu	Lưu tại P. ĐT,QLKH&HTQT
	3	H5.05.04.03.DC	Sổ tay sinh viên; quy định về công tác khảo thí	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	ĐT,QLKH&HTQT H1.01.03.5.DC; H5.05.01.03.DC
			Các thông báo của Khoa Sân khấu về kế hoạch thi/thi lại.			
	4	H5.05.04.04.DC	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên khoa Sân khấu; Biên bản họp lớp liên quan đến chữa bài tập/ bài thi	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	Khảo thí & ĐBCLGD
	5	H5.05.04.05.DC	Hồ sơ thanh tra công tác đào tạo tại khoa Sân khấu	Năm 2020-2021	ĐH SKĐA	Khảo thí & ĐBCLGD

	6	H5.05.04.06	Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm 2015-2021	SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chí 5.5	1	H5.05.05.01	Hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị trong Trường xây dựng và ban hành Quy định về công tác khảo thí; quy định về công tác khảo thí.	Năm 2020	SKĐAHN Khoa Sân khấu	Lưu tại P. KT&ĐBCLGD [H5.05.01.03.DC]
	2	H5.05.05.02. DC	-Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa; -Biên bản các cuộc đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường; -sổ tay sinh viên		Khoa Sân khấu	Lưu tại P. CTHSSV
	3	H5.05.05.03.DC	<u>Sổ theo dõi việc khiếu nại của SV</u> Sổ tay sinh viên; quy định về công tác khảo thí Các thông báo của Khoa Sân khấu về kế hoạch thi/thi lại.	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	P. Khảo thí & ĐBCLGD H1.01.03.5.DC; H5.05.01.03.DC
	4	H5.05.05.04.DC	Biên bản họp lớp; sổ tay chủ nhiệm	Năm 2015-2021	Khoa Sân khấu	Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chuẩn 6	6					
Tiêu chí 6.1	1	H6.06.01.01	-Quy hoạch phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 và tầm nhìn 2030 (Quyết định số 644/QĐ-SKĐAHN ngày 15/12/2011); Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học	Số ngày tháng ban hành	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu

		<p>Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030 (Tháng 12/2013);</p> <p>-Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020(Qyết định số 84/QĐ- BVHTTDL (09/01/2014);</p> <p>-Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia (QĐ số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015)</p>			
2	H6.06.01.02	<p>Văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc khoa và tương đương thuộc Trường</p>	<p>Quyết định số 747/QĐ – SKĐAHN ngày 5/11/2014</p>	ĐH SKĐAHN	<p>Khoa Sân khấu; Phòng HC, TH (TCCB)</p>
3	H6.06.01.03.DC	<p>Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2012-2015 và 2015-2020.</p>	<p>Năm 2012-2020</p>	ĐH SKĐAHN	<p>Khoa Sân khấu; Phòng HC, TH (TCCB)</p>
4	H6.06.01.04	<p>Các văn bản, thông báo về hoạt động rà soát, bổ sung quy hoạch</p>	<p>Năm 2015-2021</p>	ĐH SKĐAHN	<p>Phòng HC, TH (TCCB)</p>
5	H6.06.01.05	<p>Các văn bản quy định của trường trong công tác bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo và các quy định</p>	<p>Năm 2015-2021</p>	ĐH SKĐAHN	<p>Phòng HC, TH (TCCB)</p>

		về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ quản lý trường, phó các đơn vị trong trường.			
6	H6.06.01.06.DC	Đề án vị trí việc làm của Khoa (trích Đề án vị trí việc làm của Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt)	Thiếu ngày tháng ban hành	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC, TH (TCCB)
7	H6.06.01.07. DC	Phiếu đánh giá phân loại cán bộ, viên chức; Báo cáo đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường đọc trước Hội nghị cán bộ công chức, viên chức; Các văn bản nhận xét, đánh giá về năng lực và hiệu quả trong công việc của các vị trí lãnh đạo các cấp trong trường.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC, TH (TCCB)
8	H6.06.01.08	-Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên của ngành Điện viên Kịch – Điện ảnh – Truyền hình trong 5 năm (2015-2020), trong đó trích Thống kê các thông báo, danh sách các cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm từ 2015 đến nay; trích Thống kê danh sách các cán bộ, giảng viên được tham gia tập huấn về chuyên môn ở nước ngoài.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC, TH (TCCB)
9	H6.06.01.09	-Biên bản tổng hợp các cuộc họp bình xét thi đua trong toàn trường (2015-2020) (Trích	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC, TH (TCCB)

			thông tin của các giảng viên khoa Sân khấu - ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh-Truyền hình); -Trích thông tin hồ sơ về chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội			
	10	H6.06.01.10	Danh mục bằng ngoại ngữ, chứng chỉ học tập tại nước ngoài của giảng viên giảng dạy ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh-Truyền hình	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC, TH (TCCB)
	11	H6.06.01.11	Chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định	Số ngày tháng ban hàng văn bản	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu; Phòng HC, TH (TCCB)
Tiêu chí 6.2	1	H06.06.02.01	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên khoa Sân khấu	Tháng 5 năm 2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu;
	2	H06.06.02.02	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên bộ môn diễn viên Kịch-Điện ảnh khoa Sân khấu	Tháng 5 năm 2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	3	H06.06.02.03	Danh sách giảng viên thỉnh giảng khoa Sân khấu - ngành Kịch-Điện ảnh (2015-2020)	Tháng 5 năm 2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	4	H06.06.02.04	Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư 24/2015/TT-BGD&ĐT ngày 23/9/2015 quy định chuẩn quốc gia với cơ sở giáo dục đại học	BGD&ĐT	

5	H06.06.02.05	Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư số 32/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/12/2015 quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học	BGDĐT	
6	H06.06.02.06	- Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT - QĐ.../QĐ-SKĐAHN ngày/... của ĐHSKĐAHN ban hành quy định về chế độ làm việc của GV	Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc với giảng viên	- BGDĐT - BGDĐT	Phòng HC,TH (TCCB)
7	H06.06.02.07	Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT	Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học		
8	H06.06.02.08	Hồ sơ thi đua khen thưởng		ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
9	H06.06.02.09	biên bản giao, nhận nhiệm vụ cho giảng viên của Khoa đầu mỗi năm học (2015-2020)	Các Biên bản trong Khoa	Khoa Sân khấu	
10	H06.06.02.10	Danh sách tăng lương/danh sách thi đua (2015-2020)	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
11	H06.06.02.11.DC	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TV)
12	H06.06.02.12	danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, giải	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)

			thường của giảng viên khoa Sân khấu			
	13	H06.06.02.13.DC	Hồ sơ phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (giảng viên khoa Sân khấu)			
	14	H06.06.02.14.DC	Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học SKĐA HN	Quyết định số 985/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2021 ban hành Quy định hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng	ĐH SKĐAHN	Phòng CTHSSV
Tiêu chí 6.3	1	H6.06.03.01	Những văn bản quy định cụ thể về tiêu chí tuyển giảng viên (trích thông báo tuyển giảng viên)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC, TH (TCCB)
	2	H6.06.03.02	Thông báo tuyển GV (website....)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC, TH (TCCB)
	3	H6.06.03.03	Các quy định tuyển dụng trước 2018	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC, TH (TCCB)
	4	H6.06.03.04	Đề án tự tuyển dụng của Trường	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC, TH (TCCB)
	5	H6.06.03.05	Hồ sơ giảng viên/ hợp đồng giảng dạy	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC, TH (TCCB)
	6	H6.06.03.06	Quyết định thành lập hội đồng sát hạch giảng viên (hội đồng dự giờ giảng)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC, TH (TCCB)
	7	H6.06.03.07	Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn tập sự	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC, TH (TCCB)

	8	H6.06.03.08	Danh sách giảng viên thỉnh giảng cho khoa Sân khấu (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	9	H6.06.03.09	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
Tiêu chí 6.4	1	H6.06.04.01	Hồ sơ lý lịch giảng viên; hồ sơ năng lực giảng viên.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	2	H6.06.04.02	Các văn bản thông báo về tổ chức cho giảng viên tham gia hoạt động sáng tác; Các minh chứng từ giảng viên được tham gia các hoạt động sáng tác.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	3	H6.06.04.03	Danh sách giảng viên khoa Sân khấu tham dự các hoạt động nghệ thuật được nhà trường đề cử	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	4	H6.06.04.04	Thống kê các giải thưởng mà GV Khoa Sân khấu đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	5	H6.06.04.05	Đề án vị trí việc làm của Trường ĐH SKĐA HN; Văn bản về năng lực giảng dạy của GV khoa Sân khấu.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB) H6.06.01.06.DC
	6	H6.06.04.06	- Quy định về khối lượng công việc đối với GV; - Văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức	Quyết định số 733/QĐ-SKĐA HN, ngày 21/8/2015	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	7	H6.06.04.07	Quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)

	8	H6.06.04.08	Phiếu lấy ý kiến góp ý và biên bản thống kê các ý kiến GV đóng góp để hoàn thiện văn bản về thi đua; đánh giá phân loại CCVC trước khi ban hành văn bản.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	9	H6.06.04.09	thông báo, hướng dẫn về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên qua các năm (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	10	H6.06.04.10	Trích báo cáo tổng kết thi đua, khen thưởng hàng năm (Kết quả đánh giá giảng viên khoa Sân khấu) (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	11	H6.06.04.11	Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có khoa Sân khấu) tại hội nghị CCVC hàng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB) H06.06.02.12.D C
	12	H6.06.04.12	- Thống kê kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (trích lục đối với khoa Sân khấu); - Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo của Trường.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng KT&ĐBCLGD [H06.06.02.13.D C],
Tiêu chí 6.5	1	H6.06.05.01	Các văn bản liên quan đến việc cử giảng viên đi học tập, bồi dưỡng, hội thảo...(quyết định cử đi học); Quyết định hỗ trợ học phí; các văn bản về kinh	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)

			phí hỗ trợ các hoạt động học tập cho GV.			
	2	H6.06.05.02	- Thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài; Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội	Giai đoạn 2015-2021 Quyết định số 678/QĐ-SKĐAHN ngày 23/6/2020	ĐH SKĐAHN	Bộ phận hợp tác quốc tế
	3	H6.06.05.03	- Quy chế chi tiêu nội bộ; - Danh sách giảng viên khoa Sân khấu được nhận hỗ trợ đào tạo.(văn bản ký nhận tiền).	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TV H06.06.02.11.D C
	4	H6.06.05.04	Thông tin do Khoa Sân khấu cung cấp: về tọa đàm, hội thảo, tham gia BGK các Liên hoan Sân khấu – Điện ảnh - Truyền hình, tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và Quốc tế	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
Tiêu chí 6.6	1	H6.06.06.01	- Đề án vị trí việc làm (căn cứ Luật viên chức năm 2010)/ bản mô tả vị trí công việc của Khoa Sân khấu. - Kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV khoa Sân khấu.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC, TH (TCCB) H6.06.01.06.DC
	2	H6.06.06.02	- Minh chứng về: phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra công tác tổ chức dự giờ; kế hoạch giảng dạy của GV	Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV (Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN,	ĐH SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD) Phòng ĐT, QLKH & HTQT)

		<ul style="list-style-type: none"> - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020). - Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa Sân khấu). 	<p>ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV</p>		
3	H6.06.06.03	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên khoa Sân khấu	Năm 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng KT&ĐBCLGD
4	H6.06.06.04	Các biên bản họp bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau tại Khoa Sân khấu	Năm 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
5	H6.06.06.05	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế thi đua khen thưởng của Trường - Văn bản quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn. 	Năm 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
6	H6.06.06.06	<p>Danh sách kết quả bình xét thi đua (các năm từ 2015 đến 2020)</p> <p>Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có khoa Sân khấu) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen</p>	Năm 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)

			thường gửi cho Bộ VHTTDL (2015-2020).			
	7	H6.06.06.07.DC	Báo cáo thanh tra nhân dân	2015-2021	ĐH SKĐA HN	
Tiêu chí 6.7	1	H6.06.07.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐH SKĐA HN; Các thông báo triển khai kế hoạch KHCN hằng năm của Trường (thông báo, biểu mẫu.... để các giảng viên đăng ký đề tài nghiên cứu)	(Quyết định số 747/QĐ- SKĐA HN ngày 05/11/2014).	ĐH SKĐA HN (Phòng TCCB) Viện SKĐA	
	2	H6.06.07.02	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐH SKĐA HN	(Quyết định số 198/QĐ- SKĐA HN ngày 14/3/2017).	ĐH SKĐA HN (Viện SKĐA)	
	3	H6.06.07.03	- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020) - Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa Sân khấu) Kết quả đánh giá, phân loại giảng viên	Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV (Quyết định số 733/QĐ- SKĐA HN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV	ĐH SKĐA HN (P.KT & ĐBCLGD) (Phòng ĐT, QLKH & HTQT)	
	4	H6.06.07.04	Kết luận tiêu chí 7.3 trong Báo cáo đánh giá ngoài	Trung tâm KĐCLGD - ĐH QGHN (Công văn số 202		

			Danh mục giải thưởng của GV khoa Sân khấu (2015-2020) (Khoa tổng hợp)	/KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN)		
	5	H6.06.07.05	Quy định tạm thời về hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1054/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	Viện SKĐA	
	6	H6.06.07.06	Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1055/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	ĐHSKĐAHN (Viện SKĐA)	
	7	H6.06.07.07	Quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương NCKH cấp Trường và các Quyết định Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).	Viện SKĐA	
	8	H6.06.07.08	Danh mục công trình NCKH của giảng viên khoa Sân khấu được ứng dụng trong đào tạo.	Năm 2015-2021		
Tiêu chuẩn 7						
Tiêu chí 7.1	1	H6.06.07.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN; Các thông báo triển khai kế hoạch KHCN hàng năm của Trường (thông báo, biểu mẫu....để các giảng viên đăng ký đề tài nghiên cứu)	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).	ĐHSKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB) Viện SKĐA

	2	H6.06.07.02	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN	(Quyết định số 198/QĐ-SKĐAHN ngày 14/3/2017).	ĐHSKĐAHN	Viện SKĐA
	3	H6.06.07.03	<p>- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014;</p> <p>- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020)</p> <p>- Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa Sân khấu)</p> <p>Kết quả đánh giá, phân loại giảng viên</p>	<p>Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV (Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV</p>	ĐHSKĐAHN	<p>P.KT &ĐBCLGD</p> <p>Phòng ĐT, QLKH& HTQT</p>
	4	H6.06.07.04	<p>Kết luận tiêu chí 7.3 trong Báo cáo đánh giá ngoài</p> <p>Danh mục giải thưởng của GV khoa Sân khấu (2015-2020)</p>	<p>Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN (Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN)</p>	ĐHSKĐAHN	<p>P.KT &ĐBCLGD</p> <p>Khoa Sân khấu</p>
	5	H6.06.07.05	Quy định tạm thời về hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1054/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	ĐHSKĐAHN	Viện SKĐA
	6	H6.06.07.06	Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức	Quyết định số 1055/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	ĐHSKĐAHN	Viện SKĐA

		trong NCKH của Trường ĐHSKĐAHN			
7	H6.06.07.07	Quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương NCKH cấp Trường và các Quyết định Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).	ĐHSKĐAHN	Viện SKĐA
8	H6.06.07.08	Danh mục công trình NCKH của giảng viên khoa Sân khấu được ứng dụng trong đào tạo.	Năm 2015-2021	ĐHSKĐAHN	Khoa Sân khấu
7					
1	H07.07.01.01	Những văn bản về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên trước 2018 (2015-2018) và sau năm 2018 (2018-2020).	Văn bản thống kê 2015-2021	ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
2	H07.07.01.02	Danh sách, bản mô tả công việc của nhân viên, hồ sơ lý lịch của đội ngũ nhân viên	Văn bản thống kê 2015-2021	ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
3	H07.07.01.03	Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ);	Số ngày tháng ban hành	ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
4	H07.07.01.04	-Đề án vị trí việc làm; -Bản mô tả vị trí việc làm của các đơn vị, cá nhân liên quan đến khoa Sân khấu	Quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm	ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB) H6.06.01.06.DC
5	H07.07.01.05	Minh chứng về việc phân công nhân viên (các phòng chức năng)	Năm 2016-2021	ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)

			trực tiếp hỗ trợ Khoa Sân khấu			
6	H07.07.01.06		Hệ thống các văn bản của Trường về Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015.	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
7	H07.07.01.07		Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014; Phiên bản năm 2021.	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
8	H07.07.01.08.D C		- Quy chế chi tiêu nội bộ; - Danh sách nhận tiền hỗ trợ đào tạo của Trường. - Chứng từ, hoá đơn chi trả tiền học, tiền bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên.	Quyết định phòng Tài vụ: Phiên bản các năm từ 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	H06.06.02.11.D C Lưu Bộ phận Tài vụ
9	H07.07.01.09		Minh chứng về việc chuyển đổi ngạch viên chức. Danh sách đội ngũ nhân viên từ năm 2015-2021	Quyết định phòng HCTH (số ngày tháng ban hành) – Liệt kê từng quyết định...	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
10	H07.07.01.10		Minh chứng hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ (các Quyết định cử đi học tập, tập huấn,	Quyết định phòng HCTH (số ngày tháng ban hành) – Liệt kê từng quyết định...	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB) H07.07.01.08.D C

			bồi dưỡng, hỗ trợ học phí....)			
	11	H07.07.01.11	Danh sách cán bộ được phân công làm trợ lý Khoa Sân khấu (2015-2021)	Quyết định phòng HCTH (số ngày tháng ban hành) – Liệt kê từng quyết định...	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
	12	H07.07.01.12.D C	Kết quả bình xét thi đua khối phòng chức năng (2015-2021); Văn bản thống kê	Biên bản, văn bản Quyết định phòng HCTH (số ngày tháng ban hành) – Liệt kê từng quyết định... (số ngày tháng thống kê)	ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
Tiêu chí 7.2	1	H07.07.02.01	Các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm (2015-2021)	Văn bản, biên bản, quyết định (liệt kê đầy đủ số ngày tháng ban hành)	Bộ VHTTDL; SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
	2	H07.07.02.02	Hồ sơ của đội ngũ nhân viên (năm 2015-2021)	Quyết định số 1015/QĐ-SKĐA HN ngày 09/9/2016	Đại học SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
	3	H07.07.02.03	Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên kênh thông tin đại chúng hoặc web của Trường (2015-2021).	Văn bản thông báo số ngày tháng ban hành hoặc link để đăng nhập trên Website của Trường.	Đại học SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)
	4	H07.07.02.04	-Quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn;	Văn bản ban hành (số ngày	Đại học SKĐA HN	Phòng HCTH (TCCB)

			- Hồ sơ của đội ngũ nhân viên, các hợp đồng lao động; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển.	tháng ban hành).		
	5	H07.07.02.05	Các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính)	Văn bản thống kê (liệt kê tên các văn bản có số ngày tháng ban hành).	BỘ VHTTDL; ĐH SKĐAHN.	Phòng HCTH (TCCB)
	6	H07.07.02.06	Quyết định bổ nhiệm, điều chuyển đối với NV.	Biên bản, quyết định điều chuyển (số ngày tháng ban hành)	BỘ VHTTDL; ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
Tiêu chí 7.3	1	H07.07.03.01	Quy chế thi đua của Trường từ năm 2015-2021.	Liệt kê các phiên bản của quy chế này từ năm 2015-2021 (ghi đầy đủ số ngày tháng ban hành).	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	2	H07.07.03.02	Các bản đăng ký thi đua hàng năm của đội ngũ nhân viên.	Văn bản thống kê các năm từ 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	3	H07.07.03.03	Báo cáo thành tích của đội ngũ nhân viên (hồ sơ xét thi đua, khen thưởng).	Văn bản thống kê các năm từ 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	4	H07.07.03.04	Kết quả thi đua hàng năm (hồ sơ thi đua).	Biên bản họp thi đua các năm từ 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	5	H07.07.03.05	Minh chứng về việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị mỗi lần ban hành mới quy chế thi đua, khen thưởng (thông báo lấy ý kiến góp ý cho dự thảo	Văn bản thông báo lấy ý kiến (giai đoạn từ năm 2015-2021).	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)

			quy chế, phiếu góp ý của các đơn vị).			
	6	H07.07.03.06	Hồ sơ thi đua, danh sách đạt danh hiệu thi đua hàng năm của đội ngũ nhân viên.	Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	7	H07.07.03.07	- Minh chứng về việc “Đội ngũ trợ lý Khoa Sản khẩu được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí”. - Danh sách nhận tiền SK từ năm 2015-2021 về việc được đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, hoặc tiền thưởng thi đua hàng năm.	Biên bản họp trợ lý thường niên từ năm 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB) P. ĐT QLKH&HTQT.
Tiêu chí 7.4	1	H07.07.04.01	Thông báo tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	Văn bản thông báo (Liệt kê các văn bản và ngày tháng ban hành) Từ năm 2015-2021	Bộ VHTTDL; Bộ GD &ĐT; ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	2	H07.07.04.02	Danh mục các khóa học, đào tạo, tập huấn và danh sách đội ngũ nhân viên của Trường tham gia học tập.	Văn bản thông báo (Liệt kê các văn bản và ngày tháng ban hành) Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	3	H07.07.04.03	Quyết định cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tập huấn và minh chứng về chi trả kinh phí của Trường	Các quyết định cử đi học chính trị, tập huấn công đoàn, tập huấn về công tác đảm bảo	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)

				chất lượng giáo dục, kiểm định, thanh tra, đào tạo, tài chính, thư viên....		
	4	H07.07.04.04	Minh chứng về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.	Quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng nước ngoài	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	5	H07.07.04.05	Sơ yếu lý lịch viên chức hàng năm (phiếu bổ sung thông tin); các giấy chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành sau khóa học.	Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	6	H07.07.04.06	- Minh chứng về việc phân bổ ngân sách đào tạo cho đội ngũ nhân viên; - Báo cáo thu chi tài chính trong hội nghị CCVC		ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	7	H07.07.04.07	Danh sách đội ngũ nhân viên được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ hoặc được nâng ngạch chuyên viên (2015-2021).	Văn bản thống kê từ năm 2015-2021	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
Tiêu chí 7.5	1	H07.07.05.01	Bản mô tả vị trí công việc của các phòng chức năng và trung tâm.	Văn bản ghi rõ ngày tháng ban hành (các phiên bản từ năm 2015-2021)	Các Phòng chức năng và trung tâm thuộc ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB) H6.06.01.06.DC
	2	H07.07.05.02	Quy chế thi đua khen thưởng từ năm 2015-2021	Ngày thành ban hành văn bản???	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB) H07.07.03.01.D C
	3	H07.07.05.03	Biên bản phân công công việc của nhân viên (lưu tại đơn vị)	Văn bản thống kê từ năm 2015-2021.	Các Phòng chức năng và trung tâm	P. HCTH (TCCB)

					thuộc ĐH SKĐAHN	
4	H07.07.05.04	Nhận xét của trưởng phòng/ giám đốc trung tâm/ biên bản họp bình xét thi đua tại mỗi đơn vị cho từng cá nhân	Hồ sơ lưu từ năm 2015-2021.		Các Phòng chức năng và trung tâm thuộc ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
5	H07.07.05.05	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường (2015-2020)	Biên bản từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN		P.HCTH (TCCB)
6	H07.07.05.06	Quy trình, biểu mẫu bình xét danh hiệu thi đua	Văn bản hướng dẫn các phiên bản từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN		P.HCTH (TCCB)
7	H07.07.05.07	Danh sách nhân viên được nhận các danh hiệu thi đua hằng năm và được tăng lương trước niên hạn (2015-2021)	Văn bản thống kê từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN		P.HCTH (TCCB)
8	H07.07.05.08	Thông báo lấy ý kiến đóng góp cho Quy chế thi đua khen thưởng; Biên bản tổng hợp góp ý cho dự thảo quy chế thi đua trước khi ban hành.	Văn bản từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN		H6.06.04.08.DC
9	H07.07.05.09	Báo cáo thanh tra nhân dân hằng năm (2015-2021)	Báo cáo từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN		H6.06.06.07.DC
		Danh sách nhân viên được khen thưởng và công nhận đột xuất và hằng năm (nêu rõ lý do).	Danh sách nhân viên được khen thưởng khi tham gia cùng khoa SK tổ chức các vở diễn đạt giải.	ĐH SKĐAHN		

Tiêu chuẩn 8	8					
Tiêu chí 8.1	1	H08.08.01.01.D C	Liệt kê tên văn bản là quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường	139/TB-SKĐAHN ngày 6/4/2021	ĐH SKĐA	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu
	2	H08.08.01.02	Thông báo tuyển sinh ngành diễn viên kịch điện ảnh	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Sân khấu
	3	H08.08.01.03.D C	http://skda.edu.vn. Thông tin (băng đĩa, hình ảnh trong Ngày hội tuyển sinh - thường tổ chức đầu năm ở Đại học Bách khoa HN).	Hình ảnh, các video clip phục vụ TS các năm từ 2015-2019.	ĐH SKĐAHN	Trung tâm TTTV
	4	H08.08.01.04.D C	Các thông báo/ kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của Trường/ Khoa/ Facebook của Trường.	Biên bản họp ban tư vấn tuyển sinh từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT;
	5	H08.08.01.05	Thông tin minh chứng về lớp giải đáp thắc mắc (2015-2020)	Thông báo mở lớp, các hình ảnh về lớp giải đáp (2015-2021)	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Công đoàn Trường.
	6	H08.08.01.06	Minh chứng về việc đưa thông tin tuyển sinh về các địa phương; đón học sinh THPT đến thăm quan trải nghiệm tại Trường	Hình ảnh, văn bản thông báo (2015-2019).	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Website
	7	H08.08.01.07.D C	Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác tuyển	Biên bản họp sau TS	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT;

			sinh hằng năm (2015-2021)			
Tiêu chí 8.2	1	H08.08.02.01	Văn bản quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo các năm (2015-2020)	Liệt kê quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (Số ngày tháng ban hành) từ năm 2015-2021.	Bộ GD &ĐT	P.ĐTQLKH&HTQT
	2	H08.08.02.02.D C	Đề án tuyển sinh của Trường ĐH SKĐAHN	Số ngày tháng ban hành	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT
	3	H08.08.02.03	Danh sách HĐTS, các Ban phục vụ TS, Ban TTr (2015-2020) Liệt kê	Số ngày tháng ban hành	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT
	4	H08.08.02.04	Tài liệu; biên bản tập huấn tuyển sinh hằng năm	Số ngày tháng ban hành	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT
	5	H08.08.02.05	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh (sau khi tuyển sinh và công bố kết quả trúng tuyển)	Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT
	6	H08.08.02.06.D C	website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (http://skda.edu.vn/); facebook của Trường/ Khoa SK	http://skda.edu.vn/	ĐH SKĐAHN	Ban Quản trị Website Trường
	7	H08.08.02.07	Hồ sơ của Ban Thanh tra tuyển sinh (2015-2020)	Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Lưu phòng Khảo thí và ĐBCLGD
Tiêu chí 8.3	1	H08.08.03.01	Quy chế 25 - quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy	Quyết định 25/2006/QĐ-BGDĐT ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và	Bộ GD &ĐT	H5.05.01.03.DC

				Đào tạo ban hành		
2	H08.08.03.02	Các văn bản quy định đào tạo riêng của Trường ĐHSKĐAHN; Liệt kê các văn bản quy định đào tạo của trường (phiên bản các năm từ 2015-2021).	Liệt kê số ngày tháng ban hàng tương đương cột tên minh chứng	ĐHSKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT	
3	H08.08.03.03	Tập hợp các quy định do phòng CT HSSV tham mưu HT ban hành.	Liệt kê văn bản (số ngày tháng ban hành) từ năm 2015-2021	ĐHSKĐAHN	P.CTHSSV	
4	H08.08.03.04	Quy chế về công tác học sinh sinh viên	Phiên bản các năm từ 2015-2021	Bộ GD &ĐT ĐHSKĐAHN	P.CTHSSV	
5	H08.08.03.05	Minh chứng về đội kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập (2015-2020) gồm các thông báo về chấn chỉnh nề nếp, các biên bản cuộc họp về kiểm tra nề nếp giảng đường;	Thông báo, văn bản thống kê, kiểm tra (ngày tháng năm ban hành)	ĐHSKĐAHN	P.CTHSSV	
6	H08.08.03.06.D C	Báo cáo nhanh tình hình học tập giảng dạy được công bố trong cuộc họp giao ban hàng tháng. Kết luận các cuộc họp giao ban hàng tháng	Biên bản họp CTHSSV	ĐHSKĐAHN	P.CTHSSV	
7	H08.08.03.07	Minh chứng về việc tổ chức đội kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập.	Năm 2015-2021	ĐHSKĐAHN	P.CTHSSV	
8	H08.08.03.08	Thời khóa biểu các năm học (2015-2020) - của khoa Sân khấu	Văn bản thống kê năm 2015-2021	ĐHSKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT	
9	H08.08.03.09	Email trao đổi giữa giảng viên các khoa với	Email, hình ảnh, văn bản	ĐHSKĐAHN		

			Khoa Sân khấu (2015-2020)			
	11	H08.08.03.10.D C	Sổ tay sinh viên; Minh chứng về tuần giáo dục công dân; kết luận trong các cuộc họp giao ban của Hiệu trưởng Nhà trường với các đơn vị.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
	12	H08.08.03.11.D C	Minh chứng về Hội nghị đối thoại với sinh viên hằng năm (2015-2020)	Biên bản thông báo, biên bản họp	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
	13	H08.08.03.13	Các đề xuất của Khoa sân khấu được Nhà trường giải quyết	Năm 2015-2021	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
	14	H08.08.03.14	Điểm thi lưu trữ tại Phòng ĐT, QLKH & HTQT	Năm 2015-2021	ĐH SKĐA HN	P. ĐT QLKH & HTQT
	15	H08.08.03.15	Biên bản ghi nhớ kiểm tra điểm thi	Năm 2015-2021	ĐH SKĐA HN	P. KT & ĐBCLGD
	16	H08.08.03.16	Biên bản xét học bổng, xét danh hiệu, cảnh báo học vụ, xét điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp....	Biên bản (ghi rõ ngày tháng năm ghi biên bản).	ĐH SKĐA HN	P. CT HSSV
Tiêu chí 8.4	1	H08.08.04.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Quyết định số 747/QĐ-SKĐA HN ngày 05/11/2014; Các phiên bản từ 2014-2021	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)
	2	H08.08.04.02	Minh chứng từ các báo cáo công tác Đoàn TNCSHCM (2015-2020); sổ ghi chép của giáo viên chủ nhiệm;	Năm 2015-2021	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TCCB)

		quyết định bổ nhiệm trợ lý Khoa Sân khấu.			
3	H08.08.04.03	Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm, phân công cán bộ lớp	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
4	H08.08.04.04	Các minh chứng về việc tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	H08.08.03.10.D C
5	H08.08.04.05	Sổ tay sinh viên	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	H5.05.02.04.DC
6	H08.08.04.06	Hình ảnh, minh chứng về việc tổ chức đón tiếp sinh viên đầu khóa của Khoa Sân khấu	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Trung tâm TTTV; Khoa Sân khấu.
7	H08.08.04.07	Minh chứng về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho SV	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV
8	H08.08.04.08		Năm 2015-2021		P.CTHSSV
9	H08.08.04.09	báo cáo hằng năm về tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (2015-2020); báo cáo ba công khai.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV
10	H08.08.04.10	Minh chứng cho việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. CTHSSV; K. Sân khấu; Đoàn TNCSHCM.
11	H08.08.04.11.D C	Minh chứng về việc sinh viên được giải thưởng về các tác phẩm kịch, điện ảnh, truyền hình.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV; Khoa Sân khấu; Đoàn TNCSHCM.
12	H08.08.04.12.D C	Danh sách SV lớp tài năng; hồ sơ xét học lớp tài năng.	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT QLKH&HTQT

	13	H08.08.04.13	Danh sách các đơn vị ký kết hợp tác với Trường ĐH SKĐAHN	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT QLKH&HTQT; Khoa Sân khấu.
	14	H08.08.04.14	Các chương trình, kế hoạch của Đoàn TNCSHCM	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Đoàn TNCSHCM
Tiêu chí 8.5	1	H08.08.05.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ của P. Hành chính, tổng hợp)	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	2	H08.08.05.02	Hợp đồng ký kết giữa Nhà trường với công ty vệ sinh Hoàn Mỹ	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	3	H08.08.05.03	Hình ảnh, khung cảnh khu Nhà A,B,C trường đại học SKĐAHN	Hình ảnh Nhà trường	ĐH SKĐAHN	TTTTTV, Ban Quản trị Website.
	4	H08.08.05.04	Thông tin, sơ đồ của Khu ký túc xá, khu thể chất thuộc Bộ VH TTDL	Năm 2015-2021	Bộ VH TTDL	P. HCTH (TCCB)
	5	H08.08.05.05	Các cuộc thi do Đoàn TNCSHCM tổ chức (2015-2020), minh chứng: ví dụ các hoạt động kỷ niệm thành lập trường, 26-3...	Văn bản, hình ảnh từ 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Đoàn TNCSHCM
	6	H08.08.05.06	Các hình ảnh chụp về Nhà trường, băng hình ghi lại khung cảnh của Trường, các hoạt động của Trường nhân những dịp đặc biệt (thành lập trường, 20-11, 26-3)	Văn bản, hình ảnh từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	TTTTTV
	7	H08.08.05.07	Thông tin về cán bộ phòng y tế	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	8	H08.08.05.08	Minh chứng về việc khám sức khỏe và tham gia bảo hiểm y tế của SV Minh chứng về công tác	- Kế hoạch số 328/KH-SKĐAHN ngày 4/9/2019 v/v tổ chức khám sức	P.CTHSSV	P. HCTH (TCCB)

		phòng chống dịch Covid; sốt xuất huyết.	khỏe cho SV K39 - Thông báo số 501 TB/-SKĐAHN ngày 16/12/2019 V/v đóng bảo hiểm y tế HSSV năm 2020		
9	H08.08.05.09	Sổ tay sinh viên	2020 ban hành	P.CTHSSV	H5.05.02.04.DC
10	H08.08.05.10	Biên bản kiểm tra an toàn học đường, an toàn vệ sinh thực phẩm.	Chỉ thị 6036/CT-BGDĐT	Đại học SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
11	H08.08.05.11	Minh chứng về các hoạt động phòng chống dịch sốt xuất huyết, dịch bệnh Covid 19.	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKĐAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
12	H08.08.05.12	Sơ đồ thiết bị/ phương án trong công tác phòng cháy, chữa cháy. Minh chứng về việc tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy	Thông báo số 21 /TB-SKĐAHN ngày 14/4/2017 v/v cử người đi tập huấn phong cháy chữa cháy năm 2017		P. HCTH (TCCB)
13	H08.08.05.13	Minh chứng về thể, về quy định ứng xử học đường, các bảng nội quy....	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/05/2016 v/v thực hiện nề	Đại học SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)

				nếp giảng đường		
Tiêu chuẩn 9	9					
Tiêu chí 9.1	1	H09.09.01.01.D C	Công khai cơ sở vật chất hàng năm (Báo cáo Ba công khai) Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Báo cáo (liệt kê báo cáo từ năm 2015-2021) Sơ đồ từ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P. HCTH
	2	H09.09.01.02	Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị...; sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng... Sơ đồ thiết bị phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng phó khẩn cấp	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	3	H09.09.01.03	Văn bản, minh chứng cho thấy Trường được sử dụng Khu khu thể chất, khu ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý.	Văn bản số ngày tháng năm??	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	4	H09.09.01.04	Quy chế hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ)	Quyết định số 747/QĐ- SKĐAHN ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	5	H09.09.01.05	Thông báo về việc bổ sung thiết bị cơ sở vật chất. Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.	Thông báo số 159/TB-HCQT ngày 9/4/2018 V/v Bổ sung thiết bị cơ sở vật chất	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	6	H09.09.01.06	Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất (Đề án xây dựng Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thành trường ĐH trọng điểm quốc gia) - Kế hoạch xây dựng Nhà B	Số ngày tháng ban hành	Đại học SKĐAHN	P.HCTH; P.ĐT QLKH & HTQT

	7	H09.09.01.07	Báo cáo tài chính năm học (Trong Hội nghị cán bộ CCVC hằng năm).	Báo cáo	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	8	H09.09.01.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN	Đại học SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD
Tiêu chí 9.2	1	H09.09.02.01	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (2010-2015) (tiêu chí 9.2)		Đại học SKĐAHN	P.KT&ĐBCLGD
	2	H09.09.02.02	Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học.	Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	3	H09.09.02.03	Sơ đồ bí trí thư viện.	Hình ảnh	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	4	H09.09.02.04	Minh chứng về việc bổ sung tài liệu, sách báo hằng năm	Văn bản	Đại học SKĐAHN	TTTTTV; bộ phận tài vụ (P.HCTH)
	5	H09.09.02.05	Đề cương chi tiết môn học/ học phần	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	[H2.02.02.02.DC] [H2.02.01.02.DC]
	6	H09.09.02.06	Minh chứng về tư liệu số hóa thư viện điện tử (bài giảng các chuyên gia)	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	7	H09.09.02.07	Cơ sở dữ liệu của Trung tâm thông tin thư viện	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	8	H09.09.02.08	Thống kê sách, tài liệu của ngành điện viên Kịch-Điện ảnh	Tài liệu thống kê	Đại học SKĐAHN	TTTTTV

	9	H09.09.02.09	Thống kê sách, tài liệu của ngành viễn thông Kịch-Điện ảnh-Truyền hình (Tài liệu lưu tại Khoa Sân khấu)	Tài liệu thống kê	Khoa Sân khấu	TTTTTV
	10	H09.09.02.10	Thông báo của TTTTTV về bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo.(Các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện như: sách báo, tạp chí, tài liệu....)	Văn bản thông báo	ĐH SKĐA HN	TTTTTV
	11	H09.09.02.11	Minh chứng về việc khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện (phiếu khảo sát, quy trình xử lý dữ liệu...)	Phiếu khảo sát, thăm dò	ĐH SKĐA HN	TTTTTV
	12	H09.09.02.12	Minh chứng về việc học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ của cán bộ TTTTTV.		Đại học SKĐA HN	TTTTTV
Tiêu chí 9.3	1	H09.09.03.01	Sơ đồ phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành sk-đa	Năm 2015-2021	Đại học SKĐA HN	H09.09.01.01.D C
	2	H09.09.03.02	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Năm 2015-2021	Đại học SKĐA HN	P.HCTH
	3	H09.09.03.03	Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thực hành phục vụ đào tạo và NCKH	Tài liệu thống kê Năm 2015-2021	Đại học SKĐA HN	P.HCTH
	4	H09.09.03.04	Danh sách các phòng thực hành mà Khoa Sân khấu sử dụng. Thống kê danh mục trang thiết bị trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng	Tài liệu thống kê Năm 2015-2021	Đại học SKĐA HN	P.HCTH

			chiếu phim, phòng in tráng phim			
5	H09.09.03.05		Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành	Quyết định số 656/QĐ-SKĐAHN ngày 19/4/2020 V/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của nhà trường	Đại học SKĐAHN	P,HCTH
6	H09.09.03.06		Minh chứng về việc Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ (biên bản, thông báo, quy định về việc giảng dạy và học tập trong các phòng thực hành)	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
7	H09.09.03.07		Nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành (ảnh chụp các bảng nội quy được dán tại các phòng thực hành).	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
8	H09.09.03.08		Quy chế tổ chức hoạt động (P. HCTH - Bộ phận HCQT) Quy định về quản lý và khai thác trang thiết bị thực hành. (cung cấp số, ngày tháng ban hành QĐ) Kế hoạch công tác tháng của bộ phận HCQT (trong đó có các kế hoạch về duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị phòng thực hành).	Quyết định số 656/QĐ-SKĐAHN ngày 19/4/2020 V/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của nhà trường	Đại học SKĐAHN	P.HCTH

			Nhật ký sử dụng trang thiết bị phòng thực hành			
	9	H09.09.03.09	Kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất; Các phiếu đề xuất mua sắm trang thiết bị của Khoa Sân khấu (2015-2020);	Thông báo số 159/TB-HCQT ngày 9/4/2018 V/v Bổ sung thiết bị cơ sở vật chất	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	10	H09.09.03.10	Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành...)	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	11	H09.09.03.11	Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	12	H09.09.03.12	Danh sách các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình; Danh mục thiết bị mua sắm cho khoa Sân khấu	Tài liệu thống kê năm 2015-2021		P.HCTH
	13	H09.09.03.13	Dữ liệu phản hồi của NH và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị	Phiếu khảo sát năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	
	14	H09.09.03.14	Minh chứng cho việc cập nhật trang thiết bị	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
Tiêu chí 9.4	1	H09.09.04.01	Thống kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử	Tài liệu thống kê từ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	2	H09.09.04.02	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH SKĐAHN (2017- tiêu chí 9.4)	Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất	Đại học SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD

				lượng giáo dục- ĐHQGHN		
3	H09.09.04.03	Tổng hợp các biên bản kiểm kê tài sản từ năm 2015-2020.	Thông báo số 482/TB-SKĐAHN ngày 03/12/2019 V/v Kiểm kê tài sản. Quyết định số 1183/QĐ-SKĐAHN ngày 01/10/2020 V/v thành lập Ban Kiểm kê tài sản năm 2020	Đại học SKĐAHN	P.HCTH	
4	H09.09.04.04	Thư viện điện tử; Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử	Sổ theo dõi	Đại học SKĐAHN	TTTTTV	
5	H09.09.04.05	Ban biên tập website; Phân công nhiệm vụ Quyết định thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử. Văn bản phân công bộ phận/người phụ trách hệ thống CNTT; Quy chế hoạt động của Trường Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng	QĐ số 962/QĐ – SKDA ngày 16/9/2019 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử	Đại học SKĐAHN	P.HCTH	
6	H09.09.04.06	Văn bản liên quan đến: kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ	Văn bản	Đại học SKĐAHN	P.HCTH	

			thống công nghệ thông tin trong toàn trường			
	7	H09.09.04.07	Nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn	Văn bản	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	8	H09.09.04.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐH QGHN; Báo cáo tài chính (2015-2020) dành cho Danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm, ... được cập nhật hằng năm (2015-2020).	Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	9	H09.09.04.09	Minh chứng việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên	- Thông báo số 198/TB-SKĐAHN ngày 12/4/2017 - Thông báo số 153/TB-SKĐAHN ngày 19/5/2020	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	10	H09.09.04.10	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐHSKĐAHN (đề đăng ký kiểm định và được đánh giá ngoài năm 2017)	Báo cáo năm 2017	Đại học SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD
	11	H09.09.04.11	Kết quả tốt nghiệp năm 2020 ngành diễn viên Kịch-Điện ảnh		ĐHSKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT
Tiêu chí 9.5	1	H09.09.05.01	Liệt kê các văn bản của Nhà nước chỉ đạo công tác này, Nhà trường đang thực hiện như: - Quy định về môi trường đực an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. - Quy định về việc tăng cường thực hiện phòng	- Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ - Chi thị 6036/CT-BGDĐT	Chính phủ; Bộ GD&ĐT.	

		chống tác hại thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành giáo dục			
2	H09.09.05.02	Hình ảnh chụp các cảnh quan của Trường	Ảnh 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH; Khoa Nhiếp ảnh
3	H09.09.05.03	Sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành.	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
4	H09.09.05.04	Hợp đồng với Công ty vệ sinh Hoàn mỹ	Năm 2015-2021	ĐHSKĐAHN	P.HCTH
5	H09.09.05.05	Minh chứng: Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường.	Báo cáo năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
6	H09.09.05.06	Các thông báo phun thuốc muỗi, thuốc sát khuẩn thời kỳ chống dịch covid 19. Thông báo phòng chống dịch và triển khai học trực tuyến thời kỳ dịch bệnh.	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKĐAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
7	H09.09.05.07	Thông báo khám sức khỏe cho cán bộ Trường (2015-2020)	- Thông báo số 522/TB-SKĐAHN ngày 5/12/2018 ; Số 497/TB-SKĐAHN ngày 13/12/2019 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
8	H09.09.05.08	Minh chứng khám sức khỏe cho sinh viên năm nhất và bảo hiểm y tế cho sinh viên.	- Kế hoạch số 328/KH-SKĐAHN ngày 4/9/2019 v/v tổ chức khám sức khỏe cho SV K39	P.CTHSSV	P.HCTH

				- Thông báo số 501 TB/- SKĐAHN ngày 16/12/2019 V/v đóng bảo hiểm y tế HSSV năm 2020		
9	H09.09.05.09	Thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước.		Thông báo số 18 và 20/TB-SKĐAHN ngày 17/1/2020	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
10	H09.09.05.10	Minh chứng về Hội thảo văn hoá ứng xử....		Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/05/2016 v/v thực hiện nề nếp giảng đường	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
11	H09.09.05.11	Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ		Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH
12	H09.09.05.12	Phương án phòng chống cháy nổ		Thông báo số 21 /TB-SKĐAHN ngày 14/4/2017 v/v cử người đi tập huấn phong cháy chữa cháy năm 2017		P.HCTH
13	H09.09.05.13	Quy chế tổ chức hoạt động		Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	
14	H09.09.05.14	-Hệ thống camera Minh chứng về: - Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng -Dữ liệu về tập huấn/điễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình		Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH

			huống về môi trường, sức khỏe và an toàn hằng năm -Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,...			
	15	H09.09.05.15	Các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/05/2016 v/v thực hiện nề nếp giảng đường	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
Tiêu chuẩn 10	10					
Tiêu chí 10.1	1	H10.10.01.01	Minh chứng về: năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các khoa/ trung tâm đào tạo	Thông báo Số 273/QĐ-SKĐAHN, ngày 31/3/2017 về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT	ĐH SKĐAHN	P. ĐT QLKH&HTQT
	2	H10.10.01.02	Văn bản giao nhiệm vụ/quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH (trích thông tin từ Kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp giao ban – Có phần nói về việc chuẩn bị cho CTĐT tài năng). Minh chứng việc tổ chức hội thảo chương trình đào tạo tài năng của Khoa Sân khấu	Giấy mời dự Hội thảo KH CTĐT tài năng DV Kịch, ĐA-TH vào chiều 14h00, thứ 3, ngày 15/10/2019 tại phòng họp giao ban tầng 2 nhà A1	ĐH SKĐAHN	K. Sân khấu + Viện SK ĐA
	3	H10.10.01.03	Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp	Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của	Bộ GD &ĐT	P.ĐTQLKH & HTQT

		<p>đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.</p> <p>Các văn bản của Trường ĐH SKĐA HN về vấn đề này</p>	<p>Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành</p>		
4	H10.10.01.04	<p>Danh sách các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) được thiết lập từ khi chuẩn bị cho công tác KĐCLGD (năm 2017).</p>	<p>Danh sách (Ngày tháng lập danh sách)</p>	<p>Đại học SKĐAHN</p>	<p>Khoa Sân khấu</p>
5	H10.10.01.05	<p>-Biên bản giao nhiệm vụ của Khoa trong việc thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT.</p> <p>biên bản họp cấp Khoa, Tổ giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan</p> <p>-Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và người sử dụng lao động để xây dựng và phát triển CTDH</p>	<p>Biên bản (Ngày tháng ghi biên bản)</p>	<p>ĐH SKĐAHN</p>	<p>Khoa Sân khấu</p>
6	H10.10.01.06	<p>Thông báo/ kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học/ Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học</p>	<p>Quy định số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2016 V/v lấy ý kiến phản hồi từ người</p>	<p>ĐH SKĐAHN</p>	<p>P. KTĐBCLGD</p>

				học về hoạt động giảng dạy của GV. Thông báo số 217/TB-SKĐAHN ngày 14/6/2019 về kết quả phân hội ý kiến người học		
	7	H10.10.01.07	Hồ sơ kiểm tra công tác đào tạo tại Khoa Sân khấu.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. KT &ĐBCLGD
Tiêu chí 10.2	1	H10.10.02.01	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;	thông tư 07/2015/2017/T-T-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ GD &ĐT	P. ĐT QLKH & HTQT
	2	H10.10.02.02	Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT: Ban hành kế hoạch, Quyết định thành lập HĐ, (liệt kê toàn bộ các hoạt động của P. ĐT QLKH & HTQT về vấn đề này) Mô tả chi tiết về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT đảm bảo chất lượng đào tạo.(P. ĐT QLKH & HTQT vẽ sơ đồ này dựa trên những việc đã làm để hoàn thành công tác rà soát,	Năm 2015-2021		P. ĐT QLKH & HTQT

		điều chỉnh CTĐT năm 2019)			
3	H10.10.02.03	Minh chứng về quá trình Khoa Sân khấu rà soát điều chỉnh CTĐT (năm 2019) (các biên bản họp về vấn đề này, tổng kết vấn đề)	Biên bản họp ghi rõ ngày tháng năm		Khoa Sân khấu
4	H10.10.02.04	Bảng đối sánh những nội dung chính đã cập nhật trong CTDH qua các năm (2015, 2019)		Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
5	H10.10.02.05	Các văn bản mẫu phiếu đề cương chi tiết do phòng đào tạo thiết kế	Văn bản ghi rõ ngày tháng năm	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
6	H10.10.02.06	Khoa thống kê các nội dung điều chỉnh CTĐT ngành Diễn viên Kịch, ĐA-TH (trích lại biên bản do thư ký ghi chép trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định)	Biên bản họp năm 2015-2019	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
7	H10.10.02.07	Thông báo lấy ý kiến góp ý CTĐT đã được điều chỉnh, tổng hợp ý kiến đóng góp từ các đơn vị toàn Trường, Quyết định ban hành CTĐT năm 2019. Hồ sơ: Các minh chứng lấy từ cuộc họp của hội đồng thẩm định (phải được ghi thành biên bản chi tiết); trong đó có ý kiến nhận xét của các phản biện (có bản nhận xét kèm theo); kết quả kiểm phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo) và kết luận của Hội đồng thẩm định cấp trường, có chữ ký của các thành viên hội đồng.	Năm 2019	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu

Tiêu chí 10.3	1	H10.10.03.01	“Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021	Đại học SKĐAHN	P.KT&ĐBCLGD
	2	H10.10.03.02	Thông báo của P. KT &ĐBCLGD về việc tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi		Đại học SKĐAHN	P.KT &ĐBCLGD
	3	H10.10.03.03	Minh chứng: Khoa Sân khấu cũng đề ra quy trình đánh giá học phần	???	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	4	H10.10.03.04	Mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì	Mẫu phiếu đánh giá học phần Mẫu bài tiểu luận	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	5	H10.10.03.05	Đề cương chi tiết học phần	Đề cương	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	6	H10.10.03.06	Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Diễn viên Kịch-Điện ảnh-Truyền hình đều được lấy ý kiến		Đại học SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD
	7	H10.10.03.07	Hồ sơ kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa Sân khấu	Thông báo số 380/TB-SKĐAHN ngày 14/10/2019 V/v kiểm tra hoạt động tổ chức đào tạo tại khoa/TT HKI (2019-2020)		P.KT & ĐBCLGD

	8	H10.10.03.08	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên	Kế hoạch năm 2015-2021		Khoa Sân khấu
	9	H10.10.03.09	Sổ ghi đầu bài	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.ĐTQLKH & HTQT.
Tiêu chí 10.4	1	H10.10.04.01	Văn bản Sứ mạng, tầm nhìn của Trường	Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 Về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	ĐH SKĐA	P.KT &ĐBCLGD
	2	H10.10.04.02	Các hoạt động nghề nghiệp cụ thể: Liệt kê các giải thưởng nghề nghiệp, HCV, HCB, bằng khen trong Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp	Văn bản thống kê	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	3	H10.10.04.03	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV Khoa Sân khấu	Văn bản thống kê	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	4	H10.10.04.04	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của SV Khoa Sân khấu	Danh sách	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	5	H10.10.04.05	Liệt kê các bài viết liên quan đến tác phẩm được giải thưởng (trong đó có sự góp mặt của GV Khoa Sân khấu)	Văn bản thống kê	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	6	H10.10.04.06	Liệt kê các bài viết, các vai diễn của Giảng viên trong khoa	Văn bản thống kê		Khoa Sân khấu

	7	H10.10.04.07	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên	Quyết định số 1015/QĐ-SKĐAHN ngày 09/9/2016	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	8	H10.10.04.08	Danh sách tên Hội nghị, hội thảo của Trường tổ chức - Các hội nghị, hội thảo, v.v để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH.	Danh sách (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	9	H10.10.04.09	Liệt kê các bài viết trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác về các tác phẩm đạt giải có sự góp mặt của GV khoa Sân khấu.	Văn bản thống kê (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	10	H10.10.04.10	Danh sách chuyên gia, hợp đồng giảng dạy các giảng viên thỉnh giảng đến làm việc tại Trường (2015-2021).	Danh sách (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	11	H10.10.04.11	Liệt kê sách, giáo trình phục vụ học tập do GV Khoa Sân khấu thực hiện.	Văn bản thống kê (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
Tiêu chí 10.5	1	H10.10.05.01	Kế hoạch công tác tháng và kết luận của Hiệu trưởng tại các cuộc họp giao ban hằng tháng (2015-2020)	Kết luận giao ban từ năm 2015-2020	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	2	H10.10.05.02	Biên bản các cuộc họp: cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường	Năm 2020-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu, Phòng Công tác HSSV
	3	H10.10.05.03	- Sổ theo dõi CSVC thường xuyên - Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	4	H10.10.05.04	Báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ,	Báo cáo tại Hội nghị công chức,	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TV)

			công chức, viên chức (các năm từ 2015-2020)	viên chức từ năm 15-2020		
	5	H10.10.05.05	Giấy đề nghị mua sắm sửa chữa của các khoa, các phòng	Giấy đề nghị	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	6	H10.10.05.06	-Thông báo về việc bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá - Mẫu phiếu khảo sát	Số 365/TB-SKĐAHN ngày 12/10/2015	ĐH SKĐAHN	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD
	7	H10.10.05.07	Đề xuất của Khoa Sân khấu hoặc cung cấp bài tập tốt nghiệp (đồ án tốt nghiệp) cho Thư viện	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	8	H10.10.05.08	Chính sách xã hội hoá (trích nội dung họp giao ban về vấn đề lắp điều hoà khu nhà C)	Năm 2019	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
	9	H10.10.05.09	Bản quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 276/QĐ-SKĐAHN ngày 08/4/2019 V/v thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Nhà trường	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
	10	H10.10.05.10	Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.	Năm 2015	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
Tiêu chí 10.6	1	H10.10.06.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 538/QĐ BVHTTDL Hà Nội ngày 06/3/2014	BVHTTDL	P.HCTH
	2	H10.10.06.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp

			học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Nội ngày 05/11/2014		
	3	H10.10.06.03	Hệ thống minh chứng về công việc của Phòng KT & ĐBCLGD (báo cáo tổng kết công tác hằng năm từ 2015-2020).	Báo cáo công tác từ 2015-2020	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD	
	4	H10.10.06.04	- Quy định/Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và tổng hợp phiếu phản hồi. - Các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan	Quyết định số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2016	Đại học SKĐAHN	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD
	5	H10.10.06.05	Các mẫu phiếu đánh giá cuối năm (dùng cho công tác thi đua khen thưởng)	Quy chế Thi đua, khen thưởng của Trường (Quyết định số 266/QĐ-SKĐAHN ngày 17/3/2020)	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
	6	H10.10.06.06	Kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp giao ban hằng tháng.	Kết luận giao ban hàng tháng từ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
Tiêu chuẩn 11	11					
Tiêu chí 11.1	1	H11.11.01.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ của P. CTHSSV)	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	2	H11.11.01.02	Sổ GV chủ nhiệm, các báo cáo của Khoa Sân khấu về P. Đào tạo, QLKH & HTQT...	Sổ tay GVCN năm 2015-2021	ĐHSKĐAHN	Khoa Sân khấu

3	H11.11.01.03	Hệ thống biên bản xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật...	Biên bản từ năm 2015-2021	Đại học SKĐA HN	P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
4	H11.11.01.04	Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CT HSSV		Đại học SKĐA HN	P.CTHSSV
5	H11.11.01.05	Minh chứng xét điều kiện TN, và tổng kết điểm để làm căn cứ giám sát quá trình học của SV (SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CT HSSV của Nhà trường).	Quyết định số 1208/QĐ-SKĐA HN, Hà Nội ngày 08/10/2020 v/v công nhận đủ điều kiện TN cho lớp DV Kịch, ĐA-TH K36	Đại học SKĐA HN	P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
6	H11.11.01.06	Liệt kê tên các quy định của Bộ GD &ĐT; của Trường về công tác đào tạo, QLHSSV	Quyết định số 11111/QĐ-SKĐA HN, Hà Nội ngày 17/10/2018 v/v ban hành Quy định công tác đào tạo ĐH theo hình thức chính quy của Trường ĐH SKĐA HN	Đại học SKĐA HN	P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
7	H11.11.01.07	Thống kê thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây (2015-2020)	Năm 2015-2021	Đại học SKĐA HN	P.CTHSSV
8	H11.11.01.08	Hồ sơ, quyết định cho thôi học, bảo lưu...	Năm 2015-2021	Đại học SKĐA HN	P.CTHSSV
9	H11.11.01.09	Minh chứng về triển khai hệ thống học tập trực tuyến do dịch Covid 19	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKĐA HN ngày 12/3/2020 113/TB-SKĐA HN ngày 26/3/2020	Đại học SKĐA HN	P.CTHSSV

				Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng		
	10	H11.11.01.10	Minh chứng về việc kiểm tra nề nếp giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên (Thông báo, biểu mẫu thống kê...)	Thông báo số 294/TN-SKĐAHN ngày 19/8/2019 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
Tiêu chí 11.2	1	H11.11.02.01	Quy trình đề 1 SV Khoa Sân khấu được công nhận tốt nghiệp.	Văn bản ghi rõ ngày tháng năm	Đại học SKĐAHN	P.ĐT QLKH & HTQT mô tả
	2	H11.11.02.02	Biên bản họp lớp, Đơn xin hoãn thi tốt nghiệp của sinh viên	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	3	H11.11.02.03	Bảng 11.1 (tiêu chí 11.1) Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ thôi học của SV ngành DVK-ĐA-TH từ khóa tuyển sinh 2012 đến 2016. (cột 5)	Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2020.	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
	4	H11.11.02.04	Biên bản họp xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, hồ sơ xin bảo lưu của SV Sân khấu (2015-2020).	Biên bản từ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV,
	5	H11.11.02.05	Thông báo lùi lịch bảo vệ TN dự kiến do dịch bệnh covid 19. Hoặc các lý do khác....	Thông báo số ngày tháng năm ban hành	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
	6	H11.11.02.06	Quy định về việc học riêng hoặc quy định về bảo lưu....	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 Trường ĐHSKĐAHN	Đại học SKĐAHN	P.ĐT QLKH & HTQT
Tiêu chí 11.3	1	H11.11.03.01	Công văn của Bộ giáo dục và Đào	https://thuvienphapluat.vn/cong-van/giao-	BGDĐT	P. CTHSSV

			<p>tạo về Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp</p> <p>Công văn 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp</p>	<p>http://www.drobox.com/duc/cong-van-2919-bgddt-gddh-2017-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep-355820.aspx</p>		
	2	H11.11.03.02	<p>Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2017</p>	<p>http://skda.edu.vn/2017/12/19/tong-hop-ket-qua-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2017/</p>	Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
	3	H11.11.03.03	<p>Minh chứng về việc khảo sát tỷ lệ có việc làm của ngành DVK-ĐA</p>	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	Khoa SK/ P. CTHSSV
	4	H11.11.03.04	<p>Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH SKĐAHN</p>	Năm 2017	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
Tiêu chí 11.4	1	H11.11.04.01	<p>Thông tư 22 Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.</p>	<p>Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>	BGDĐT	P. CTHSSV
	2	H11.11.04.02	<p>Quy định Về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>- Thông tư số 19/ 2012/ TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)</p> <p>- Quyết định số 198/QĐ-</p>	<p>- Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>- Đại học SKĐAHN</p>	P. CTHSSV

				SKĐAHN ngày 14/3/2017 về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học		
	3	H11.11.04.03	Số liệu bổ sung tài liệu cho thư viện	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	4	H11.11.04.04	Danh mục các giải thưởng do SV chuyên ngành Diễn viên Kịch – Điện ảnh, khoa Sân khấu đạt được.	Văn bản thống kê năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
	5	H11.11.04.05	Các quy định về khen thưởng học sinh sinh viên	Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 5/4/2016	Bộ trưởng Bộ Giáo dục đào tạo	
	6	H11.11.04.06	Hoạt động tổ chức cuộc thi tài năng sinh viên	Thông báo năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Sân khấu
Tiêu chí 11.5	1	H11.11.05.01	Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt	Giấy triệu tập Hội nghị cán bộ công chức viên chức 8h30 thứ 5 ngày 16/01/2020 MC các năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P. HCTH
	2	H11.11.05.02	MC: tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần (mẫu phiếu)	Mẫu phiếu	Đại học SKĐAHN	Khoa Sân khấu
	3	H11.11.05.03	Dự thảo Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	Năm 2022	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
	4	H11.11.05.04	Biên bản họp lớp, họp khoa Sân khấu	Biên bản họp	Đại học SKĐAHN	K. Sân khấu
	5	H11.11.05.05	Danh sách cựu sinh viên khoa Sân khấu	Danh sách		Khoa Sân khấu

	6	H11.11.05.06	Khảo sát việc làm của cựu SV (phiếu khảo sát, thư ngỏ....)	Phiếu khảo sát		Khoa Sân khấu
--	---	--------------	--	----------------	--	---------------